

CẨM NANG

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO TRẺ CÓ NHU CẦU GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT

TS. Phạm Minh Mục, TS. Vương Hồng Tâm
Ths. Nguyễn Thị Kim Hoa

NĂM 2012



NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

Học sinh:	HS
Giáo dục:	GD
Hòa nhập:	HN
Chuyên biệt:	CB
Trẻ khuyết tật:	KT
Khuyết tật trí tuệ:	KTTT
Giáo viên:	GV
Bộ giáo dục và đào tạo:	Bộ GD & ĐT
Kế hoạch giáo dục cá nhân:	KHGDCN
Không nên:	×
Nên:	✓
Nhu cầu giáo dục đặc biệt:	NCGDĐB
Giáo dục đặc biệt:	GDĐB

Lời giới thiệu

Do hậu quả của chiến tranh kéo dài, kinh tế kém phát triển và các điều kiện địa lí, phong tục, tập quán, Việt Nam thuộc nhóm nước có tỉ lệ trẻ khuyết tật cao trên thế giới.

Trong những năm gần đây, Nhà nước Việt Nam đã đặc biệt quan tâm đến việc thực hiện công bằng trong giáo dục, tạo điều kiện cho mọi trẻ em, trong đó có trẻ khuyết tật được tiếp nhận nền giáo dục tiên tiến có chất lượng.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã lựa chọn mô hình giáo dục hòa nhập làm phương thức giáo dục chính nhằm thực hiện quyền được chăm sóc và giáo dục của trẻ em có nhu cầu giáo dục đặc biệt. Kết quả sau hơn 10 năm thực hiện giáo dục hòa nhập, Việt Nam đang tiến dần đến các tiêu chí của các Công ước quốc tế về số lượng trẻ khuyết tật được đi học, được tiếp cận giáo dục.

Tuy nhiên, hệ thống các trường sư phạm đã không đáp ứng kịp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về giáo dục trẻ khuyết tật cho đội ngũ giáo viên trên toàn quốc. Vì vậy, số lượng trẻ khuyết tật được đi học đã tăng đáng kể, nhưng chất lượng giáo dục còn chưa đạt yêu cầu.

Muốn thực hiện giáo dục trẻ em có nhu cầu đặc biệt có hiệu quả cần sự nỗ lực và hợp tác chặt chẽ giữa gia đình, cộng đồng và nhà trường. Để có sự hợp tác chặt chẽ đó và mục tiêu giáo dục phù hợp thì mỗi trẻ khuyết tật phải được xây dựng Kế hoạch giáo dục cá nhân (KHGDCN). Một bản KHGDCN khoa học, khả thi, phù hợp với điều kiện thực hiện giáo dục cũng như sự phát triển của trẻ được coi là một giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập.

Trong tài liệu này chúng tôi trình bày hết sức ngắn gọn qui trình xây dựng và thực hiện bản KHGDCN, gồm:

Phần I. Giới thiệu sơ lược sự ra đời của KHGDCN

Phần II. Quy trình xây dựng và thực hiện KHGDCN cho trẻ có nhu cầu GD đặc biệt.

Phần III. Minh họa Trình bày một số mẫu KHGDCN đã được xây dựng và thực hiện dành đối tượng học sinh cụ thể.

Phần Phụ lục: Giới thiệu một số mẫu đánh giá khả năng, nhu cầu của trẻ có các dạng khuyết tật khác nhau.

Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và phụ huynh trẻ khuyết tật có thể vận dụng một cách linh hoạt các tư liệu trên vào công tác xây dựng và thực hiện KHGDCN cho học sinh hoặc con em của mình.

Để có thể biên soạn và xuất bản tài liệu này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự chia sẻ của nhiều chuyên gia, nhiều giáo viên đang trực tiếp chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật, đặc biệt là Viện Khoa học giáo dục Việt Nam và Tổ chức Handicap International (HI) đã tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí thực hiện.

Tài liệu được biên soạn với mong muốn dễ đọc, dễ vận dụng và phục vụ nhiều đối tượng khác nhau, vì vậy, có thể còn thiếu các cơ sở lý luận, chưa hoàn chỉnh và không thể tránh được các thiếu sót. Nhóm tác giả mong muốn nhận được sự góp ý, bổ sung giúp tài liệu hoàn thiện hơn, hữu dụng hơn.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nhóm tác giả.

Mục Lục

Lời giới thiệu	1
Mục lục.....	3
PHẦN I. KẾ HOẠCH VÀ KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO TRẺ CÓ NHU CẦU GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT	5
1. Lịch sử phát triển của kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt.....	5
2. Thực trạng giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam và thực trạng công tác xây dựng, thực hiện hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật.....	6
2.1. Thực trạng trẻ khuyết tật Việt Nam.....	6
2.2. Thực trạng giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam	7
2.3. Thực trạng việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân....	9
PHẦN II. XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO TRẺ CÓ NHU CẦU GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT.....	10
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA BẢN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN.....	10
1. Khái niệm kế hoạch giáo dục cá nhân	10
1.1 Khái niệm	10
1.2 Ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân.....	10
1.3 Các thành tố của bản kế hoạch giáo dục cá nhân.....	11
1.4 Những yêu cầu của bản KHGDCN	11
2. Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân	12
2.1 Nhóm hợp tác làm việc xây dựng KHGDCN	12
2.2 Các bước tổ chức họp nhóm xây dựng KHGDCN.....	13
2.3 Một số điểm cần chú ý khi tổ chức cuộc họp.....	16

Chương II. QUI TRÌNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO TRẺ CÓ NHU CẦU GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT18

1. Tìm hiểu khả năng, nhu cầu (phát triển) và sở thích của trẻ	19
1.1. Lý do tìm hiểu	19
1.2. Nội dung tìm hiểu khả năng và nhu cầu trẻ	19
1.3. Phương pháp tìm hiểu	20
2. Xây dựng mục tiêu giáo dục	30
3. Lập kế hoạch	34
4. Tổ chức thực hiện.....	35
5. Thiết kế Mục tiêu các bài học phù hợp với KHGDCN.....	41
6. Đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch	44

PHẦN III. MINH HOẠ MỘT SỐ MẪU KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CỦA HỌC SINH CÓ NHU CẦU GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT48

1. Trường hợp 1. Học sinh khuyết tật trí tuệ.....	48
2. Trường hợp 2. Học sinh có khó khăn về đọc, viết	55
3. Trường hợp 3. Học sinh khiếm thị	65
4. Trường hợp 4. Học sinh khiếm thính	80

PHỤ LỤC

Mẫu số 1: Phiếu tìm hiểu khả năng và nhu cầu trẻ khiếm thị mầm non	92
Mẫu số 2: Phiếu tìm hiểu khả năng và nhu cầu trẻ khiếm thị tiểu học.....	96
Mẫu số 3: Phiếu tìm hiểu khả năng và nhu cầu trẻ khuyết tật trí tuệ trước tuổi học (1 - 6 tuổi).....	99
Mẫu số 4: Phiếu tìm hiểu khả năng và nhu cầu trẻ khuyết tật trí tuệ (6 - 16 tuổi)	105
Mẫu số 5: Phiếu đánh giá khả năng và nhu cầu của trẻ khiếm thính (mầm non).....	111
Mẫu số 6: Phiếu đánh giá khả năng và nhu cầu của trẻ khiếm thính (tiểu học)	114

PHẦN I.

KẾ HOẠCH VÀ KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO TRẺ CÓ NHU CẦU GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT

1. Lịch sử phát triển của kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt

Một trong những sản phẩm đặc thù đồng thời cũng là yếu tố quyết định giúp loài người thoát ra khỏi thế giới loài vật và không ngừng phát triển đó chính là lập kế hoạch trước khi hành động. Bản kế hoạch hoàn hảo phải luôn thể hiện được những mục tiêu cụ thể, những điều kiện, phương tiện để thực hiện hoạt động cũng như kết quả dự kiến trước khi hành động.

Bản kế hoạch hoàn hảo sẽ giúp cho mỗi người thực hiện kiểm soát được tiến độ, tiến trình, điều chỉnh được các hoạt động, hành vi của người thực hiện và luôn luôn biết hướng tới mục tiêu đã định nhằm đạt kết quả tốt nhất.

Những năm gần đây, trong giáo dục xu thế đổi mới phương pháp dạy học đang diễn ra mạnh mẽ trong tất cả các nhà trường, đặc biệt là đối với các nhà trường tiểu học. Mục tiêu *Giáo dục tiểu học là nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở*¹. Để đạt được mục tiêu này thì hoạt động dạy học cần hướng trọng tâm vào người học, áp dụng các phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực chủ động học tập của học sinh như: phương pháp cá biệt hoá, phương pháp học hợp tác nhóm... Trong GD hòa nhập, người quán triệt quan điểm trên, thì tính cá biệt còn được thể hiện rõ. Ngoài những chiến lược giáo dục – dạy học chung thì giáo dục trẻ khuyết tật còn cần những chiến lược đặc thù riêng. Giáo dục trên cơ sở bản kế hoạch giáo dục cá nhân cho mỗi trẻ khuyết tật được coi là một biện pháp không thể thiếu nhằm nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập nói chung, cũng như phát huy những khả năng còn tiềm ẩn của trẻ khuyết tật.

Trên thế giới, Giáo dục trẻ khuyết tật thực sự bắt đầu vào thế kỷ thứ XVI, nhưng quan điểm giáo dục trẻ khuyết tật dựa vào bản kế hoạch giáo dục cá nhân chỉ được đề cập vào cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII do một

¹ Luật giáo dục sửa đổi năm 2010.

nhà vật lý đồng thời là nhà giáo dục người Pháp, Han Marc Gaspard Itard (1774-1836). Từ kinh nghiệm quá trình nghiên cứu nuôi dạy một trẻ bị bỏ hoang (do thú rừng nuôi), ông đã đề xuất biện pháp giáo dục trẻ khuyết tật thông qua một bản kế hoạch giáo dục cá nhân cho mỗi trẻ.

Tuy nhiên, phải mất hơn một thế kỷ sau, vào năm 1972, Gallagher - một nhà giáo dục học Mỹ, trong công trình nghiên cứu của mình mới khẳng định: “Chìa khoá của nền giáo dục phù hợp là Kế hoạch giáo dục cá nhân” (Những cuộc sống ngoại lệ - Ann Turnbull, Rud Turnbull, Marilyn Shank, Dorothy Leal, 1995)

Năm 1973, bang New Orleans, năm 1974, bang Illinois và bang Ma sa chu sét đã có những qui định trong luật giáo dục của bang: “Phải lập kế hoạch giáo dục cá nhân để giáo dục và huấn luyện trẻ khuyết tật”. Đến năm 1975, Quốc hội Mỹ thông qua Luật giáo dục trẻ khuyết tật và một trong những điều khoản của luật này là: Những người khuyết tật có **Quyền** được hưởng một nền giáo dục phù hợp nhằm đáp ứng những nhu cầu riêng biệt của họ. Ngay sau đó, hàng loạt các công trình nghiên cứu của rất nhiều tác giả về kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật được công bố trong nước Mỹ và một số nước tiên tiến khác.

2. Thực trạng giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam và thực trạng công tác xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ khuyết tật

2.1. Thực trạng trẻ khuyết tật Việt Nam

Kết quả nghiên cứu của Viện Khoa học giáo dục Việt Nam và số liệu thống kê của Bộ Lao động, Thương Binh – Xã hội về trẻ khuyết tật đều cho số liệu thống kê là trẻ khuyết tật chiếm tỉ lệ 3.47% tổng số trẻ em cùng độ tuổi. Như vậy, cả nước có khoảng 1.320.000 trẻ khuyết tật.

Độ tuổi phát hiện khuyết tật của trẻ cũng khác nhau đáng kể. Trẻ khuyết tật ở độ tuổi từ 0 đến 5 tuổi có tỉ lệ thấp hơn, từ 6 đến 11 tuổi có tỷ lệ tương đương tỉ lệ chung và từ 12 đến 16 tuổi có tỉ lệ cao hơn.

Ở độ tuổi 0-5, khuyết tật ở trẻ khó phát hiện hơn do phụ huynh trẻ ít hiểu biết về sự phát triển của trẻ hoặc đã phát hiện ra, nhưng không muốn thừa nhận khuyết tật của con mình. Tỉ lệ trẻ khuyết tật tăng lên ở tuổi 6-11 cho thấy biểu hiện khuyết tật ở trẻ đã khá rõ và cha mẹ trẻ đã có nhận thức về khuyết tật của con em mình. Ở độ tuổi 12-16 trẻ có biểu hiện khuyết tật rõ nhất, đặc biệt đối với trẻ chậm phát triển (cả thể chất và trí tuệ).

Tỉ lệ trẻ khuyết tật trong các vùng miền cũng khác nhau cũng khác nhau. Vùng Bắc Trung bộ có tỉ lệ cao hơn các vùng khác, tiếp đến vùng Tây nguyên, thấp nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng Bắc bộ.

2.2. Thực trạng giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam

Giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam, do nhiều lý do khác nhau có lịch sử phát triển muộn hơn nhiều so với các nước ở Châu Âu. Giáo dục trẻ KT Việt Nam có thể chia ra thành 2 giai đoạn, giai đoạn trước năm 1975 và giai đoạn sau năm 1975.

- Giai đoạn trước năm 1975

Các trường giáo dục trẻ khuyết tật được hình thành và phát triển mang tính tự phát. Các trường giáo dục trẻ khuyết tật thường do các cơ sở tôn giáo hoặc cá nhân thành lập và thực hiện. Ví dụ: Trường dạy trẻ điếc đầu tiên ở Việt Nam được thành lập năm 1896 ở Thuận An (Bình Dương) do linh mục người Pháp tên là Azemar khởi xướng; trường dạy học trẻ khiếm thị thành lập năm 1902 đặt tại bệnh viện Chợ Rẫy - Sài Gòn do ông Nguyễn Văn Chí, một người mù Pháp gốc Việt khởi xướng. Sau đó còn có một số trường mới được thành lập ở cả các ba miền Bắc, Trung, Nam.

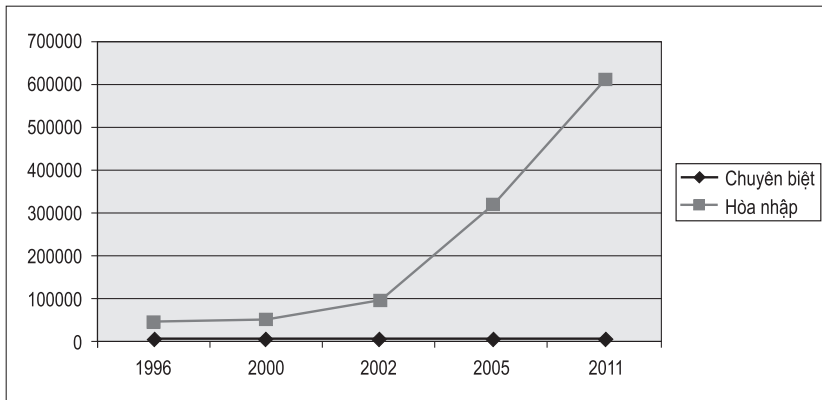
- Giai đoạn sau năm 1975

Từ năm 1975, sau khi thống nhất đất nước, dưới sự chỉ đạo của Đảng, Chính phủ hàng loạt các trường, cơ sở giáo dục trẻ khuyết tật đã được thành lập. Hình thức tổ chức cũng rất phong phú và đa dạng, các tổ chức xã hội, cá nhân vẫn được khuyến khích mở trường, cơ sở giáo dục và dạy nghề cho trẻ và người khuyết tật. Ngoài ra Nhà nước còn chỉ đạo ba ngành chức năng chịu trách nhiệm chính trong lĩnh vực chăm sóc, giáo dục, phục hồi chức năng và hướng nghiệp, dạy nghề cho người khuyết tật là Bộ Y tế, Bộ Lao động, Thương Binh – Xã hội và Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Đặc biệt, từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam với sự hợp tác và hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, như: Radda Barnen – Thủ Điền (nay là Cứu trợ nhi đồng Thụy Điển), World Vision, Ủy Ban II – Hà Lan, Plan International, The Save Children US, PSBI, Tổ chức Cứu trợ và Phát triển (CRS) – Hoa Kỳ và Handicap International (HI) đã nghiên cứu thử nghiệm các mô hình giáo dục trẻ khuyết tật ở nhiều địa phương với các đặc điểm địa lý, văn hóa và điều kiện kinh tế khác nhau nhằm đúc kết kinh nghiệm và vận dụng triển khai giáo dục trẻ khuyết tật

trên toàn quốc. Kết quả nghiên cứu và thực nghiệm đã đạt được những kết quả vô cùng đáng khích lệ. Nhận thức của cộng đồng dân cư về trẻ khuyết tật đã thay đổi, giáo viên, quản lý giáo dục được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn quản lý và trực tiếp dạy trẻ khuyết tật, đặc biệt, số lượng trẻ khuyết tật được đi học ngày càng tăng và Việt Nam đang tiến dần tới các mục tiêu mà Nhà nước Việt Nam đã ký cam kết với cộng đồng quốc tế.

Biểu đồ tỷ lệ trẻ khuyết tật đi học từ năm 1996 đến năm 2010²



Các chỉ số của biểu đồ cho thấy:

- Thời điểm năm 1996:
 - + Chỉ có khoảng 7.500 học sinh học chuyên biệt;
 - + Và 40.000 học sinh khuyết tật nhẹ học hòa nhập.
- Thời điểm năm 2002, số lượng học sinh đi học đã có sự thay đổi rõ rệt:
 - + Gần 10.000 học sinh học chuyên biệt;
 - + Gần 100.000 học sinh học hòa nhập. Tuy nhiên, số học sinh trên tập trung ở các vùng thực hiện dự án và các tỉnh có sự tác động của dự án.
- Thời điểm năm 2010:
 - + Gần 15.000 học sinh học chuyên biệt;
 - + Và hơn 600.000 học sinh học hòa nhập.

² Báo cáo xây dựng chiến lược, Viện khoa học giáo dục Việt Nam

Nghiên cứu sự thay đổi và phân tích các nguyên nhân cho thấy, sau quá trình nghiên cứu thử nghiệm, Viện Khoa học giáo dục Việt nam đã tư vấn cho lãnh đạo Bộ chính thức lấy mô hình giáo dục hòa nhập (GDHN) là chủ đạo để thực hiện giáo dục trẻ khuyết tật. Viện đã tư vấn cho Bộ thành lập Ban chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật và chỉ đạo cho 64 tỉnh và thành phố (cả tỉnh Hà Tây cũ) cũng thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh. Ban chỉ đạo cấp Sở đã trực tiếp chỉ đạo và huy động trẻ đến trường. Vì vậy, đã đạt được kết quả trên. Tuy nhiên, số lượng trẻ khuyết tật được đi học mới chỉ tập trung chủ yếu ở các cấp Mầm non và Tiểu học, ở các cấp học cao hơn còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng..

2.3. Thực trạng việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân

Cùng với việc triển khai GDHN trên diện rộng, Bộ GD&ĐT cũng tổ chức tập huấn cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật. Nội dung các khóa tập huấn là những kiến thức cơ bản về giáo dục hòa nhập, kiến thức và kỹ năng dạy trẻ có các dạng khó khăn khác nhau, trong đó có kỹ năng lập KHGDCN cho trẻ khuyết tật.

Bộ GD&ĐT đã có văn bản chỉ đạo phải xây dựng KHGDCN cho tất cả trẻ khuyết tật và có mẫu kèm theo. Tuy nhiên, việc xây dựng và thực hiện KHGDCN cho trẻ khuyết tật chưa được thực hiện một cách hệ thống. Thông thường giáo viên chủ nhiệm là người xây dựng và thực hiện chính, mà ít có sự tham gia của gia đình và của các lực lượng xã hội.

PHẦN II.

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO TRẺ CÓ NHU CẦU GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT

Chương 1.

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA BẢN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN

1. Khái niệm kế hoạch giáo dục cá nhân

1.1 Khái niệm

Kế hoạch giáo dục cá nhân là một bản kế hoạch/văn bản được thiết kế cho mỗi trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt giúp giáo viên và các thành viên tham gia có thể định hướng được nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ trong môi trường hoà nhập tại gia đình, cộng đồng và nhà trường nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể.

1.2 Ý nghĩa của việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân

Mục tiêu cao nhất của giáo dục đặc biệt là giúp trẻ hoà nhập vào cuộc sống cộng đồng, có cơ hội sống độc lập đến mức cao nhất và có một vị trí phù hợp trong xã hội. Bản KHGDCN có những ý nghĩa cụ thể sau:

- Là cơ sở pháp lý có giá trị tương đương với Học bạ của học sinh, là cơ sở để học sinh và giáo viên hưởng các chế độ chính sách được Nhà nước Việt Nam và ngành Giáo dục – Đào tạo qui định.
- Là cơ sở để Chính quyền địa phương chỉ đạo các ban ngành, các lực lượng xã hội phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện chăm sóc và giáo dục trẻ.
- Là cơ sở để Ban giám hiệu nhà trường quản lý được những hoạt động đã và đang diễn ra đối với giáo viên và trẻ, và là cơ sở quan trọng cho việc đánh giá được hiệu quả của quá trình giáo dục nói chung cũng như quá trình dạy học nói riêng.
- Là cơ sở để thiết lập mối quan hệ hợp tác giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ.

1.3 Các thành tố của bản kế hoạch giáo dục cá nhân

Thông thường, một bản kế hoạch giáo dục cá nhân bao gồm các thành tố cơ bản sau:

- Thông tin chung về trẻ.
- Mục tiêu giáo dục: bao gồm mục tiêu giáo dục của năm học, từng học kỳ, từng tháng, từng tuần.
- Kế hoạch giáo dục, bao gồm:
 - Thời điểm và thời gian thực hiện: cần chỉ rõ ngày bắt đầu thực hiện và thời hạn hoàn thành hoạt động.
 - Nội dung hoạt động: hệ thống hoạt động mà người giáo viên dự tính sẽ tiến hành tổ chức giúp trẻ đạt mục tiêu.
 - Cách tiến hành và các dịch vụ/phương tiện liên quan: là những biện pháp, điều kiện để thực hiện hoạt động đó đạt kết quả. Những điều kiện, phương tiện đảm bảo cho thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân bao gồm các dịch vụ đặc biệt cho các đối tượng trẻ khuyết tật khác nhau (máy trợ thính, chữ nổi Braille, đồ dùng học tập phù hợp với trẻ khó khăn về vận động...), các hoạt động tập thể đảm bảo cho trẻ khuyết tật được tham gia, các môi trường phù hợp với khả năng, hứng thú của trẻ...
 - Người thực hiện: là những người giúp trẻ thực hiện các hoạt động. Bản kế hoạch cần chỉ rõ người chịu trách nhiệm chính, người hỗ trợ, thời gian và công việc cụ thể của từng thành viên.
 - Đánh giá kết quả: cần chỉ ra yêu cầu mức độ đạt được. Đối với mỗi mục tiêu, cần chỉ rõ những tiêu chí và cách thức đánh giá. Cần lưu ý khi tiến hành đánh giá phải xác định rõ mục đích đánh giá là nhằm xác định bước phát triển tiếp theo cụ thể của trẻ để từ đó có những biện pháp can thiệp giáo dục kịp thời đáp ứng nhu cầu của trẻ.

Ngoài ra, cần xác định được những yếu tố tác động khách quan và chủ quan có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch, cũng như cần dự tính trước những khoản cần chi phí cho việc thực hiện kế hoạch.

Kế hoạch giáo dục cho từng trẻ được thể hiện chi tiết trong từng tuần, từng tháng, từng học kỳ và cả năm học.

1.4 Những yêu cầu của bản KHGDCN

- *Rõ ràng và chi tiết*: tránh sử dụng những thuật ngữ khó hiểu. Kế hoạch càng cụ thể, chi tiết bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu.

- *Đảm bảo tính logic:* Các thành tố của một bản kế hoạch: như mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức, điều kiện và phương tiện thực hiện hoạt động cần thống nhất. Đảm bảo sự thống nhất giữa các nội dung ngay trong một thành tố. Thực hiện bước này sẽ là nền tảng và căn cứ để thực hiện các bước tiếp theo.
- *Đảm bảo tính hợp lý:* bản kế hoạch cần được xây dựng để khi thực hiện đảm bảo tính linh hoạt cho phép người thực hiện điều chỉnh nếu qua đánh giá nhận thấy chưa hợp lý.
- *Có thể kiểm soát được:* bản kế hoạch phải được thể hiện sao cho việc tổ chức các hoạt động, các mức độ đạt được mục tiêu cũng như những ảnh hưởng, tác động đến việc thực hiện kế hoạch đều có thể đo lường, xác định được tại bất cứ thời điểm nào.
- *Có thể chấp nhận:* thể hiện mong muốn, nhu cầu của những người thực hiện, mọi thành viên đều cảm thấy cần thiết phải xây dựng và thực hiện kế hoạch này.
- *Tính hiện thực:* trong hoàn cảnh hiện tại với các nguồn lực sẵn có thì các mục tiêu đã đề ra hoàn toàn có thể đạt được.
- *Trung thực:* bản kế hoạch cần phản ánh đúng thực tế, đạt được sự thống nhất của những thành viên có liên quan.

2. Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân

2.1 Nhóm hợp tác làm việc xây dựng KHGDCN

Bản KHGDCN là sản phẩm của tập thể những người tham gia xây dựng. Các thành viên tham gia xây dựng là:

1. Đại diện chính quyền địa phương;
2. Ban giám hiệu nhà trường (Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng);
3. Giáo viên trực tiếp dạy trẻ;



Tư vấn cha mẹ cách chăm sóc giáo dục trẻ



Tư vấn tại gia đình

4. Cha/mẹ trẻ;
5. Trẻ khuyết tật;
6. Đại diện của Nhóm hỗ trợ cộng đồng (cán bộ y tế xã hoặc thôn/xóm, hoặc tình nguyện viên...);
7. Giáo viên phụ trách giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật (của trường hoặc giáo viên từ Trung tâm hỗ trợ GDHN)



Cán bộ y tế kiểm tra khả năng vận động của trẻ

Nhóm hợp tác làm việc xây dựng KHGDCN cần thực hiện một số công việc cụ thể sau:

- Phát hiện trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt trong cộng đồng và khu vực dân cư;
- Đánh giá khả năng, nhu cầu và hứng thú của trẻ;
- Tham khảo các ý kiến của các nhà chuyên môn (chủ yếu là giáo viên và cán bộ y tế), cha mẹ trẻ, những người quan tâm đến trẻ...
- Đánh giá tổng thể dựa trên nhu cầu của trẻ và điều kiện chăm sóc giáo dục gia đình trẻ;
- Đưa ra các quyết định đối với việc xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân.

Trách nhiệm của mỗi thành viên trong nhóm hợp tác xây dựng KHGDCN cho trẻ, được thể hiện bằng chữ ký của mình trong bản kế hoạch và sự tham gia vào tất cả các bước của quá trình xây dựng và thực hiện bản kế hoạch đó.

2.2 Các bước tổ chức họp nhóm xây dựng KHGDCN

Thông thường nhà trường sẽ đóng vai trò chủ đạo trong hoạt động xây dựng và thực hiện KHGDCN cho trẻ. Ban giám hiệu nhà trường (Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng) chịu trách nhiệm tổ chức và điều hành cuộc họp. Để cuộc họp đạt được kết quả như mong muốn cần theo quy trình 9 bước sau:

Bước 1. Chuẩn bị

Công tác chuẩn bị đóng vai trò rất quan trọng cho việc có tổ chức thành

công cuộc họp hay không. Công tác chuẩn bị bao gồm: chuẩn bị nội dung, thành phần, địa điểm và môi trường tổ chức cuộc họp.

Bước 2. Khai mạc

Phải đảm bảo rằng mọi thành viên của cuộc họp hiểu biết nhau; đồng thời xác định được trọng tâm của cuộc họp.

Bước 3. Trao đổi về quan điểm, kì vọng, khó khăn và điểm mạnh của trẻ

Khuyến khích mọi người tham dự phát biểu ý kiến. Cùng cố niềm tin của mọi người về những điểm mạnh của trẻ và cam kết tham gia thực hiện.

Bước 4. Tóm tắt kết quả đánh giá về khả năng hiện tại của trẻ

- Chia sẻ với gia đình kết quả đánh giá khả năng và nhu cầu của trẻ.
- Thảo luận ý nghĩa và tác dụng của kết quả đánh giá đối với chương trình giáo dục phù hợp, các mối ưu tiên, điểm mạnh, kỳ vọng và nhu cầu của trẻ.
- Xem xét quá trình phát triển và khả năng hiện tại của trẻ về từng lĩnh vực quan tâm.
- Chỉ tiếp tục xây dựng bản KHGDCN khi mọi người tham dự đều thống nhất ý kiến về khả năng hiện tại của trẻ.

Bước 5. Trao đổi về nguồn lực, thứ tự ưu tiên và những mối quan tâm

- Chia sẻ quan điểm nhìn nhận, kỳ vọng, điểm mạnh, ưu tiên và nhu cầu của trẻ và gia đình cũng như các chuyên gia.
- Đề nghị những người tham dự trao đổi các vấn đề ưu tiên và thống nhất những vấn đề quan trọng nhất.

Bước 6. Xác định mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu dài hạn

- Xác định các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn.
- Tập hợp những mục tiêu ngắn hạn và dài hạn về mọi lĩnh vực cần tới sự thiết kế đặc biệt, phù hợp với những kỳ vọng, điểm mạnh và ưu tiên đã thống nhất, cũng như các mối quan hệ xã hội, các môn học ngoài chương trình và hoạt động ngoại khoá.
- Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn có tính tới việc nhìn nhận, kỳ vọng, nhu cầu, điểm mạnh về ưu tiên của trẻ và gia đình.

- Xác định các tiêu chí, quy trình và tiến độ đánh giá đối với các mục tiêu và phương thức thông tin thường xuyên cho phụ huynh.

Bước 7. Xác định những biện pháp hỗ trợ và thiết bị cần có cho trẻ trong lớp hoà nhập

- Lựa chọn một môi trường hoà nhập cho phép trẻ tiếp thu sự giáo dục cá nhân phù hợp và phát triển khả năng hoà nhập với bạn bè cùng trang lứa có hoặc không có khuyết tật.
- Thống nhất lựa chọn một lớp hoà nhập và sắp xếp cho trẻ, gia đình tới thăm và kiểm chứng xem có phù hợp với nguyện vọng, mong muốn của trẻ và của gia đình không.
- Xác định các dịch vụ/ phương tiện hỗ trợ và dịch vụ có liên quan sẽ hỗ trợ cho trẻ nhằm đảm bảo lớp hoà nhập phù hợp với trẻ.
- Thông báo thông tin cần thiết về những người sẽ tiến hành giảng dạy, cung cấp dịch vụ/ phương tiện hỗ trợ và dịch vụ có liên quan (tên, trình độ chuyên môn)

Bước 8. Điều chỉnh việc đánh giá và các yếu tố đặc biệt khác

- Điều chỉnh việc đánh giá và các yếu tố đặc biệt;
- Xác định những điều chỉnh cần thiết đối với trẻ để em có thể tham gia các đợt đánh giá kết quả về học tập;

Bước 9. Kết luận

- Phân định trách nhiệm theo dõi về sau đối với các nhiệm vụ cần quan tâm chú ý,
- Tóm tắt bằng lời và bằng văn bản những quyết định cơ bản và trách nhiệm theo dõi về sau của mọi thành viên,
- Xác định những phương án tối ưu để duy trì liên lạc giữa các thành viên,
- Xác định ngày dự kiến đánh giá việc triển khai KHGDCN,
- Thống nhất với phụ huynh phương thức chuyển thông tin thường xuyên cho họ về sự tiến bộ mà trẻ đạt được theo các mục tiêu hàng năm và mức độ mà tiến bộ đó đóng góp vào việc trẻ có khả năng đạt mục tiêu đề ra cho tới cuối niên hạn đó.

2.3 Một số điểm cần chú ý khi tổ chức cuộc họp

Trước cuộc họp

- Đảm bảo tính khách quan, chính xác và bảo mật (nếu cần) của thông tin, báo cáo khách quan và kiểm chứng những nhận xét chủ quan khi có thể. Luôn luôn thể hiện thái độ độ khi làm việc với những người khác.
- Quan tâm đến quan điểm của các chuyên gia khác có liên quan tới trẻ. Cố gắng thể hiện sự hiểu biết đối với hoàn cảnh của họ khi tìm kiếm giải pháp phù hợp cho trẻ.
- Cố gắng dự đoán những vấn đề có thể phát sinh trong cuộc họp. Ghi lại những biện pháp giải quyết trước khi bắt đầu cuộc họp.

Trong cuộc họp

- Người chủ tọa luôn có mặt để tổ chức cuộc họp;
- Hoàn tất phần giới thiệu trước khi bắt đầu, sau đó để các thành viên tự giới thiệu và làm quen;
- Người đánh giá tóm tắt nội dung đánh giá đã thực hiện cung cấp cho bản đánh giá đó.
- Nếu có bất đồng ý kiến phân nào của bản đánh giá, chủ tọa cần yêu cầu thành viên đó giải thích rõ ý kiến của họ, gửi bản phôi của văn bản đó cho những người vắng mặt.
- Chủ tọa nêu được giải pháp xếp lớp, cung cấp dịch vụ phù hợp nhất với các nhu cầu của trẻ. Chủ tọa đặt câu hỏi và khuyến khích phụ huynh phản hồi để đảm bảo rằng họ hiểu các giải pháp sắp xếp khác nhau cho con mình.
- Xây dựng và viết bản KHGDCN ngay trong quá trình họp. Không nên chuẩn bị sẵn một bản hoàn thiện và mang ra cho mọi người kí.
- Chủ tọa tóm tắt nội dung cuộc họp và xây dựng kế hoạch cho các cuộc họp sắp tới. Chủ tọa nên ghi lại toàn bộ kế hoạch theo dõi về sau và thông báo sẽ gửi tài liệu này cho mọi thành viên tham dự;
- Thảo luận ngày dự kiến cho cuộc họp tiếp theo, sao cho mọi thành viên tham dự sẽ có mặt đầy đủ và được tổ chức muộn nhất trong vòng một năm tới.

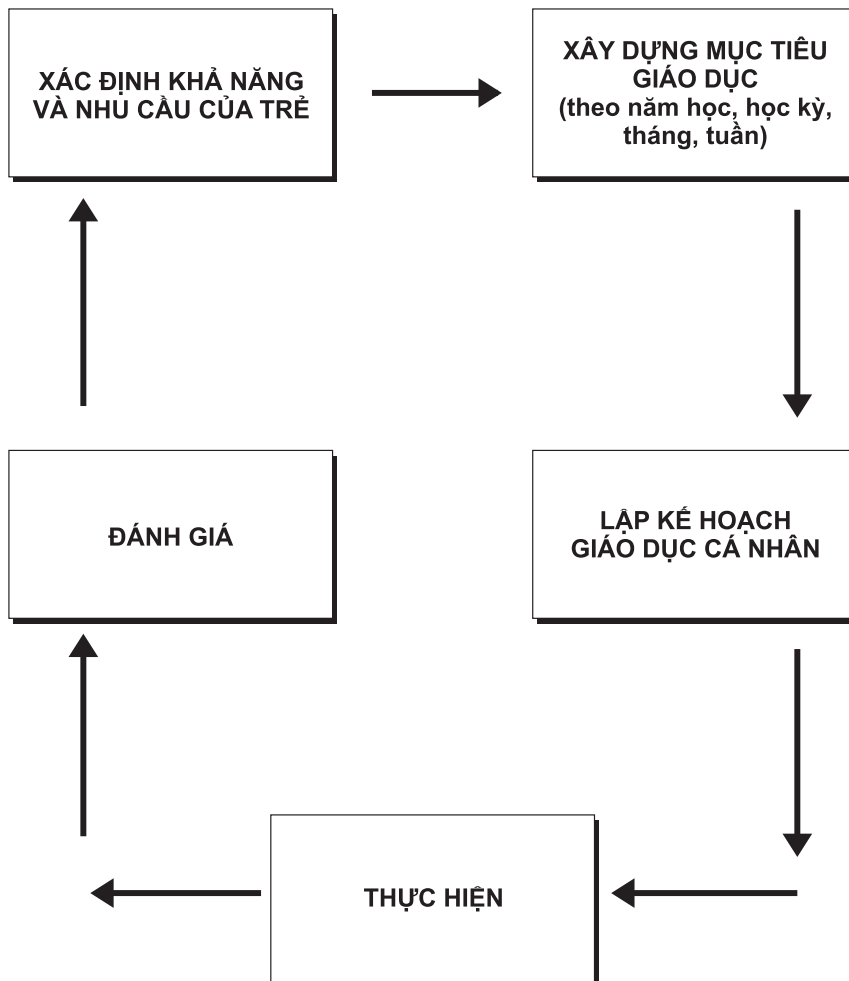
Sau cuộc họp

- Triển khai thực hiện các mục tiêu đề ra trong cuộc họp.
- Cố gắng theo thực hiện kế hoạch khi triển khai chương trình hỗ trợ trẻ.
- Thường xuyên giám sát các mục tiêu, ghi ngày tháng của những lần giám sát.
- Nếu có điều chỉnh nên tổ chức một cuộc họp khác để thực hiện việc điều chỉnh.
- Tiếp tục khai thác thông tin đầu vào và phản hồi của mọi thành viên tham dự kể cả phụ huynh, giáo viên.
- Tiếp tục tiến hành ghi chép, viết báo cáo kết quả tác động có tác dụng đối với trẻ của phụ huynh và giáo viên, cũng như viết báo cáo về mọi quyết định giáo dục có liên quan tới trẻ.

Chương II

QUI TRÌNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO TRẺ CÓ NHU CẦU GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT

Sơ đồ các bước tiến hành



1. Tìm hiểu khả năng, nhu cầu (phát triển) và sở thích của trẻ (Bước 1)

1.1 Lý do tìm hiểu

Nhằm:

- Phát hiện những khả năng, tiềm năng (còn ở dạng tiềm ẩn);
- Phát hiện những nhu cầu, lĩnh vực cần phát triển của trẻ;
- Xác định cơ sở để xây dựng mục tiêu, xác định nội dung, biện pháp chăm sóc, giáo dục trẻ.

1.2 Nội dung tìm hiểu khả năng và nhu cầu trẻ

Việc xác định này được dựa vào phiếu khảo sát khả năng, nhu cầu của trẻ (mẫu phiếu ở phần phụ lục). Nội dung tìm hiểu gồm:

a. Khả năng phát triển thể chất và vận động

- Quá trình phát triển thể chất của trẻ: hình dáng, tầm vóc, đầu, mặt, chân, tay, tầm vóc cơ thể, chiều cao, cân nặng... so với độ tuổi
- Khả năng vận động của trẻ: kỹ năng vận động thô (đi, đứng, ngồi, chạy, nhảy..); kỹ năng vận động tinh (cầm vật nhỏ, sự di chuyển của ánh mắt, sự khéo léo của các chi...).



Xác định khả năng nhận thức



Xác định khả năng nghe của trẻ

b. Khả năng ngôn ngữ/giao tiếp

- Vốn từ, khả năng nghe hiểu, biểu đạt ngôn ngữ,
- Loại hình ngôn ngữ trẻ sử dụng (nói, viết, có lời, không lời...),
- Tật ngôn ngữ (nếu có)
- Các kỹ năng trong giao tiếp

c. Khả năng nhận thức

- Khả năng tiếp nhận thông tin của các giác quan
- Quá trình tri giác, hình thành biểu tượng
- Khả năng tư duy, tưởng tượng
- Trí nhớ, chú ý của trẻ
- Khả năng học tập các môn học, việc áp dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống hàng ngày...

d. Hành vi, tính cách

Xác định hành vi, tính cách của trẻ trong hoạt động giao tiếp, ứng xử, gồm: Bình thường, bất thường: hăng hái, thờ ơ/lãnh đạm/uru tu, nóng nảy, “bình thân”, khả năng tự điều chỉnh...

e. Kỹ năng tự phục vụ

- Ăn uống, vệ sinh cá nhân, thay đồ...
- Kỹ năng vệ sinh thân thể: vệ sinh thân thể, trang phục, vệ sinh môi trường...
- Khả năng tham gia làm những công việc trong gia đình của trẻ, kỹ năng sống trong gia đình, nhà trường, nơi công cộng..

f. Tìm hiểu môi trường phát triển của trẻ

- Môi trường gia đình: Trình độ học vấn của các thành viên trong gia đình, nhận thức của gia đình về vai trò của giáo dục, điều kiện vật chất, thái độ và đối xử của mọi người trong gia đình với trẻ.
- Môi trường nhà trường: Môi trường tâm lý của giáo viên và học sinh, trình độ chuyên môn và sự chia sẻ của giáo viên với học sinh, sự quan tâm của cán bộ quản lý nhà trường với GDHN...
- Cộng đồng: thái độ và mức độ quan tâm của các tổ chức xã hội (chính quyền đoàn thể, bạn bè, cộng đồng...) đối với trẻ và gia đình trẻ; phong tục tập quán của địa phương ảnh hưởng đến giáo dục...

1.3 Phương pháp tìm hiểu

a. Phương pháp quan sát

Quan sát nhằm:

- Để đánh giá kiến thức, thái độ, kỹ năng.
- Để phân tích một quá trình hoạt động.
- Để thu thập thông tin.
- Để cung cấp thông tin phản hồi về cách thức tiến hành một quá trình; từ đó có các biện pháp làm cho quá trình này trở nên hiệu quả hơn.

Quá trình quan sát

- Trước khi thực hiện: Người quan sát xác định lý do, mục tiêu quan sát, các tiêu chí quan sát.
- Trong quá trình thực hiện: Theo dõi các hoạt động diễn ra và cách thức diễn ra như thế nào; Ghi chép đầy đủ và khách quan các thông tin (ghi chép, máy quay, phim ảnh...)
- Sau khi sự kiện diễn ra: Người quan sát sử dụng các thông tin lưu lại để hoàn tất quá trình quan sát đã chủ định từ trước. Xử lý thông tin để đưa ra kết luận.

Các hình thức quan sát

- Quan sát khách quan: người quan sát không can thiệp vào quá trình hoạt động của trẻ, không để trẻ biết đang bị quan sát; thông tin ghi chép khách quan, trung thực.
- Quan sát bán chủ động: người quan sát chủ yếu vẫn đóng vai trò thụ động, nhưng để làm rõ những thông tin cần có người quan sát có thể tạo ra các hoạt động phụ trợ để trẻ tham gia.
- Quan sát chủ động: người quan sát tạo ra các tình huống, tổ chức các hoạt động cho trẻ tham gia nhằm mục đích lấy được các thông tin cụ thể, chi tiết đáp ứng mục tiêu quan sát.

Một số lưu ý trong quan sát:

- Tôn trọng những gì đang diễn ra tự nhiên với trẻ;
- Không áp đặt; tránh định kiến, quan niệm, kinh nghiệm chủ quan của người quan sát;
- Quan sát chung, bao quát trước khi quan sát từng bộ phận, chi tiết; quát sát từ nhiều góc độ, khía cạnh, vị trí khác nhau;
- Không bỏ sót chi tiết dù nhỏ;

- Không diễn giải thông tin theo ý kiến chủ quan;
- Liên kết các thông tin và các sự kiện diễn ra;
- Quan sát kết hợp xử lí thông tin (liên hệ, so sánh đối chiếu...)

b. Phương pháp đàm thoại/phỏng vấn

Là quá trình trao đổi (trực tiếp hoặc gián tiếp) với đối tượng cần tìm hiểu (gia đình, hàng xóm, cộng đồng, giáo viên đã dạy trẻ, nhân viên y tế...) nhằm thu thập thông tin về trẻ từ khi sinh đến thời điểm hiện tại.

a. Kỹ năng đặt và sử dụng câu hỏi

<i>TT</i>	<i>Dạng câu hỏi</i>	<i>Ví dụ</i>
1	<i>Câu hỏi đóng</i> : là loại câu hỏi có câu trả lời “có” hoặc “không”.	Gia đình cháu T có thuộc diện gia đình nghèo không?
2	<i>Câu hỏi mở</i> : là loại câu hỏi mà câu trả lời tùy thuộc tình hình thực tế, từ suy nghĩ và nhận thức của người được hỏi (cung cấp thông tin)	Ai là hiệu trưởng trường Hải Long? Chị đã áp dụng phương pháp dạy học tích cực nào ? Kết quả học tập HKI của HS lớp chị như thế nào ?
3	<i>Câu hỏi dẫn/ thăm dò</i> : là loại câu hỏi mà câu trả lời đã được dẫn ra. Người trả lời được gợi ý và phải lựa chọn (khi đã có một số thông tin)	Trong các phương pháp dạy học: chia nhóm, trực quan, trò chơi thì anh hay áp dụng phương pháp nào nhất ?
4	<i>Câu hỏi tình huống</i> : là loại câu hỏi về một tình huống cụ thể (tình huống có thể giả định)	Anh làm gì khi HS không hiểu bài ? Mỗi khi trời mưa to thì HS đi học như thế nào ?

5	<i>Câu hỏi lựa chọn so sánh:</i> là loại câu hỏi mà câu trả lời thường được đưa ra và so sánh	Trong 4 môn học Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên - Xã hội và Hát nhạc thì môn học nào em thích nhất? Vì sao ?
6	<i>Câu hỏi trực tiếp:</i> là loại câu đặt ra cho một người, câu hỏi này dùng để kiểm tra, tạo không khí thảo luận, đưa người “mơ mộng” vào đúng chủ đề	Chị Lan, theo chị thì môn học nào áp dụng phương pháp dạy học tích cực khó nhất ? Anh Hà, theo anh thì phát biểu vừa rồi như thế nào ?
7	<i>Câu hỏi gián tiếp:</i> là loại câu hỏi có cùng câu trả lời như câu hỏi trực tiếp song đòi hỏi một câu trả lời tổng quát hơn và khó khăn hơn câu trả lời cho câu hỏi trực tiếp	Câu hỏi trực tiếp: “Tuấn, tại sao em không chơi với bạn Long?” Câu hỏi gián tiếp: “Tuấn, tại sao em nghĩ rằng một nhóm bạn này lại thường không chơi với nhóm bạn khác?”
8	<i>Câu hỏi tổng thể:</i> là loại câu hỏi đặt chung cho cả nhóm. Ai cũng có thể trả lời.	Chúng ta có thể áp dụng trò chơi học tập ở môn Toán như thế nào ? Chúng ta có thể sử dụng Phiếu đánh giá bài dạy như thế nào ?

Lưu ý: Sử dụng các dạng câu hỏi một cách *linh hoạt, đúng tình huống* và *có mục đích* rõ ràng.

b. Kỹ năng phỏng vấn

Chuẩn bị phỏng vấn:

Xác định mục đích/mục tiêu phỏng vấn. Các câu hỏi cần thiết để xác định được mục tiêu phỏng vấn là:

- Tại sao cần có cuộc phỏng vấn này?
- Vì sao lại phỏng vấn người này/nhóm người này?
- Muốn đạt được điều gì sau phỏng vấn?

Lựa chọn và thu thập thông tin về người được phỏng vấn. Thông qua các kênh thông tin khác nhau:

- Thực tế tiếp xúc hàng ngày, các nguồn tư liệu; tin đồn.
- Những người quen biết, bạn bè..

Lựa chọn nội dung và các phương pháp phỏng vấn. Mô tả từng bước một, số lượng người phỏng vấn, các phương pháp áp dụng trong thực tiễn, bối cảnh của cuộc phỏng vấn...

Xây dựng kịch bản của cuộc phỏng vấn:

- Xác định trình tự các câu hỏi và các câu trả lời có thể có,
- Dự tính thái độ người được phỏng vấn,
- Giả định trước sự phản hồi và các giải pháp có thể đưa ra,
- Thời gian và nội dung trọng tâm,
- Ghi chép thông tin,
- Dự kiến cho lần phỏng vấn tiếp theo.
- Lựa chọn phương tiện cần sử dụng trong phỏng vấn; Đánh giá lại tất cả những công việc chuẩn bị của mình. Xem xét lại công tác chuẩn bị về tâm trạng của chính mình đã sẵn sàng hay chưa sẵn sàng, tự tin vào khả năng của bản thân hay chưa?

Quá trình phỏng vấn:

Những yêu cầu đối với cuộc phỏng vấn:

- Nhận thức hay “đánh giá bằng mắt” môi trường sống/nơi cuộc phỏng vấn được diễn ra.
- Không bỏ qua những chi tiết dù nhỏ,
- Dành một phút đầu tiên cho việc ổn định tư thế, tâm trạng và tạo bầu không khí,
- Mạnh dạn bắt đầu đi vào bước đầu tiên của cuộc phỏng vấn.

Làm thế nào để gây sự tin nhiệm trong quá trình phỏng vấn:

- Sử dụng qui tắc “nghe ngóng tích cực”; quan tâm tới người được phỏng vấn,
- Tiếp xúc liên tục bằng mắt,
- Sử dụng ngôn ngữ bằng lời thích hợp: cách xưng hô, tốc độ vừa phải,

nhẹ nhàng, giọng nhỏ hơn người được phỏng vấn, sự phù hợp trong sử dụng lời nói, cắt ngang lời nói của người được phỏng vấn v.v.

- Kết hợp lời nói với cử chỉ, điệu bộ cho phù hợp với tình huống
- Chú ý đến vấn đề về giới trong cuộc phỏng vấn.

Kết thúc phỏng vấn và phân tích kết quả đạt được

Kết thúc cuộc phỏng vấn:

- Tóm tắt lại một số nội dung cơ bản của cuộc phỏng vấn.
- Đưa ra một số đánh giá ban đầu (nếu cần thiết).
- Thống nhất kế hoạch.
- Sắp xếp cho cuộc gặp lần sau.
- Cảm ơn người được phỏng vấn.
- Phân tích kết quả phỏng vấn:
 - + Tổng hợp và xác định các nội dung cụ thể có được sau phỏng vấn dưới góc độ của nhà chuyên môn bằng hình thức báo cáo.
 - + Kết quả thu được phải phản ánh trung thực;
 - + Duy trì mối liên hệ;
 - + Tất cả những kết quả thu được cần phải được chia sẻ với những người liên quan.

Lưu ý: Một số vấn đề khi phỏng vấn trẻ em.

Độ dài, thời gian phỏng vấn:

- Phụ thuộc rất nhiều vào độ tuổi, tình trạng sức khỏe kinh nghiệm sống và khả năng sử dụng ngôn ngữ của đối tượng được phỏng vấn. Nếu đối tượng phỏng vấn là trẻ em tuổi từ 3 đến 8 tuổi thì cuộc phỏng vấn có thể kéo dài từ 5 đến 35 phút.

Tạo mối quan hệ thân thiện, tích cực với trẻ:

Người phỏng vấn có thể thu thập những thông tin cần thiết về trẻ qua:

- Giáo viên trực tiếp dạy trẻ (nếu người phỏng vấn không phải là giáo viên trực tiếp dạy trẻ),
- Bạn bè của trẻ,

- Người thân trong gia đình trẻ.

Cách tạo mối quan hệ thân thiện với trẻ:

- Tạo môi trường tiếp xúc an toàn đối với trẻ,
- Biết cách chơi cùng với trẻ,
- Tôn trọng, lắng nghe, động viên khuyến khích những điều trẻ nói,
- Sử dụng những đồ chơi, đồ vật hay những vật dụng phù hợp với ý thích cũng như mối quan tâm của trẻ,
- Nhạy cảm với những sự thay đổi tâm trạng của trẻ,
- Cần biết chờ đợi, không được dừng các hoạt động trẻ đang tham gia vì mục đích phỏng vấn,
- Sử dụng cử chỉ, ánh mắt, nét mặt biểu lộ sự thân thiện gần gũi với trẻ.

Kỹ năng phỏng vấn cần thiết:

- Những câu hỏi đầu tiên nên về những điều mà trẻ đã được học, đã được trải nghiệm, trẻ có thể trả lời một cách tương đối dễ dàng (học tập dựa trên kinh nghiệm),
- Biết sử dụng những câu hỏi tích cực và tránh đặt câu hỏi tiêu cực đối với trẻ.

Ví dụ:

✗ Không nên:

“Nào, con hãy kể cho cô nghe con làm được những việc gì nhỉ?”;



Nên cụ thể: Nếu muốn

“Bật chiếc đèn này sáng lên thì cô phải ấn vào công tắc nào nhỉ?”.

- Câu hỏi càng cụ thể càng tốt: phân chia câu hỏi tổng quát thành những câu hỏi cụ thể.

Ví dụ:

✗ Không nên: “Con hãy mô tả lớp học của con cho cô nghe nào?”.



Nên: “Con nhớ xem, trong lớp học của con có những gì?”, “Lớp học của con có bao nhiêu bạn?”, “Cô giáo con tên là gì?”...

- Sử dụng các câu hỏi như: “kể cho cô nghe...”, “hãy nhớ lại xem...”,

“tại sao...”, “khi nào...”, “ở đâu...”

- Cho trẻ thời gian suy nghĩ đồng thời tạo cơ hội cho trẻ để có câu trả lời.
- Sử dụng các mô hình, tranh vẽ, hình ảnh để giúp trẻ trả lời và kiểm tra được sự hiểu biết của trẻ.
- Sử dụng cùng một câu hỏi trong những hoàn cảnh hoặc nội dung khác nhau.
- Sử dụng câu hỏi diễn tiến (phỏng vấn sâu).
- Dừng việc tiếp tục hỏi khi trẻ không trả lời được câu hỏi hay trẻ đã mệt.

❖ *Một số lưu ý khi tiếp xúc với gia đình trẻ*

Đây là một công việc quan trọng trong khi làm việc với trẻ và gia đình trẻ. Ngoài mục đích khảo sát lấy thông tin thì giáo viên có thể phối hợp với gia đình trẻ trong việc giáo dục trẻ tại nhà và lôi cuốn các thành viên trong gia đình trẻ tham gia tích cực vào quá trình này.

Thăm gia đình trẻ thường xuyên sẽ xây dựng được mối quan hệ ngày càng chặt chẽ giúp cho giáo viên cũng như nhà chuyên môn với trẻ và gia đình trẻ. Nếu giáo viên có những thắc mắc về một vài biểu hiện của trẻ lúc ở trường thì việc thảo luận với cha mẹ trẻ sẽ dễ dàng hơn. Và ngược lại, nếu cha mẹ trẻ gặp khó khăn với trẻ ở gia đình thì sẽ phối hợp tốt hơn với các giáo viên để cùng giải quyết điều này sẽ tạo ra một sự phối hợp thống nhất trong công tác giáo dục trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt.

Khi thăm gia đình trẻ, giáo viên sẽ có vai trò là những vị khách trong gia đình trẻ. Do đó, giáo viên cần lưu ý:

- Tôn trọng, chấp nhận và thích ứng với nếp sống của gia đình trẻ.
- Hãy là một hình mẫu tốt:
 - ✓ Tỏ thái độ lạc quan về khả năng của trẻ;
 - ✓ Luôn tôn trọng trẻ cách nghĩ và cư xử với trẻ;
 - ✓ Luôn tỏ thái độ quan tâm và giúp đỡ trẻ;
 - ✓ Để trẻ tự nhiên thể hiện những nhu cầu, khả năng, sở thích và thói quen của mình.

✓ Có thể cùng chơi/ cùng học với trẻ...

Thông thường thì các các giáo viên không gặp trở ngại nào lớn đối với việc tiếp cận với gia đình trẻ và trẻ vì giáo viên, gia đình trẻ là những người gần nhau về địa lý và thông hiểu nhau về tình cảm.

c. Phương pháp trắc nghiệm

Thông qua một số hệ thống bài tập kiểm tra trình độ và khả năng nhận thức của trẻ: phiếu học tập, bài tập kiểm tra, mẫu đánh giá...

d. Nghiên cứu hồ sơ trẻ

Hồ sơ y tế, hồ sơ nhà trường, số liên lạc giữa nhà trường và gia đình, các sản phẩm học tập của trẻ...

Cách trình bày thông tin/kết luận rút ra từ phiếu khảo sát

Kết quả tìm hiểu khả năng và nhu cầu của trẻ được tóm tắt vào bảng sau:

<i>Nội dung tìm hiểu</i>	<i>Khả năng của trẻ</i>	<i>Nhu cầu cần phát triển</i>
1. Thể chất		
- Sự phát triển thể chất		
- Khả năng vận động		
- Lao động đơn giản		
2. Khả năng ngôn ngữ giao tiếp		
- Hình thức giao tiếp		
- Vốn từ		
- Phát âm		
- Khả năng nói		
- Khả năng đọc		
- Khả năng viết		
- Khả năng giao tiếp		
3. Khả năng nhận thức		
- Khả năng hiểu biết		
- Khả năng nghe, nhìn và các giác quan khác		

- Khả năng nhớ		
- Khả năng tư duy		
- Khả năng học		
- Khả năng thực hiện nhiệm vụ		
4. Khả năng hoà nhập		
- Quan hệ bạn bè		
- Quan hệ với tập thể		
- Khả năng hoà nhập cộng đồng		
5. Môi trường giáo dục		
- Môi trường gia đình		
- Môi trường nhà trường		
- Môi trường địa phương		

Việc tìm hiểu trẻ phải đi đến kết luận cuối cùng của phiếu. Căn cứ vào phần kết luận này các thành viên có thể hình dung được bức tranh tổng thể các mặt tích cực/khả năng và những điểm hạn chế/khó khăn, nhu cầu cần phát triển của trẻ. Cách trình bày thông tin thu được từ phiếu có ý nghĩa rất quan trọng, trong một phạm vi nào đó thì điều này còn thể hiện quan điểm về cách nhìn nhận trẻ khuyết tật của nhóm và điều này liên quan trực tiếp đến việc kỳ vọng của các thành viên đối với sự phát triển tiếp theo của trẻ, liên quan đến toàn bộ quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục: xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, phương pháp, phương tiện, các hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ...

Cách trình bày thông tin kết luận rút ra từ phiếu khảo sát: Thông tin mang tính cụ thể, có thể định tính và định lượng được, tránh việc trình bày thông tin một cách chung chung, không xác định. Điều này sẽ giúp cho giáo viên biết được bước tiếp theo để giúp trẻ là gì, hơn nữa cũng giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được những gì đang diễn ra với trẻ và các hoạt động nhằm đạt được mục đích gì? Chẳng hạn như:

- ✗ Không nên trình bày: trẻ nói được một số từ và câu đơn giản.
- ✓ Nên trình bày: trẻ nói được các từ: mẹ, bố, tên trẻ,... và câu: ăn cơm, đi học...

Thông tin chú trọng vào việc thể hiện điểm mạnh, hứng thú, cách trẻ

tham gia hoạt động nói chung cũng như hoạt động học tập. Ví dụ: “Trẻ có thể đếm được từ 1 đến 10 nếu có dùng que tính”, hay “Trẻ thích được tập thể dục cùng với các bạn trong lớp khi có bạn thân cầm tay mình”, “Trẻ có thể tự đi một mình ra cổng trường khi có những mốc di chuyển trên đường từ lớp học đến cổng trường”...

Thông tin mang tính tích cực: Cùng một thông tin mô tả về khả năng đếm từ 1 đến 5 của 1 trẻ thì cách ghi “trẻ có khả năng đếm xuôi được từ 1 đến 5 nếu dùng đồ dùng trực quan” sẽ mang tính tích cực hơn với cách ghi “trẻ *chỉ đếm được* từ 1 đến 5 *khi* có đồ dùng trực quan”, hoặc trẻ không đếm được từ 1 đến 5 nếu không dùng đồ dùng trực quan”.

Ghi rõ thời điểm đánh giá trẻ và kết luận rút ra từ phiếu khảo sát.

2. Xây dựng mục tiêu giáo dục (Bước 2)

a. Khái niệm mục tiêu

Mục tiêu giáo dục là kết quả giáo dục mong muốn đạt được thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục trong điều kiện, thời gian nhất định.

b. Các quan điểm xây dựng mục tiêu

✓ *Quan điểm bình đẳng:*

- Quyền được giáo dục của mọi trẻ em;
- Quyền bình đẳng về cơ hội: trẻ em không giống nhau, do đó không nên đánh giá cao bằng mà phải căn cứ vào nhu cầu, năng lực của từng trẻ để xây dựng mục tiêu chung.
- Quyền tham gia các hoạt động xã hội: làm thế nào để trẻ không cảm thấy bị hạn chế trong khi được học tập, được tham gia mọi hoạt động trong môi trường giáo dục với mọi trẻ em.

Quan điểm phát triển:

- Bất cứ trẻ khuyết tật nào cũng có khả năng phát triển.
- Cần căn cứ vào qui luật bù trừ chức năng của trẻ khuyết tật để xây dựng mục tiêu.
- Sự phát triển nhanh hay chậm phụ thuộc phần lớn vào phương pháp giáo dục của người lớn.

Quan điểm tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông:

Trong giáo dục hoà nhập, trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt cùng với trẻ em khác học chung một chương trình. Giáo viên đặt mục tiêu cho từng trẻ cũng cần đảm bảo nguyên tắc tiếp cận với mục tiêu cấp học, lớp học của phổ thông.

c. Phân loại mục tiêu

Mục tiêu rất nhiều dạng, được phân loại tùy thuộc vào các tiêu chí xây dựng. Trong giáo dục có thể chung các dạng mục tiêu sau đây:

- Theo UNESCO và UNICEF, đào tạo con người cần đạt 4 mục tiêu trụ cột sau: học để biết, học để làm việc, học để làm người và học để chung sống.
- Trong giảng dạy có mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ.
- Theo cấp/ngành học thì có mục tiêu giáo dục mầm non, tiểu học, trung học...
- Theo thời gian thì có mục tiêu dài hạn, ngắn hạn
- Theo nội dung giáo dục thì có mục tiêu về các lĩnh vực phát triển, như: thể chất, ngôn ngữ - giao tiếp, phát triển nhận thức (các môn học), lao động, giáo dục kỹ năng. Hòa nhập xã hội...

Trong phần này, mục tiêu giáo dục cho một trẻ được xây dựng theo tiêu chí nội dung giáo dục và thời gian giáo dục.

Theo nội dung giáo dục: đó là các mặt phát triển mà trẻ cần đạt được, như: thể chất, nhận thức, kỹ năng nói chung hay theo các nội dung của các môn học.

Theo thời gian thực hiện giáo dục có mục tiêu dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Thời gian cho các loại mục tiêu cũng rất tương đối. Với một kế hoạch có thể chỉ là trung hạn, nhưng với kế hoạch khác lại là dài hạn.

Điều quan trọng là mục tiêu dài hạn cho thấy cái đích, mong muốn sau một giai đoạn thực hiện giáo dục, còn mục tiêu ngắn hạn cho thấy cái cụ thể hơn trong từng giai đoạn, cái cần đạt sau một thời gian cụ thể. Mục tiêu ngắn hạn là định hướng những vấn đề được cụ thể hoá trong kế hoạch giáo dục.

d. Cơ sở để xây dựng mục tiêu

Khi xây dựng mục tiêu giáo dục cho trẻ, người giáo viên phải căn cứ vào:

- Khả năng hiện tại của trẻ: kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm sống đã có của trẻ, những gì trẻ cần đáp ứng và tương lai phát triển của trẻ.
- Mục tiêu, nội dung, chương trình của năm học, cấp học.
- Điều kiện, phương tiện của nhà trường, lớp học và gia đình trẻ.
- Đặc điểm tình hình cụ thể tại địa phương: đặc điểm đặc thù về địa lý, về kinh tế, văn hoá-xã hội, phong tục tập quán...

Mục tiêu giáo dục phải được xây dựng theo kiểu mục tiêu hành vi và theo tuyến tính thời gian cụ thể, tháng, học kỳ, năm học, cấp học.

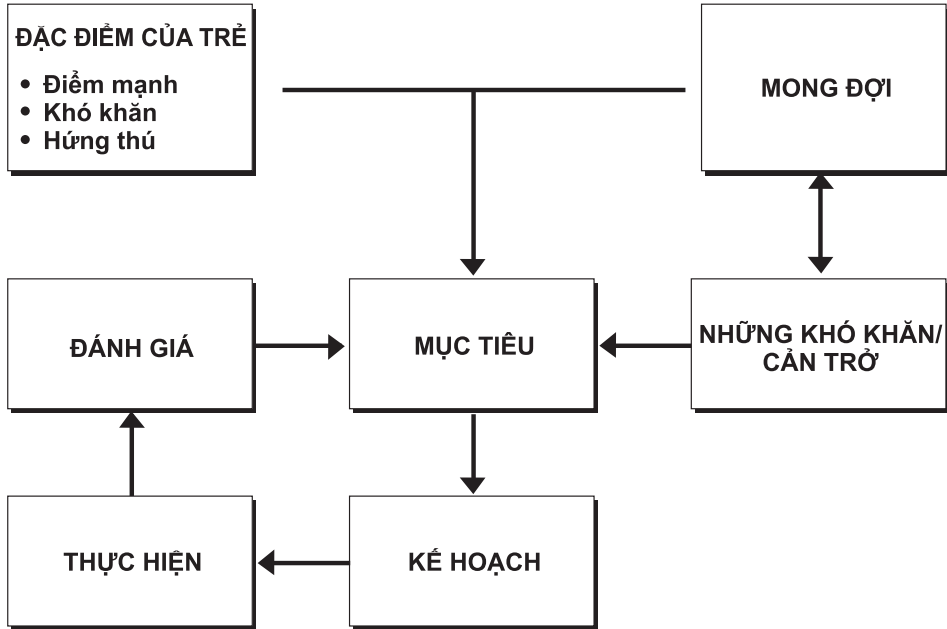
e. Các yêu cầu của mục tiêu giáo dục

Mục tiêu giáo dục phải đảm bảo 4 yếu tố sau:

- 1) *Đối tượng thực hiện hành vi*: Đối tượng thực hiện ở đây chính là trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt, đối tượng được chăm sóc giáo dục.
- 2) *Điều kiện thực hiện*: Điều kiện ở đây được nói tới như là các yếu tố về vật chất, chuyên môn và con người. Yếu tố vật chất là các điều kiện cơ sở vật chất của gia đình, nhà trường, các phương tiện – thiết bị hỗ trợ; yếu tố chuyên môn là nghiệp vụ chuyên môn của giáo viên, người trực tiếp hỗ trợ trẻ (phục hồi chức năng, hỗ trợ tại nhà...); yếu tố con người là giáo viên, những người hỗ trợ, trình độ chuyên môn, điều kiện thời gian và lòng nhiệt tình, tâm huyết với nhiệm vụ.
- 3) *Hành vi có thể quan sát, lượng giá được*: Đây là những hành vi cụ thể của trẻ - kết quả giáo dục sau quá trình thực hiện. Những hành vi này phải được thể hiện bằng hành động hoặc kết quả nhận thức thực hiện bằng lời hay kết quả thực hiện các nhiệm vụ.
- 4) *Các tiêu chí đánh giá*: Tiêu chí đánh giá mức độ thành công của trẻ là chuẩn phát triển thể chất, điểm số trẻ đạt được qua các môn học, những kỹ năng cụ thể của trẻ học được sau quá trình luyện tập; Yếu tố thời gian ở đây cũng là một tiêu chí đánh giá kết quả, với cùng một nhiệm vụ, học sinh có khả năng như nhau thì những học sinh hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian ngắn hơn sẽ được đánh giá cao hơn.

® **Tham khảo:** Sơ đồ xây dựng và tiến tới mục tiêu của một bản kế hoạch giáo dục cá nhân

SƠ ĐỒ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ ĐẠT ĐẾN MỤC TIÊU GIÁO DỤC TRẺ



3. Lập kế hoạch (Bước 3)

Đây là bước hết sức quan trọng, thể hiện trình độ, kỹ năng của những người tham gia lập kế hoạch. Những nội dung giáo dục phải được trình bày một cách có hệ thống, phù hợp với khả năng, nhu cầu phát triển của đứa trẻ. Lập kế hoạch cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt cần tuân theo các yêu cầu chung của một bản kế hoạch. Tuy nhiên, với trẻ khuyết tật thì lập kế hoạch cá nhân có những đặc điểm riêng.

a. Một số yêu cầu khi xây dựng kế hoạch

- Hệ thống kiến thức, kỹ năng cần được xây dựng từ mức độ đơn giản đến mức độ khó/cao hơn. Chẳng hạn như: việc xây dựng các giai đoạn để hình thành khả năng phân biệt/định hướng trong không gian sẽ diễn ra theo trình tự các mức độ sau:

Trong – ngoài

Trước – sau

Trên – dưới

Phải – trái...

- Các nhiệm vụ càng được chia nhỏ thành các bước và thực hiện từng bước/từng phần nhỏ thì càng tốt. Việc xây dựng được trên cơ sở một hệ thống các bước, tùy từng trẻ với những khả năng và nhu cầu khác nhau mà xác định số lượng các bước nhiều hay ít, song nhất định phải đi theo từng bước để đạt được mục tiêu mong muốn.
- Thiết kế các hoạt động được diễn ra trong nhiều môi trường khác nhau nhằm tăng số lượng kiến thức cũng như tăng mức độ thành thạo các kỹ năng cho trẻ.
- Sử dụng đồ dùng, phương tiện cần tuân thủ chặt chẽ quy luật của quá trình nhận thức. Do đó, quá trình sử dụng này sẽ được diễn ra như sau:
 Vật thật ----- Mô hình ----- Hình ảnh ----- Ngôn ngữ ----- Khái niệm
- Xây dựng kế hoạch chuyển tiếp về thời gian, ví dụ như giữa hai học kỳ, hai tháng... hay chuyển tiếp về kiến thức, kỹ năng mang tính củng cố và lĩnh hội tri thức mới thể hiện trong những hoạt động phong phú, lôgic và trẻ hứng thú tham gia.

b. Xác định thời gian, nội dung và biện pháp tổ chức các hoạt động

Thời gian trẻ lĩnh hội kiến thức, kỹ năng:

Thông thường, trẻ có NCGDDB cần nhiều thời gian hơn để có thể lĩnh hội được một khối lượng kiến thức và do đó trẻ cũng cần được tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau. Điều này liên quan đến việc phân phối lượng thời gian để thực hiện một nội dung hoạt động nhằm đạt đến mục tiêu giáo dục đã xác định sao cho phù hợp, mang tính khả thi và kích thích hứng thú cho cả giáo viên và trẻ.

Cần tránh biểu hiện nôn nóng hay quá kỳ vọng vào sự tiến bộ vào trẻ. Ví dụ, một trẻ khuyết tật đang học lớp 2 học kỳ II có khả năng đếm được từ 1 đến 5 thì giáo viên cho rằng trẻ này có thể đếm được đến 100 khi kết thúc học kỳ II. Vấn đề là trẻ phải mất 2 năm mới đếm được đến 5, thì một học kì liệu trẻ có thể đếm được đến 100?

Trình tự các bước tiến hành hoạt động:

Chia nhỏ nhiệm vụ, nội dung thành các bước càng nhỏ càng tốt đối với trẻ NCGDDB. Tuy nhiên, một kỹ năng thực sự quan trọng khác là kỹ năng xây dựng các bước chuyên tiếp bao gồm việc củng cố kiến thức, kỹ năng đã đạt được, hình thành kiến thức, kỹ năng mới và chuẩn bị cho bước phát triển tiếp theo.

Ví dụ: Mục tiêu của năm học của trẻ A có thể thực hiện được phép tính cộng trong phạm vi 5, khi trẻ A đã thực hiện được phép tính: $2 + 1 = 3$ thì muốn tiếp tục hướng dẫn trẻ thực hiện phép tính $3 + 1 = 4$ giáo viên nên có một giai đoạn hướng dẫn chuyển tiếp, tức một giai đoạn nhỏ hơn, đó là hướng dẫn trẻ thực hiện phép tính: $1 + 2 = 3$. Trên cơ sở của số lượng và mức độ kiến thức trẻ cần lĩnh hội giáo viên cần xác định được điều này.

Nội dung, tổ chức hoạt động và mức độ tham gia của trẻ NCGDDB

Với một hoạt động cụ thể thì trẻ khuyết tật sẽ làm gì, ai là người hỗ trợ trẻ tham gia, giáo viên sẽ làm gì đối với hoạt động chung của lớp và hỗ trợ vào lúc nào, hỗ trợ như thế nào, trong thời gian bao lâu cần phải được thể hiện rõ trong khâu lập kế hoạch cũng như trong quá trình thực hiện kế hoạch.

4. Tổ chức thực hiện (Bước 4)

Trước khi được thực hiện, thì bản KHGDCN của trẻ cần phải được thông qua tổ chuyên môn của khối lớp, Hội đồng chuyên môn của nhà trường, Ban giám hiệu nhà trường và đặc biệt là của chính cha mẹ trẻ.

Bằng cách này sẽ gắn kết được các thành viên lại thành một nhóm có trách nhiệm chung, quan trọng hơn điều này sẽ góp phần làm cho bản kế hoạch trở nên hiện thực và tính khả thi sẽ cao hơn.

Trách nhiệm của từng thành viên tham gia thực hiện bản KHGDCN:

a) Nhà trường

Nhiệm vụ: Nhà trường có nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo và giám sát quá trình thực hiện kế hoạch giúp trẻ phát triển khả năng nhận thức, khả năng giao tiếp, kỹ năng xã hội và hoà nhập cộng đồng.

- *Về nhận thức*
 - + Tri giác, biểu tượng, tư duy, tưởng tượng, trí nhớ...
 - + Khả năng phân tích, tổng hợp...
 - + Hiểu về con người, môi trường xung quanh...
 - + Học tập văn hoá, lao động, học nghề.
- *Về giao tiếp*
 - + Cần hình thành và phát triển cho học sinh khả năng:
 - + Cần hình thành và phát triển cho học sinh khả năng hiểu ngôn ngữ: tiếp nhận, biểu đạt (nói, viết, kí hiệu, có lời, không lời,...)
 - + Giao tiếp có lời và không lời;
 - + Các hành vi giao tiếp phù hợp và có văn hóa...
- *Về kỹ năng xã hội*
 - + Mối quan hệ giữa trẻ với bạn bè, gia đình, cộng đồng
 - + Hành vi ứng xử, cảm xúc, tình cảm...
- *Khả năng hoà nhập:*
- Xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa trẻ khuyết tật- trẻ bình thường, giáo viên - trẻ

Biện pháp thực hiện

- *Ban giám hiệu nhà trường:*
 - + Đưa việc thực hiện KHGDCN là một trong những nhiệm vụ thường xuyên của nhà trường.

- + Chỉ đạo và hỗ trợ giáo viên thực hiện theo bản KHGDCN như đã thống nhất trong cuộc họp.
 - + Tạo điều kiện, cung cấp cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học, phương tiện hỗ trợ đầy đủ cho lớp có trẻ khuyết tật.
 - + Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá và đưa ra những quyết định điều chỉnh kịp thời việc thực hiện KHGDCN của giáo viên. Bằng cách kiểm tra sổ ghi chép, kiểm tra hồ sơ của trẻ, kiểm tra trên chính đưa trẻ để đánh giá sự tiến bộ của trẻ.
 - + Có biện pháp khuyến khích, động viên giáo viên, phụ huynh và trẻ thực hiện tốt bản KHGDCN.
 - + Tổ chức chuyên đề tạo điều kiện cho các giáo viên dạy lớp hoà nhập có cơ hội được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kĩ năng hỗ trợ trẻ.
 - + Tổ chức, điều khiển các cuộc họp điều chỉnh bản KHGDCN (nếu cần).
- *Giáo viên trực tiếp dạy lớp hoà nhập:*
- + Điều chỉnh các hoạt động giáo dục vào từng môn học, từng bài học. Tạo cơ hội, động viên, khuyến khích trẻ tham gia hoạt động. Thông qua sự tác động phù hợp trên lớp giúp trẻ nâng cao nhận thức và phát triển khả năng giao tiếp.
 - + Xây dựng mối quan hệ thân thiện giữa giáo viên với trẻ, trẻ với trẻ, trẻ với cộng đồng. Để tạo cho trẻ có được cảm giác an toàn, được tôn trọng giúp trẻ khuyết tật bớt mặc cảm, tự ti; trẻ bình thường đồng cảm, chia sẻ, hỗ trợ giúp đỡ bạn. Bằng cách giáo dục ý thức và xây dựng vòng tay bạn bè (nhóm bạn bè).
 - + Thiết lập và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với gia đình trẻ trong suốt cả năm học nhằm trao đổi thông tin, phối kết hợp thường xuyên với phụ huynh, thông qua trực tiếp hoặc gián tiếp (sổ liên lạc...), hướng dẫn cho phụ huynh cách dạy, kĩ năng giao tiếp, cách phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở nhà.
 - + Giám sát và hỗ trợ phụ huynh thường xuyên, tạo điều kiện cho phụ huynh nâng cao kĩ năng hỗ trợ trẻ.
 - + Ghi nhật kí những biểu hiện tiến bộ diễn ra hàng ngày ở nhà trường.

Thông tin này được trao đổi trực tiếp hoặc bằng văn bản có thể bằng giấy tờ hoặc số liên lạc. Các thông tin trao đổi với phụ huynh cần đảm bảo ngôn ngữ dễ hiểu, ngắn gọn, rõ ràng, trong sáng. Thông tin trao đổi với phụ huynh cố gắng ghi nhận những điều tích cực, không chỉ trao đổi với gia đình những hành vi tiêu cực của trẻ.

- + Thường xuyên giám sát việc thực hiện mục tiêu và đề xuất điều chỉnh mục tiêu phù hợp với sự phát triển của trẻ.
 - + Tích cực tham gia các chuyên đề, thăm lớp, dự giờ đồng nghiệp để học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của mình.
 - + Tham gia đầy đủ các khoá tập huấn chuyên đề và thường xuyên chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn của mình về lĩnh vực giáo dục trẻ khuyết tật.
 - + KHGDCN chỉ phát huy tác dụng khi được thực hiện bởi một giáo viên có trách nhiệm, hiểu rõ học sinh của mình, thường xuyên thu thập và lưu trữ được thông tin về học sinh, tôn trọng và thực thi những quyền và trách nhiệm của mình trong quy trình thực hiện KHGDCN.
- *Giáo viên hỗ trợ (giáo viên chủ chốt của huyện, giáo viên từ Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập)*
- + Trực tiếp tham gia quá trình giáo dục trẻ;
 - + Tư vấn chuyên môn, hỗ trợ kỹ năng đặc thù cho giáo viên, học sinh;
 - + Hướng dẫn, tư vấn gia đình chăm sóc, phục hồi chức năng cho trẻ;
 - + Tham gia điều chỉnh mục tiêu giáo dục đối với trẻ (nếu cần).
 - + Thường xuyên dự giờ, thăm lớp để nắm bắt sự tiến bộ của trẻ; phương pháp, kỹ năng, cách thức tổ chức các hoạt động của giáo viên. Cùng giáo viên trao đổi kinh nghiệm, tìm hướng phát huy mặt tích cực và khắc phục mặt hạn chế;
 - + Tham gia cùng với giáo viên dạy trực tiếp kiểm tra, đánh giá sự tiến bộ của trẻ theo từng giai đoạn;
 - + Tham gia tổ chức mở chuyên đề, nhằm nâng cao khả năng giảng dạy của giáo viên.

- + Thường xuyên học hỏi, trao đổi để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn của mình về lĩnh vực giáo dục trẻ khuyết tật;
- + Thiết lập và duy trì mối liên kết các lực lượng tham gia giáo dục.

- *Gia đình*

- + Nuôi dưỡng (đảm bảo cho trẻ chế độ dinh dưỡng đủ về lượng và chất phù hợp với độ tuổi);
- + Chăm sóc sức khỏe; tạo điều kiện và cơ hội cho trẻ phát triển vận động và rèn luyện thể lực;
- + Hình thành và phát triển khả năng nhận thức;
- + Hình thành và phát triển khả năng giao tiếp;
- + Hình thành và phát triển kỹ năng xã hội, kỹ năng tự phục vụ;
- + Nhận thức được trách nhiệm của mình đối với sự phát triển của trẻ;
- + Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ, giúp trẻ có đủ sức khỏe để tham gia vào việc học tập, vui chơi và mọi hoạt động khác.
- + Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên đối với giáo viên để nắm bắt thông tin về sự tiến bộ của trẻ, chia sẻ kinh nghiệm chăm sóc, giáo dục trẻ đồng thời cung cấp thông tin những biểu hiện sự tiến bộ của trẻ ở gia đình. Từ đó giáo viên và phụ huynh cùng tìm ra biện pháp giúp đỡ, hỗ trợ trẻ tốt hơn, hiệu quả hơn.
- + Thường xuyên giúp đỡ, hỗ trợ trẻ học bài ở nhà;
- + Tạo cơ hội, động viên, khuyến khích trẻ tham gia vào các công việc vừa sức trẻ ở gia đình.
- + Tạo cơ hội cho trẻ được giao lưu với bạn bè hàng xóm, khu phố;
- + Chú trọng phát triển nhận thức, giao tiếp cho trẻ ở mọi lúc mọi nơi trong mọi hoạt động hoạt động và sinh hoạt hằng ngày.
- + Ghi nhật kí để thấy rõ sự tiến bộ của trẻ; làm cơ sở để trao đổi kinh nghiệm với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên chủ chốt và những người quan tâm.
- + Phụ huynh luôn chủ động gặp gỡ giáo viên, thông cảm, chia sẻ, động viên họ trong việc thực hiện bản KHGDCN.

- *Bản thân trẻ*
 - + Hợp tác với cha mẹ, giáo viên, bạn bè trong hoạt động giao tiếp, học tập, vui chơi.
 - + Chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động ở nhà và ở trường.
 - + Thường xuyên giao lưu với bạn bè trong lớp, trường và cộng đồng.
- *Cộng đồng*
 - + Làm thay đổi, nâng cao nhận thức của cộng đồng về công tác giáo dục trẻ khuyết tật.
 - + Tham gia công tác phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe.
 - + Tìm nguồn tài trợ về phương tiện đi lại, phương tiện hỗ trợ cho việc học tập của trẻ...
 - + Thăm hỏi, động viên khuyến khích trẻ và gia đình trẻ.
 - + Nâng cao nhận thức của những người trong gia đình trẻ, những người hàng xóm, cộng đồng và ban ngành đoàn thể trong địa bàn mình phụ trách về khuyết tật của trẻ, ảnh hưởng do khiếm khuyết mang lại, vai trò của phục hồi chức năng và giáo dục đối với trẻ.
 - + Kết hợp với nhà trường tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ khuyết tật.
 - + Hướng dẫn phụ huynh cách chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho trẻ.
 - + Vận động các lực lượng tham gia chăm sóc, giáo dục và huy động nguồn lực kinh tế để giúp đỡ, hỗ trợ trẻ- gia đình trẻ khuyết tật.
 - + Tham gia đầy đủ các buổi họp của nhóm xây dựng và thực hiện KHGDCN.
 - + Thường xuyên gặp gỡ gia đình, giáo viên để trao đổi thông tin tiến bộ của trẻ về lĩnh vực mình phụ trách.
 - + Chủ động đề xuất những biện pháp về việc chăm sóc, phục hồi chức năng và giáo dục trẻ.
 - + Phối kết hợp chặt chẽ với gia đình trẻ, giáo viên để thực hiện đạt hiệu quả bản cam kết thực hiện KHGDCN

- *Chính quyền địa phương*

- + Đưa nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật vào kế hoạch chỉ đạo hoạt động thường niên của địa phương;
- + Chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể phối hợp với nhà trường và gia đình trẻ khuyết tật thực hiện KHGDCN;
- + Thường xuyên thăm hỏi và động viên gia đình trẻ khuyết tật;
- + Phối hợp với nhà trường trong công tác chỉ đạo, giám sát thực hiện. Khen thưởng, động viên kịp thời những thành công cũng như rút kinh nghiệm những gì chưa thực hiện được.
- + Tạo điều kiện cho gia đình trẻ tham gia các hoạt động sản xuất và phát triển kinh tế hộ gia đình.

5. Thiết kế Mục tiêu các bài học phù hợp với KHGDCN

Thiết kế và thực hiện các hoạt động dạy học giúp HS có nhu cầu GDĐB hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học trong 5 năm với thành tích phù hợp năng lực cá nhân hoặc ngang bằng với học sinh cùng lớp là mục tiêu quan trọng nhất của bản KHGDCN. Tuy nhiên, để thực hiện mục tiêu này cần phải có sự phối kết hợp chặt chẽ của nhà trường với gia đình và sự nỗ lực vượt bậc của cả HS và GV.

Căn cứ kết quả đánh giá ban đầu, giáo viên xây dựng mục tiêu môn học phù hợp với năng lực hiện có của trẻ và hướng tới kết quả hoàn thành chương trình môn học. Với từng dạng khuyết tật khác nhau, GV xây dựng mục tiêu riêng theo từng phân môn cho từng loại tật tương ứng với những kỹ năng đặc thù cần trang bị cho trẻ.

Việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho từng HS theo các môn học cụ thể cũng được nhóm chủ chốt xây dựng kế hoạch chi tiết theo từng môn học. Mục tiêu dài hạn của các môn học được xác định bằng các học kỳ của từng năm học dựa trên mục đích yêu cầu chung của chương trình GD tiểu học, nghĩa là luôn luôn hướng tới việc học sinh khuyết tật phải đạt được “Mức độ cần đạt” theo quy định của chương trình.

Công tác hướng dẫn GV thực hiện các hoạt động dạy học hướng vào mục tiêu đã được xây dựng trong KHGDCN theo tiến độ thời gian và theo phân phối chương trình GD Tiểu học. Việc thiết kế các bài dạy nhằm thực hiện mục tiêu của từng môn học phải được xây dựng trong bản KHGDCN đều được thực hiện chặt chẽ theo quy trình sau:

a. Bước 1: Thiết kế bài học

Thiết kế bài học là việc xây dựng kế hoạch giảng dạy cho một bài học cụ thể nhằm đạt được mục tiêu của môn học và phù hợp với mục tiêu trong bản KHGD CN. Các bài học được thiết kế theo mẫu sau:

Tên bài:

Môn: lớp:

I. Mục tiêu

Mục tiêu của bài học bao gồm: mục tiêu kiến thức, mục tiêu kỹ năng và mục tiêu thái độ.

Mục tiêu của bài học được xây dựng dựa trên chương trình GD tiểu học và căn cứ vào khả năng, nhu cầu của HS toàn lớp và của trẻ có NCGĐB, cũng như các điều kiện hiện có về cơ sở vật chất nhà trường (trang thiết bị và đồ dùng dạy học). Mục tiêu của bài học phải được thiết kế dưới dạng mục tiêu hành vi, qua đó GV có thể dễ dàng kiểm soát được hiệu quả của bài dạy, được thể hiện bằng các hành vi của HS sau mỗi bài học; đồng thời GV cũng dễ dàng kiểm soát được quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, mức độ phù hợp của các phương pháp dạy học với nội dung bài học cũng như tính hiệu quả của chúng.

Mục tiêu riêng của từng bài học dành cho học sinh NCGĐB cũng được thiết kế sao cho phù hợp với khả năng nhận thức và con đường tiếp nhận thông tin riêng từng trẻ. Đảm bảo trẻ không bị quá tải, nhưng cũng không hạ thấp mục tiêu để bạn bè đánh giá thấp trẻ, cũng như không tạo được động cơ học tập, động cơ tìm tòi khám phá của trẻ khuyết tật.

II. Chuẩn bị đồ dùng dạy học

GV phải ghi chi tiết những thiết bị, đồ dùng dạy học cần thiết cho bài học; những yêu cầu đối với HS chuẩn bị cho bài học; những thiết bị, đồ dùng đặc thù dành cho trẻ và của chính giáo viên.



Chúng em hợp tác nhóm



Em làm tính

III. Tổ chức hoạt động dạy học

Nội dung bài học được xây dựng một cách chi tiết với các hoạt động cụ thể của GV, của HS toàn lớp và của trẻ có NCGDĐB. Phần kết quả mong đợi cũng được ghi cụ thể: kết quả của HS toàn lớp và kết quả của trẻ khuyết tật. Nội dung bài học được trình bày dưới hình thức sau:

<i>Thời gian/nội dung</i>	<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>	<i>Hoạt động của Thu Tr.</i>	<i>Kết quả mong đợi</i>
Thời gian (dự kiến) - Nội dung A	GV làm gì.	Tất cả HS làm gì.	Trẻ khuyết tật làm gì.	- Toàn lớp đạt được gì. - Trẻ khuyết tật đạt được gì.

IV. Kết luận và liên hệ với đời sống

Bước 2: Thực hiện bài học

Bài học phải được thực hiện theo tiến trình sau:

- *Mở bài:* Thời gian dành cho hoạt động *Mở bài* không được quá 5 phút và phải đạt được 3 tiêu chí sau:
 - + Tạo được hứng thú cho HS;
 - + Hướng được vào trọng tâm của bài học;
 - + Nhiều HS tham gia, trong đó có học sinh có NCGDĐB.
- *Tiến trình bài học:* Tiến trình thực hiện bài học bao gồm các nội dung cơ bản sau:
 - + Chuyển tải nội dung dạy học: Nội dung dạy học chung cho cả lớp dựa trên chương trình của môn học, phần mở rộng và vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống, GV được khuyến khích sử dụng các ví dụ thực tế của địa phương. Riêng đối với trẻ khuyết tật khuyến khích GV lựa chọn những nội dung phù hợp với con đường tri giác bằng những giác quan còn lại và phải dựa trên các kinh nghiệm đã có của chính những trẻ khuyết tật đó.
 - + Vận dụng các phương pháp dạy học: Khuyến khích và hướng dẫn GV tổ chức linh hoạt các hoạt động học tập và vận dụng các phương pháp dạy học khác nhau nhằm tăng cường tính tích cực, chủ động của HS trong học tập; GV biết khuyến khích, động viên,

tạo cơ hội cho trẻ tham gia vào tất cả các hoạt động học tập của lớp. Đặc biệt, khuyến khích GV vận dụng các phương pháp điều chỉnh, hướng dẫn cá biệt để đảm bảo sao cho trẻ khuyết tật không chỉ được tham gia các hoạt động học tập mà còn phải tham gia có hiệu quả. Ví dụ, GV điều chỉnh câu hỏi sao cho phù hợp với con đường tiếp nhận thông tin và phù hợp với kinh nghiệm đã có của trẻ, để em có thể hiểu đúng và trả lời đúng nội dung của bài học, tạo cho trẻ cơ hội thể hiện sự thành công trong học tập, từ đó tạo niềm tin và hứng thú cho trẻ.

- + Sử dụng phương tiện và đồ dùng học tập: Khuyến khích GV, HS tăng cường sử dụng tiêu bản, mô hình trong học tập và đặc biệt là vật thật. Khuyến khích GV làm và cải tiến các tranh, ảnh cho HS cả lớp và trẻ khuyết tật cùng sử dụng được. Ví dụ, chúng tôi hướng dẫn GV cải tiến bộ chữ tiểu học để dùng chung cho cả HS khiếm thị và HS sáng mắt bằng cách “viết” chữ Braille lên giấy film trong và dán lên các thẻ chữ của bộ chữ. Với bộ chữ đó trẻ sáng sử dụng thị giác còn trẻ khiếm thị dùng xúc giác. Qua đó GV và các bạn trong lớp dễ dàng kiểm soát được kết quả thực hiện nhiệm vụ của trẻ khiếm thị để đưa ra các hỗ trợ hoặc điều chỉnh kịp thời.
- *Kết thúc bài học*: Kết thúc bài học phải đạt được 3 tiêu chí
 - + HS tự đưa ra kết luận;
 - + Nhiều HS tham gia (trong đó có trẻ khuyết tật);
 - + Liên hệ với đời sống thực tế.

Ngoài những hoạt động trên lớp, GV chủ nhiệm, GV cốt cán, cán bộ của Trung tâm hỗ trợ GDHN và phụ huynh HS còn xây dựng kế hoạch gặp gỡ trao đổi về quá trình GD và học tập của trẻ ở trường, trao đổi, tư vấn chuyên môn cho phụ huynh về các nội dung, biện pháp chăm sóc GD, giám sát và hỗ trợ trẻ học ở nhà.

6. Đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch

Việc đánh giá kế hoạch cần phải dựa trên kế hoạch đã xây dựng mà cụ thể là mục tiêu và những kết quả dự kiến trong từng giai đoạn nhất định. Mục đích cuối cùng của việc đánh giá là nhằm vào mức độ phát triển tốt nhất của trẻ. Đánh giá phải được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình thực hiện từ bước đầu tiên tìm hiểu trẻ đến kết quả cuối cùng; đồng thời đưa ra những điều chỉnh đúng lúc ngay trong quá trình thực hiện kế hoạch.

a. *Đánh giá tiến trình.* Bao gồm việc trả lời cho các câu hỏi sau:

- Trẻ có những tiến bộ so với mục tiêu đã đề ra hay không?
- Những kết quả đạt được của trẻ có gần với kết quả của các bạn cùng trang lứa với trẻ không?
- Trẻ có độc lập hơn để đạt đến các mục tiêu đã đề ra không?
- Giáo viên sẽ tiếp tục hay dừng lại hướng tổ chức các hoạt động đã lập trong kế hoạch?

b. *Đánh giá theo mục tiêu*

Mọi trẻ em, không em nào giống em nào, mỗi em có những khả năng khác nhau. Mỗi trẻ khuyết tật có những đặc điểm riêng của mình và có những khó khăn thuận lợi trong quá trình phát triển. Trẻ khuyết tật vẫn còn nhiều tiềm năng để phát triển nếu có cơ hội. Kết quả giáo dục phụ thuộc vào phương pháp dạy của giáo viên, gia đình và cộng đồng. Dựa vào mục tiêu đề ra nội dung, phương pháp dạy học và lập kế hoạch giáo dục. Sau mỗi giai đoạn phải kiểm tra, đánh giá sự tiến bộ của trẻ cũng như những tồn tại để đề xuất mục tiêu và lập kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo.

So với cách đánh giá truyền thống, cách đánh giá dựa trên khả năng hoạt động nhận thức của học sinh cũng như các cách đánh giá khác sát với thực tế học tập và khả năng của trẻ dường như có lợi và thích hợp hơn cho mọi trẻ trong đó có trẻ khuyết tật. Cách đánh giá dựa vào thực tế học tập sẽ cho giáo viên bức tranh phong phú hơn về những gì trẻ làm được cũng như những nhu cầu hỗ trợ thêm mà nếu chỉ dựa vào cách đánh giá truyền thống thì giáo viên không thể có được.

Cách đánh giá dựa vào mục tiêu giáo dục cá nhân giúp cho việc điều chỉnh hoạt động giáo dục và phương pháp giảng dạy của giáo viên.

c. *Nội dung đánh giá:*

Trong quá trình giáo dục trẻ khuyết tật nội dung đánh giá theo 3 phương diện :

- Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức,
- Đánh giá rèn luyện kỹ năng,
- Đánh giá hành vi, thái độ.

Đánh giá kết quả lĩnh hội kiến thức

Với trẻ có khuyết tật nhẹ được đánh giá dựa trên tiêu chí đánh giá bình thường. Còn trẻ có khuyết tật nặng, tùy theo dạng tật, mức độ tật, cần vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo trong đánh giá để động viên, khích lệ trẻ đạt kết quả ngày càng tốt hơn.

Đánh giá bằng điểm số (như học sinh bình thường) đối với những môn HS khuyết tật theo được không cần điều chỉnh trong chương trình, có thể định lượng được; Đánh giá bằng nhận xét : đạt- chưa đạt, hoàn thành- chưa hoàn thành, tiến bộ rõ rệt- có tiến bộ- ít tiến bộ... với những lĩnh vực học tập đòi hỏi các năng lực, sở trường đặc biệt, khó đo lường được chính xác và công bằng.

Đánh giá rèn luyện kỹ năng

Trong quá trình giáo dục trẻ khuyết tật không chỉ dạy cho trẻ những kiến thức văn hóa, đạo đức, lối sống mà còn phải rèn luyện cho trẻ những kỹ năng trong cuộc sống để hội nhập xã hội. Đánh giá kỹ về mặt rèn luyện kỹ năng của trẻ theo các mặt:

- Kỹ năng giao tiếp

Giao tiếp là hoạt động cần thiết không thể thiếu được đối với con người. Khi giao tiếp trẻ cần có ngôn ngữ để diễn đạt ý nghĩ, tình cảm và thái độ với người khác. Vì vậy, trong quá trình giáo dục phải đánh giá vốn từ của trẻ nhiều hay ít, cách vận dụng như thế nào trong quá trình giao tiếp với mọi người. Đồng thời phải xét đến đặc điểm khuyết tật của trẻ.

- Kỹ năng tự phục vụ, học tập và sinh hoạt

Đối với trẻ khuyết tật nói riêng trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt nói chung, việc hình thành kỹ năng trong sinh hoạt và tự phục vụ cũng là một trong những mục tiêu giáo dục quan trọng. Những kiến thức mà trẻ lĩnh hội được trong giáo dục cần được luyện tập thường xuyên để giúp trẻ hình thành các kỹ năng.

Đánh giá việc rèn luyện các kỹ năng bao gồm thói quen tự phục vụ như giữ gìn vệ sinh thân thể, đánh răng rửa mặt, đi vệ sinh, mặc quần áo và giữ gìn sạch đẹp... Những kỹ năng lao động đơn giản như làm được một số việc trong gia đình: quét dọn nhà cửa, các công việc nấu nướng đơn giản như nhặt rau, vo gạo, rửa rau... Những thói quen trong học tập: thích đi học, đi học đúng giờ, ngồi học trật tự, chú ý nghe giảng, tập trung học

tập, tham gia các hoạt động của nhóm, của lớp, giữ gìn sách vở, sạch đẹp những kỹ năng trong hoạt động vui chơi với bạn bè cùng tổ, nhóm, lớp cùng địa phương...

Đánh giá hành vi, thái độ

Thái độ là tổng thể những biểu hiện ra bên ngoài bằng nét mặt, cử chỉ, lời nói, hành động của ý nghĩ, tình cảm đối với người khác hoặc đối với sự việc nào đó. Đánh giá thái độ của trẻ khuyết tật thường đánh giá biểu hiện hành vi, cử chỉ đối với bản thân, đối với bè bạn và công việc trong ứng xử và hội nhập cộng đồng.

- Thái độ ứng xử

Đánh giá cách phản ứng của trẻ đối với đối tượng (các hành vi phù hợp hay chưa phù hợp), xem xét khả năng phản ứng (tích cực hay thờ ơ, nhanh hay chậm) của trẻ đối với sự việc, hiện tượng, với người đang giao tiếp. Đối tượng trẻ tiếp xúc có thể ngẫu nhiên hoặc chủ định.

- Thái độ ứng xử xã hội

Một trong những mục tiêu cơ bản của giáo dục trẻ khuyết tật là rèn luyện cho trẻ khả năng hòa nhập vào cộng đồng. Khi đánh giá về khả năng này ta xem xét thái độ, hành vi của trẻ trong quan hệ bè bạn và người khác ... Xem xét thái độ của trẻ đối với mọi người trong gia đình, trong thôn xóm, trong lớp học, trong những hoạt động tập thể...

PHẦN III

MINH HOẠ MỘT SỐ MẪU KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CỦA HỌC SINH CÓ NHU CẦU GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT

1. Trường hợp 1. Học sinh khuyết tật trí tuệ

A. Những thông tin chung về trẻ

- Họ và tên: Bùi Thị Nh. - Hội chứng Đào. Con thứ hai trong gia đình.
- Sinh ngày tháng năm 2001.
- Đang đi học lớp 2 trường tiểu học Dũng Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình.
- Họ và tên bố: Bùi Văn Y. Tuổi: 34. Nghề nghiệp: Nông nghiệp.
- Họ và tên mẹ: Bùi Thị H. Tuổi: 33. Nghề nghiệp: Nông nghiệp.
- Địa chỉ gia đình: Xóm Bãi Bệ 1, xã Dũng Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình.
- Họ và tên giáo viên chủ nhiệm: Đinh Thị T.

B. Tóm tắt đặc điểm khả năng và nhu cầu của trẻ

<i>Nội dung tìm hiểu</i>	<i>Khả năng của trẻ</i>	<i>Khó khăn của trẻ</i>
1. Thể chất:	Bình thường	
- Vận động	Bình thường	
- Sức khoẻ	Trung bình	
- Các giác quan	Bình thường	
- KN tự phục vụ	Tự phục vụ bản thân: ăn uống, mặc quần áo, quét nhà, dọn mâm bát	
2. Ngôn ngữ-giao tiếp		
- Vốn từ		Ít
- Phát âm		Khó khăn

- Ngôn ngữ nói	Nói được các từ, Nói theo được câu ngắn: “bé Hà có vở ô li”	Chậm, nói ngọng, nói khó
- Khả năng đọc	Đọc theo được một số từ, câu: di Na, đi đò	Chậm, không đọc được to và rõ ràng
- Khả năng viết	Viết được các con số: 1, 2, 3, 4, và một số âm: o, ơ, p, nh, h, n Nhìn và chép lại được các số: 5, 6, 7, 8, 9 và một số âm: o, ơ, p, nh, h, n	Chưa tự viết được âm, từ, câu và các số 5, 6, 7, 8, 9
- Hành vi, thái độ	Mạnh dạn	
3. Khả năng nhận thức		
- Khả năng hiểu		Chậm hiểu
- Khả năng nghe, nhìn	Tốt	
- Khả năng nhớ	Nhớ được vị trí các đồ vật trong gia đình Kể được tên những việc đã làm ở nhà	Khó khăn trong ghi nhớ Nhanh quên
- Khả năng tư duy	Đếm được từ 1 đến 19 trên đồ vật thật Phân biệt được to/nhỏ, nặng/nhẹ, trên/dưới, trước/sau, trong/ngoài Nhận biết được hình tròn	Chưa ghép được hình Chưa phân biệt được phải/trái và thời gian Chưa nhận biết được màu sắc
- Khả năng học	Có khả năng chú ý	Kém Chưa thực hiện được các phép tính Chưa biết đọc
- Khả năng thực hiện nhiệm vụ		Khó khăn, hay quên Chậm
- Khả năng hoà nhập		
- Quan hệ với bạn bè		Không thích quan hệ với bạn bè
- Quan hệ trong tập thể		Không thích tham gia các hoạt động tập thể

- Khả năng hoà nhập cộng đồng		Ít hoà nhập
4. Môi trường giáo dục	Tốt	
	Có sự quan tâm của gia đình và nhà trường nhưng chưa đầy đủ.	Chưa có sự giúp đỡ của bạn bè và xã hội

C. Kết luận qua phiếu khảo sát trẻ

1. Những điểm tích cực của trẻ

- Thể chất phát triển bình thường;
- Làm được các công việc đơn giản trong gia đình;
- Có khả năng tự phục vụ bản thân: ăn uống, mặc quần áo, quét nhà, dọn mâm bát;
- Đếm xuôi được từ 1 đến 19;
- Đọc được một số từ: di Na, đi đà...
- Viết được các số: 1, 2, 3, 4 và chép lại được một số âm: o, ơ, p, nh, h, n;
- Nhận biết được kích thước, độ lớn, không gian, trọng lượng;
- Nhớ được những việc đã làm và vị trí các đồ vật trong gia đình;
- Mạnh dạn trong giao tiếp.

2. Những mặt hạn chế/khó khăn của trẻ

- Vốn từ ít;
- Nói khó, nói ngọng;
- Trí nhớ không bền vững;
- Chưa nhận biết được màu sắc;
- Chưa thực hiện được các phép tính đơn giản;
- Chưa biết đọc và viết;
- Chưa phân biệt được thời gian: sáng/trưa, chiều/tối, ngày/đêm;
- Không thích giao tiếp với bạn bè;

- Không thích đi học;
 - Không thích tham gia các hoạt động tập thể;
 - Bạn bè và cộng đồng còn chưa quan tâm giúp đỡ.
3. *Nguyên vọng và nhu cầu cấp thiết của trẻ*
- Phát triển vốn từ của trẻ;
 - Sửa tật phát âm;
 - Học đọc, viết và tính toán đơn giản;
 - Tham gia nhiều các hoạt động tập thể;
 - Giao tiếp nhiều với mọi người, bạn bè;
 - Nhà trường và cộng đồng cần quan tâm giúp đỡ trẻ nhiều hơn.

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN NĂM HỌC 2009-2010

A. Mục tiêu học kỳ I

Về kiến thức các môn học

Môn tiếng Việt:

- Đọc, viết toàn bộ các âm và chữ cái trong tiếng Việt;
- Đọc, viết được tiếng, từ có âm và chữ cái trong tiếng Việt.

Môn toán:

- Đọc, viết thành thạo các số trong phạm vi 10;
- Thực hiện được phép tính cộng, trừ trong phạm vi 10;
- Nhận biết được hình tam giác, hình vuông, hình khối.

Môn TNXH:

- Nhận biết được các nội dung chính theo từng chủ đề kì học;
- Quan hệ tốt đối với giáo viên và bạn bè trong trường học.

Về kỹ năng xã hội:

- Thực hiện đúng nội quy của trường, lớp học;

- Làm được một số công việc đơn giản trong gia đình;
- Biết giữ gìn, bảo vệ tài sản cá nhân và tập thể;
- Hoà nhập được với bạn bè.

B. Mục tiêu năm học

Kiến thức các môn học

Môn tiếng Việt:

- Phát triển vốn từ;
- Đọc, viết, hiểu được từ, câu ngắn;
- Biết nhìn viết và nghe-viết được từ, câu văn ngắn

Môn toán:

- Đọc, viết được các số trong phạm vi 20;
- Thực hiện được phép tính cộng, trừ không nhớ trong phạm vi 20;
- Nhận biết và phân biệt được các hình tam giác, hình vuông, hình khối.

Môn tự nhiên xã hội:

- Nhận biết được một số hiện tượng trong tự nhiên: mưa, gió, sấm chớp;
- Nhận biết được một số màu sắc cơ bản: vàng, đỏ, xanh, đen, trắng.
- Có mối quan hệ và hoạt động tốt trong trường học;

Kỹ năng xã hội:

- Biết giữ gìn đồ dùng và làm được một số công việc đơn giản trong gia đình;
- Biết giao tiếp, ứng xử trong gia đình và nơi công cộng;
- Hiểu và thực hiện tốt các qui định của trường, lớp học;
- Biết giữ gìn đồ dùng học tập, đồ chơi của cá nhân và của lớp học;
- Biết hỏi thăm đường, biết tuân thủ luật lệ giao thông;
- Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi, xưng hô đúng tình huống;
- Tham gia hoạt động vui chơi và hoà nhập với bạn bè.

D. Kế hoạch giáo dục từng tháng

Tháng	Nội dung giáo dục	Biện pháp/Người thực hiện	Kết quả mong đợi	
9	<i>Kiến thức các môn học</i>			
	Tiếng Việt:			
	- Đọc, viết 10 âm đầu trong SGK và dấu thanh	- Sử dụng bộ ĐDDH TV1	GV & trẻ, phụ huynh và nhóm bạn	- HS đọc, viết được đúng theo yêu cầu
	- Đọc, viết một số tiếng ứng dụng	- Thực hành, luyện tập		
	Toán:			
	- Đọc, viết các số trong phạm vi 10	Sử dụng bộ ĐDDH Toán 1	GV & trẻ, phụ huynh và nhóm bạn	- Đọc, viết được đúng theo yêu cầu
	- Đếm, so sánh các số, thứ tự các số	- Thực hành, luyện tập		
	TN - XH:		GV & trẻ	
	- Gọi tên các đồ dùng học tập, cách sử dụng và giữ gìn	- Sử dụng ĐD học tập của HS và lớp học		- Gọi đúng tên, bước đầu biết cách sử dụng
	<i>Kỹ năng xã hội:</i>		GV & trẻ	
- Làm quen với giáo viên, các bạn trong lớp	- Giáo viên và trẻ giới thiệu và làm quen	GV & trẻ, phụ huynh và nhóm bạn	- Biết tên giáo viên phụ trách lớp, tên một số bạn	
- Làm quen với nề nếp lớp học	- Hướng dẫn, giảng giải, thực hành		- Đi học đầy đủ và đúng giờ	
- Xây dựng vòng bạn bè	- Lựa chọn một số bạn giúp đỡ trẻ và lập kế hoạch hoạt động của nhóm		- Hình thành được vòng bạn bè	
10	<i>Kiến thức các môn học</i>			
	Môn tiếng Việt:			
	- Đọc, viết 10 âm tiếp theo trong SGK tiếng Việt	- Tiến hành như T9	GV, trẻ & nhóm bạn, phụ huynh	- Đọc, viết được
	- Đọc, viết một số tiếng ứng dụng	- Lưu ý cách phát âm		
Môn Toán:				

- Thực hiện phép tính cộng, trừ trong phạm vi 2, 3, 4	- Cách tiến hành như T9	GV & trẻ, phụ huynh và nhóm bạn	- Thực hiện được phép cộng trừ trong phạm vi 4 - Nhận biết được
- Nhận biết một số hình: tam giác, hình vuông TNXH:			
- Nhận biết mối quan hệ của bản thân trong trường học: GV - HS, HS - HS	- Cho HS liên hệ ngay với thực tế hiện tại	GV, trẻ & nhóm bạn	- Nhận biết được
<i>Kỹ năng xã hội</i>			
- Tiếp tục thực hiện nề nếp lớp học	- Hướng dẫn thực hành	GV, trẻ & nhóm bạn, cha mẹ	- Thực hiện đầy đủ nề nếp
- Cùng cố vòng bạn bè	- Cùng cố, giúp đỡ trẻ		- Biết tên bạn trong nhóm
- Giữ gìn và bảo vệ đồ dùng cá nhân và tập thể	- Giải thích		- Biết giữ gìn và bảo vệ tài sản cá nhân và của công

E. Kí cam kết thực hiện

- Đại diện chính quyền địa phương (đã kí),
- Hiệu trưởng (đã kí),
- Giáo viên (đã kí),
- Phụ huynh (đã kí),
- Người tình nguyện (đã kí).

G. Đánh giá

Nhận xét của giáo viên chủ nhiệm (Ký)

Xác nhận của các cấp có thẩm quyền

Xác nhận của CQ địa phương

(ký đóng dấu)

Xác nhận của nhà trường

(ký đóng dấu)

F. Bàn giao

- Bàn giao chuyển tiếp giữa các lớp học. Có kỹ nhận của người ban giao và người tiếp nhận.

2. Trường hợp 2: Học sinh có khó khăn về đọc, viết

A. Những thông tin chung về trẻ

- Họ và tên: Đinh Mạnh H., Nam.
- Dạng khuyết tật: Khó khăn về đọc, viết.
- Con thứ nhất trong gia đình có hai con.
- Sinh ngày 20 tháng 10 năm 2002.
- Học lớp 4A trường Tiểu Học Hùng Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình.
- Họ và tên bố: Đinh Mạnh C. Tuổi: 39. Nghề nghiệp: Giáo viên Trung học cơ sở.
- Họ và tên mẹ: Bùi Thị X. Tuổi: 31. Nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng.
- Địa chỉ gia đình: Xóm 7, Xã Hùng Sơn, Thị Trấn Lương Sơn, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hoà Bình.
- Họ và tên giáo viên chủ nhiệm: Nguyễn Văn Định.

B. Tóm tắt đặc điểm khả năng và nhu cầu của trẻ

<i>Nội dung tìm hiểu</i>	<i>Khả năng của trẻ</i>	<i>Khó khăn của trẻ</i>
1. Thể chất		
- Vận động	- Bình thường	
- Sức khỏe	- Bình thường	
- Các giác quan	- Bình thường	
2. Kỹ năng sống		
- Kỹ năng tự phục.	- Kỹ năng tự phục vụ tốt : Quần áo gọn gàng, ăn uống sạch sẽ, đi vệ sinh đúng cách....	- Không chủ động tham gia các trò chơi tập thể. Thích chơi một mình.
- Kỹ năng vui chơi.	- Kỹ năng vui chơi tốt: tuân thủ luật chơi, nhường nhịn bạn bè, có khả năng hợp tác.	
- Ngôn ngữ-giao tiếp :	- Bình thường	

+ Kỹ năng diễn đạt ngôn ngữ nói.	- Diễn đạt trôi chảy các thông tin trong giao tiếp. - Giọng nói to, rõ, dễ nghe. - Tốc độ vừa phải. - Sử dụng câu đủ thành phần	- Ít nói. - Không chủ động nói.
+ Kỹ năng tiếp nhận (hiểu) ngôn ngữ nói).	- Hiểu những thông tin cần thiết trong môi trường lớp học, gia đình, cộng đồng.	- Không chủ động.
+ Thái độ giao tiếp.	Tôn trọng người giao tiếp với mình. Hành vi giao tiếp tốt.	- Chưa chủ động trong giao tiếp.

3. Khả năng nhận thức

- Khả năng hiểu	- Hiểu được các chỉ dẫn, lời giải thích trong các môi trường khác nhau.	
- Khả năng ghi nhớ.	- Nhớ tốt các thông tin phục vụ sinh hoạt hàng ngày.	
- Khả năng tư duy	- Phân tích, so sánh sự khác biệt giữa các nhóm đồ vật tốt. - Có khả năng tổng hợp thông tin nghe được. - Chỉ số thông minh (đo ở bệnh viện Nhi Trung ương là 110 - trên trung bình).	
- Khả năng chú ý	- Học sinh có thể tập trung chú ý trong cả tiết học (35 phút).	
- Khả năng đọc	- Học sinh đọc được 29 chữ cái. - Học sinh đọc được các từ đơn và từ ghép nhưng nhiều chữ còn phải đánh vần như những từ có vần: ương, yên, uôn... Học sinh thường nhìn nhầm dấu huyền và dấu sắc. Nhầm từ có chứa phụ âm b và d, p và q... - Học sinh đọc với tốc độ chậm, hay đảo từ, có lúc bỏ sót cả dòng. - Vì đặc điểm đọc như vậy nên khi làm bài thi điểm đọc hiểu của cháu rất kém (2 – 4 điểm). Nhưng trong các tiết tập đọc ở lớp cháu được nghe các bạn khác đọc nhiều lần thì cháu hiểu và nhớ đầy đủ các nội dung của bài đọc. - Đọc tốt hơn những bài đã học. - Những bài đã được học thuộc lòng đọc rất tốt.	- Không thích môn tiếng việt. - Sợ khi bị cô giáo gọi lên đọc bài. - Đau đầu khi đọc lâu. - Tốc độ đọc chậm. - Mắc nhiều lỗi sai khi đọc. - Khi bị điểm kém thường rất buồn và không muốn chia sẻ.

- Khả năng viết	<ul style="list-style-type: none"> - Nhìn chép và nghe viết đều được nhưng hay sai lỗi chính tả: nhầm lẫn giữa dấu huyền và dấu sắc, các chữ có hình dạng gần giống nhau, không thẳng hàng (lệch dòng), kích thước chữ không đều (chữ to, chữ nhỏ...). - Điểm viết chính tả thường rất thấp (2 – 4 điểm). Nhưng những bài đọc HS đã được học thuộc lòng (khoảng 6, 7 điểm). - Có thể làm cấu trúc các bài tập làm văn bằng lời tốt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Viết với tốc độ chậm, sai nhiều lỗi chính tả. - Khó khăn trong việc viết bài tập làm văn hoàn chỉnh.
- Kỹ năng tính toán	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận thức tốt. Tính nhẩm tốt. Đạt chuẩn chương trình toán lớp 4. - Nếu được sử dụng sơ đồ hoặc toán tắt học sinh có thể giải toán có lời văn với tốc độ nhanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thỉnh thoảng nhầm lẫn số 6 và số 9. - Toán có lời văn làm hơi chậm vì đọc đề bài chậm.
- Khả năng thực hiện nhiệm vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Cố gắng thực hiện các nhiệm vụ được giao. - Tập trung khi thực hiện nhiệm vụ. 	
4. Khả năng hoà nhập		
- Quan hệ với bạn bè	Hay đi với một bạn trong lớp.	<ul style="list-style-type: none"> Ít chia sẻ thông tin với người bạn hay đi cùng. Không thích quan hệ với bạn bè
- Quan hệ trong tập thể	- Thiếu kỹ năng thiết lập và duy trì với mối quan hệ với mọi người xung quanh.	Không tích cực tham gia các hoạt động tập thể: chơi trò chơi, họp tác nhóm...
- Khả năng hoà nhập		Ít hoà nhập
5. Môi trường giáo dục	<p>Gia đình quan tâm, tạo mọi điều kiện cho HS học tập.</p> <p>Bố, mẹ thường xuyên hướng dẫn HS học ở nhà.</p>	

C. Kết luận qua phiếu khảo sát trẻ

1. Những điểm tích cực của trẻ

- Kỹ năng sống tốt (kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng vui chơi, kỹ năng hợp tác...).
- Trí tuệ phát triển tốt.
- Học toán, và các môn học đạt chuẩn chương trình lớp 4.
- Luôn cố gắng trong học tập.

2. Những mặt hạn chế/khó khăn của trẻ

- Khó đọc: đọc chậm, sai nhiều lỗi dẫn đến khả năng hiểu văn bản vừa học kém.
- Viết chậm, sai nhiều lỗi chính tả.
- Gặp khó khăn trong việc cấu trúc bài tập làm văn.
- Khó khăn với đọc đề giải toán có lời văn.
- Không thích giao tiếp với bạn bè.
- Ngại tham gia các hoạt động tập thể.

3. Nguyên vọng và nhu cầu cấp thiết của trẻ

- Nâng cao tốc độ đọc thành tiếng.
- Giảm số lỗi sai khi đọc.
- Hoàn thành bài tập làm văn.
- Tham gia nhiều các hoạt động tập thể.
- Giao tiếp nhiều với mọi người, bạn bè.
- Hòa nhập hơn với các bạn trong lớp.

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN NĂM HỌC 2011 - 2012

I. Mục tiêu học kỳ I

1. Về kiến thức các môn học:

Môn tiếng Việt:

- Đọc trôi chảy những bài đọc trong chương trình.
- Hiểu, phát biểu đúng nội dung văn bản vừa đọc.
- Viết đúng 70% bài chính tả (bài đọc trong sách giáo khoa).
- Nghe viết đúng chính tả những bài mới 50%.
- Viết đúng những thông tin về bản thân mình.
- Không sợ môn tập đọc.

Môn toán:

- Giải toán có lời văn với tốc độ phù hợp.
- Giảm số lỗi nhầm lẫn giữa các số gần giống nhau.
- Yêu thích học môn toán

2. Kỹ năng sống:

- Tự tin hơn trong học tập
- Mạnh dạn hơn trong giao tiếp hơn với bạn bè.
- Tham gia hoạt động vui chơi và hoà nhập với bạn bè.
- Bước đầu có kỹ năng thiết lập và duy trì các mối quan hệ với bạn bè.

II. Mục tiêu học kỳ II

1. Về kiến thức các môn học:

Môn tiếng Việt:

- Đọc trôi chảy những bài đọc trong chương trình và đọc đúng 70% các chữ trong các bài đọc mới.
- Có kỹ năng xác định, phát hiện đúng nội dung văn bản vừa đọc.
- Viết đúng 80% bài chính tả (bài đọc trong sách giáo khoa).
- Có kỹ năng phát hiện và sửa lỗi sai khi đọc, viết.
- Nghe viết đúng chính tả những bài mới 60%.
- Có thói quen viết nhật ký.
- Thích đọc các dạng bài đọc khác nhau.

Môn toán:

- Giải toán có lời văn với tốc độ phù hợp.
- Giảm số lỗi nhầm lẫn giữa các số gần giống nhau.
- Yêu thích môn toán

2. Kỹ năng sống:

- Chủ động giao tiếp hơn với bạn bè.
- Tích cực tham gia hoạt động vui chơi và hoà nhập với bạn bè.
- Có kỹ năng thiết lập và duy trì mối quan hệ với bạn bè.

D. Kế hoạch giáo dục từng tháng

Tháng	Nội dung giáo dục	Phương pháp/phương tiện giáo dục/ Người thực hiện		Kết quả mong đợi
	Kiến thức các môn học			
	1) Môn Tiếng Việt			
9	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng các bài đọc trong sách giáo khoa. - Đọc với tốc độ nhanh hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành thói quen sử dụng bút chì cho học sinh. - Cha/mẹ: hướng dẫn HS đọc trước ở nhà, phát hiện, đánh dấu và sửa các lỗi sai. - Tạo thẻ chữ, thẻ từ để giúp học sinh đọc chính xác hơn. - GV: tạo cơ hội cho học sinh đọc những đoạn phù hợp to trước lớp. - Phát hiện lỗi sai, đánh dấu, chỉnh sửa cho học sinh (chọn thời điểm thích hợp). - Tổ chức trò chơi tiếng việt nhằm giúp trẻ nâng cao tốc độ đọc. - Cung cấp thêm tranh ảnh những từ chứa vần trẻ hay đọc sai. - Học thuộc lòng những bài đọc trong sách giáo khoa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cha mẹ - GV - GV, bạn cùng nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng 50% cá từ trong bài đọc. - Tốc độ đọc nhanh hơn.

	- Mạnh dạn hơn trong giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích trẻ chơi với các bạn. - Khuyến khích các bạn chơi với trẻ. - Lắng nghe khi trẻ trình bày ý kiến. - Giao nhiệm vụ để trẻ có cơ hội làm việc chung với các bạn khác. - Khuyến khích trẻ chơi với các bạn hàng xóm. - Tạo cơ hội cho trẻ giúp đỡ các em bé tuổi hơn: 	GV Cha mẹ	<ul style="list-style-type: none"> - Biết tên tất cả các bạn trong tổ. - Tham ra các trò chơi với một nhóm bạn trong giờ ra chơi. - Nói chuyện với các bạn ngồi cùng bàn.
10	<i>Về văn hoá</i>			
	Môn tiếng Việt:		GV & trẻ	
	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng các bài đọc trong sách giáo khoa. - Đọc với tốc độ nhanh hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích học sinh dùng bút chì đúng cách khi đọc. - Cha/mẹ: hướng dẫn HS đọc trước ở nhà, phát hiện, đánh dấu và sửa các lỗi sai. - Tạo thẻ chữ, thẻ từ để giúp học sinh đọc chính xác hơn. - GV: tạo cơ hội cho học sinh đọc cả bài phù hợp to trước lớp. - Quy ước ký hiệu HS đã đọc sai (giữa cô – HS) học sinh tự điều chỉnh. - Tổ chức trò chơi tiếng việt nhằm giúp trẻ nâng cao tốc độ đọc. - Cung cấp thêm tranh ảnh những từ chứa vần trẻ hay đọc sai. - Học thuộc lòng những bài đọc trong sách giáo khoa. - Sắp xếp 15phút/ngày để dạy trẻ phân tích âm vị (những chữ trẻ thường đọc sai). 	GV Cha mẹ Bạn bè	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng 55% các từ trong bài đọc. - Tốc độ đọc nhanh hơn tháng 9 một chút.

	<p>Viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng chính tả (bài đọc trong sách giáo khoa). - Nghe viết đúng chính tả những bài mới. - Có thói quen viết những thông tin về bản thân hàng ngày bằng các câu ngắn. - Cố gắng hơn trong môn Tiếng Việt. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS viết lại những bài đọc đã học thuộc lòng trong SGK. - Đánh dấu những lỗi sai. - Cùng học sinh phân tích “âm vị” và giải nghĩa những từ HS viết sai 15phút/ngày - Yêu cầu HS viết lại từ đó nhiều lần. - Yêu cầu học sinh viết cả câu có từ đó 2 – 3 lần. - Hình thành cho HS thói quen viết nhật ký. - Đọc và sửa lỗi sai cho học sinh hàng ngày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng 55% - Nghe viết đúng 45%. - Viết hàng ngày - Chủ động hoàn thành các bài tập về nhà của môn tiếng việt.
	<p>Môn Toán:</p>		<p>GV& trẻ</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Giải toán có lời văn với tốc độ phù hợp. - Giảm số lỗi nhầm lẫn giữa các số gần giống nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê những từ khóa của đề bài toán có lời văn trong chương trình lớp 4. Giải nghĩa các từ đó, và cho học sinh đọc viết nhiều lần. - Khuyến khích học sinh đọc trước đề bài toán có lời văn, tự đánh dấu vào các từ khó và nói ra ý tưởng giải bài toán đó. - Cung cấp thêm sơ đồ, tóm tắt cho HS. - Sử dụng nhiều hình thức và dấu hiệu để học sinh phân biệt đúng các số gần giống nhau. 	<p>Giải với tốc độ tương đương với các bạn học trung bình của lớp. Số lần sai là 3/10.</p>

<i>Kỹ năng sống</i>			
- Tự tin trong học tập	- Dành cho học sinh những nhiệm vụ vừa sức để học sinh có cơ hội thành công. - Khen thưởng động viên học sinh kịp thời. - Phát hiện điểm mạnh của học sinh và tạo cơ hội cho học sinh có cơ hội để giúp đỡ các bạn. - Giao cho học sinh một vị trí trong lớp như: tổ phó, hay sao đỏ... để học sinh thấy mình được nhìn nhận đúng. - Cha mẹ thường xuyên trao đổi với GV.	GV Bạn bè.	- Hăng hái phát biểu - Nhiệt tình hoàn thành nhiệm vụ được giao
- Mạnh dạn hơn trong giao tiếp	- Tổ chức bình bầu đánh giá đôi bạn cùng tiến xuất sắc của lớp. - Tổ chức học nhóm thường xuyên ở lớp. Tạo cơ hội cho học sinh được giữ vai trò là báo cáo viên. - Khuyến khích trẻ chơi và giúp đỡ các em bé hàng xóm.		- Biết tên tất cả các bạn trong lớp. - Chơi thêm với các bạn trong tổ. - Bước đầu chia sẻ sở thích với các bạn

E. Kí cam kết thực hiện

- Đại diện chính quyền địa phương (đã kí),
- Hiệu trưởng (đã kí),
- Giáo viên (đã kí),
- Phụ huynh (đã kí),
- Người tình nguyện (đã kí).

F. Đánh giá

Nhận xét của giáo viên chủ nhiệm (Ký)

Xác nhận của các cấp có thẩm quyền

Xác nhận của CQ địa phương
(ký đóng dấu)

Xác nhận của nhà trường
(ký đóng dấu)

G. Bàn giao

- Bàn giao chuyển tiếp giữa các lớp học. Có kỹ nhận của người ban giao và người tiếp nhận.

3. Trường hợp 3: Học sinh khiếm thị

A. Những thông tin chung về trẻ

Họ tên trẻ: Đỗ Thị Thu Tr. (Nữ)

Khó khăn chính: Khiếm thị (Mù hoàn toàn)

Nơi cư trú: Khu 6, xã ND - Thanh Ba - Phú Thọ

Năm sinh: 2001

Học tại: Trường tiểu học ND, xã ND, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Họ tên bố: Đỗ Văn H.

Nghề nghiệp: Làm ruộng

Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Em trai: Đỗ Minh C.

GV chủ nhiệm: Đỗ Thị Gi.

Đỗ Thị Thu Tr. sinh ngày 8/9/2001 trong một gia đình nghèo tại khu 6, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Là con đầu trong gia đình có hai chị em, em trai ít hơn Thu Tr. 3 tuổi, tên là Đỗ Minh C. Hai chị em Thu Tr. và C rất thương yêu nhau. Em C. biết chị bị khiếm khuyết nên dù còn nhỏ tuổi nhưng luôn quan tâm đến chị, dành thời gian ở bên chị và giúp đỡ chị. Nhà Thu Tr. ở gần nhà ông, bà nội. Tuy nhiên, ông bà, nội của Thu Tr. vẫn còn tham gia lao động sản xuất nên cũng ít có điều kiện quan tâm và hỗ trợ chăm sóc Thu Tr.

B. Tóm tắt đặc điểm khả năng và nhu cầu của Thu Tr.

a) Đánh giá về các mặt phát triển của Thu Tr.

- *Sự phát triển về thể chất:* Điểm đặc trưng của trẻ khiếm thị là ít vận động, nên hệ cơ bắp thường kém phát triển. Gia đình Thu Tr. lại nghèo, chế độ dinh dưỡng kém nên sự phát triển thể chất của Thu Tr. càng kém hơn so với các bạn cùng tuổi. Vào thời điểm chúng tôi tiến hành nghiên cứu (tháng 1/2007) Thu Tr. đã 6 năm 6 tháng tuổi, nhưng chiều cao và cân nặng Thu Tr. chỉ đạt mức phát triển của trẻ 5 tuổi.

- *Về khả năng định hướng và vận động:* Trong khoảng không gian gia đình và lớp học Thu Tr. luôn xác định đúng được cửa ra vào, vị trí bàn học của Thu Tr. ở nhà cũng như ở lớp. Thu Tr. xác định được vị trí của cơ thể trong không gian trung bình, như : lớp học và nhà ở, xác định được không gian hai chiều: trên - dưới, trước – sau, phải - trái... Khả năng vận động tinh của Thu Tr. thì còn nhiều hạn chế, em gặp nhiều khó khăn khi tìm hiểu các chi tiết nhỏ, và ”đổi” theo các đường nét phức tạp.

- *Sự phát triển nhận thức:* Ngoài tật thị giác, Thu Tr. không có tật nào kèm theo. Các giác quan còn lại của Thu Tr. đều phát triển bình thường. Thu Tr. rất ham hiểu biết và cũng rất tò mò, em liên tục hỏi: ”Cái gì đây? Như thế nào? Tại sao?” với bất kỳ ai và bất kỳ khi nào. Ban đầu, nhiều người cho rằng Thu Tr. có vấn đề về tăng động và hành vi bất thường. Tuy nhiên, theo đánh giá của chúng tôi đó chỉ là biểu hiện của tính tò mò, ham hiểu biết của trẻ em nói chung và trẻ khiếm thị nói riêng do trường quan sát bị thu hẹp và khả năng tự quan sát, tự phân tích, tổng hợp các sự vật của môi trường xung quanh bị hạn chế. Khả năng ghi nhớ và hoạt động tư duy của Thu Tr. cũng phát triển tương đối bình thường, đúng với đặc điểm của HSM, Thu Tr. ghi nhớ thông tin qua con đường tiếp nhận bằng xúc giác và thính giác có xu thế nổi trội.

- *Sự phát triển hành vi - giao tiếp:*

+ Vốn từ của Thu Tr. rất nghèo nàn, em chỉ dùng được những từ thông dụng, chỉ gọi đúng tên được các đồ vật quen thuộc mà em được trực tiếp tiếp xúc. Đặc biệt thiếu các từ chỉ màu sắc, hình khối, các từ trừu tượng, từ chỉ mối quan hệ giữa các hiện tượng và khái niệm.

+ Nhiều từ em dùng nhưng không hiểu nghĩa, dùng sai tên chỉ đồ vật và sử dụng các từ chỉ hiện tượng không đúng với bản chất.

+ Cách hành văn lủng củng, hay sử dụng các câu cụt, thiếu các từ chỉ mức độ và so sánh...

+ Hành vi giao tiếp không phù hợp. Em thường có hành vi cúi gằm mặt hoặc lắc lư đầu khi nói chuyện, hai tay dụi mắt, không hướng mặt về phía người nói chuyện, thường đi chân trên mặt đất, nếu hai tay không dụi mắt thì lại khua khoang xung quanh.

Đánh giá về khả năng học hoà nhập và các kỹ năng học tập

- Về thực hiện các nội quy học tập: Thu Tr. rất thích đi học. Đến lớp Thu Tr. luôn hoà nhập với bạn bè, em có thể nói chuyện và chọc gheo bất cứ bạn nào, kể cả các bạn khác lớp. Tuy nhiên, do tính quá hiếu động và thói quen tự do từ nhỏ nên em luôn ngộ nguậy và không thể ngồi được cả tiết học. Thời gian đầu lớp 1, em chỉ có thể tập trung chú ý để ngồi học tập trong khoảng thời gian từ 5 đến 10 phút, sau đó bắt đầu nghịch sách, bút, đôi khi chui xuống gầm bàn, ra khỏi chỗ ngồi, thậm chí còn đi sang lớp bên cạnh để chọc các bạn.

- Về khả năng học tập: Mặc dù khả năng tập trung chú ý học tập chưa cao, nhưng khả năng nhận thức của em vẫn tương đối bình thường, nên em có thể hoàn thành một số môn học như Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức và Toán.

- Về các kỹ năng cơ bản nghe, nói, đọc, viết và tính toán:

+ Nhìn chung với các kỹ năng nghe, nói và tính toán Thu Tr. đều có thể đạt được mức phát triển gần ngang bằng với các bạn sáng mắt trong lớp. Thu Tr. nghe và hiểu nội dung bài học, có thể nhắc lại câu trả lời của bạn và của GV. Tuy nhiên, với các tình huống Thu Tr. phải trả lời hoặc nói theo cách hiểu và bằng ngôn ngữ của mình kém. Cụ thể như: nói nhát gừng, dùng từ thiếu chính xác, câu cụt và cách hành văn lủng củng. Về kỹ năng tính toán, Thu Tr. chưa thể tính nháp được trên giấy hoặc bàn tính, nhưng tính nhẩm hoặc dùng que tính thì Thu Tr. học rất nhanh và hoàn toàn đạt được mức độ phát triển ngang bằng các bạn sáng mắt.

+ Về các kỹ năng đọc, viết: Thu Tr. bị mù hoàn toàn, nên phải dùng ký hiệu Braille. Về kỹ năng viết: Thu Tr. thuộc ký hiệu các chữ cái theo Chương trình GD cấp Tiểu học, dấu thanh và về cơ bản nắm được nguyên tắc ngữ âm, quy tắc, kỹ thuật viết. Thu Tr. do thể trạng yếu nên viết một cách hết sức khó khăn. Em xác định được vị trí các chấm trong ô Braille nhưng không đủ sức để tạo thành các chấm nổi. Về kỹ năng đọc: Đây là nhiệm vụ hết sức khó khăn với Thu Tr. nói riêng và tất cả HSM nói chung. (Kết quả cụ thể được thể hiện trong bảng đánh giá.)

Bảng 1: Đánh giá các mặt phát triển của Đỗ Thu Tr.

(thời điểm đầu học kỳ II năm lớp 1)

<i>TT</i>	<i>Các mặt phát triển</i>	<i>Tuổi phát triển</i>
1	Sự phát triển thể chất (cân nặng, chiều cao) Sự phát triển của các giác quan: Thị giác Thính giác Xúc giác Khứu và vị giác	≈ 60 tháng Mù hoàn toàn Tốt Tốt Bình thường
2	Định hướng không gian : - Không gian 2 chiều - Không gian 3 chiều	Bình thường ≈ 48 tháng tuổi
3	Sự phát triển vận động – di chuyển - Vận động thô - Vận động tinh - Di chuyển trong môi trường quen thuộc và hẹp - Di chuyển trong môi trường rộng và không quen	Bình thường Kém Trung bình Kém
4	Sự phát triển nhận thức	Bình thường
5	Ngôn ngữ - giao tiếp	≈ 48 tháng

Bảng 2. Đánh giá khả năng đọc, viết chữ Braille của Đỗ Thu Tr.

(thời điểm đầu học kỳ II năm lớp 1)

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Mức độ đạt được</i>	<i>Mức độ cần đạt</i>
1	Đọc	9 chữ	30 chữ
2	Viết	14 chữ	30 chữ

Đánh giá chung

- **Thể chất:** Thể lực yếu
- **Vận động:** Vận động thô bình thường, vận động tinh kém, đặc biệt các vận động cần có sự điều tiết của mắt và trong khoảng không gian hẹp.
- **Kỹ năng định hướng - di chuyển:** Có khả năng định hướng không gian hai chiều, còn khả năng định hướng không gian ba chiều kém, đặc biệt trong môi trường không gian nhỏ (ô chữ Braille) và không gian lớn, không quen thuộc. Có khả năng di chuyển đúng mục đích trong không gian gia đình, lớp học, nhưng ở những môi trường rộng lớn hơn và không quen thuộc thì rất kém.
- **Kỹ năng giao tiếp:** Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ nói của Thu Tr. phát triển bình thường, thích nói chuyện, thích khám phá, biết đặt câu hỏi và biết lắng nghe. Tuy nhiên, hành vi giao tiếp và sử dụng vốn từ trong giao tiếp thì chưa đạt yêu cầu.
- **Học tập:** Bước đầu Thu Tr. đã được một số kỹ năng học tập, biết nội quy học tập (nhưng không phải lúc nào cũng thực hiện) biết chú ý nghe giảng, hoàn thành nhiệm vụ học tập của một số môn. Trong 5 nhóm kỹ năng cơ bản (nghe, nói, đọc viết và tính toán) thì Thu Tr. đặc biệt yếu ở hai nhóm kỹ năng viết và đọc.

a) Tiến trình xây dựng bản Kế hoạch giáo dục cá nhân cho Thu Tr.

- *Họp chuẩn bị xây dựng bản KHGDCN*

Sau khi có kết quả đánh giá ban đầu của Thu Tr., chúng tôi họp nhóm chủ chốt những người tham gia hỗ trợ và trực tiếp GD Thu Tr.

Thành phần tham gia cuộc họp, gồm: Phó chủ tịch xã ND – Phụ trách chương trình GD của xã, Hiệu trưởng trường tiểu học, Phó hiệu trưởng

phụ trách chuyên môn, GV chủ chốt phụ trách GDHN trẻ khuyết tật của trường, GV chủ nhiệm, cán bộ phụ trách chuyên ngành GD trẻ khiếm thị của Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN trẻ khuyết tật huyện Thanh Ba, đại diện hội phụ nữ xã, Thu Tr., phụ huynh của Thu Tr.

Cuộc họp đã lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của Thu Tr. và gia đình Thu Tr., lắng nghe các kết quả đánh giá ban đầu của nhóm chủ chốt (gồm: GV chủ nhiệm, GV chủ chốt phụ trách GDHN, cán bộ Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN). Tham gia đánh giá Thu Tr. Tại cuộc họp, tất cả các thành viên tham gia đều thống nhất ý kiến phải xây dựng một kế hoạch hành động cụ thể nhằm giúp đỡ Thu Tr. đạt kết quả học tập tốt và hoà nhập cộng đồng. Tất cả các thành viên đều cam kết thực hiện các hoạt động được phân công với quyết tâm cao nhất và giao cho nhóm chủ chốt xây dựng bản KHGDCN cụ thể cho Thu Tr.

- *Xây dựng Bản KHGDCN của Thu Tr.*

A. Những thông tin chung (như trên đã mô tả)

B. Tóm tắt đặc điểm KN và NC của Thu Tr. (như trên đã mô tả)

C. Mục tiêu GD

1. Mục tiêu chung:

Vận dụng các biện pháp sư phạm đặc thù nhằm giúp Thu Tr. đạt kết quả học tập ngang bằng các bạn trong lớp hoà nhập và giúp Thu Tr. hoà nhập cộng đồng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường chế độ dinh dưỡng và rèn luyện thể lực giúp Thu Tr. đạt được thang phát triển chung về chiều cao và cân nặng của HS tiểu học vào cuối năm lớp 3.
- Tăng cường phát triển và luyện kỹ năng định hướng, di chuyển và vận động, cụ thể như: di chuyển tự do trong môi trường gia đình và lớp học vào cuối năm lớp 1, đi lại độc lập trong khuôn viên trường và gia đình vào cuối năm lớp 2, tự đi đến trường và về nhà với sự giúp đỡ của bạn bè vào cuối năm lớp 3...
- Giao tiếp: Hết năm học lớp 2, Thu Tr. có hành vi giao tiếp phù hợp, như: biết hướng mặt đến người tham gia giao tiếp, biết xác định được đối tượng giao tiếp, biết chủ động tham gia vào các chủ đề giao tiếp, giảm thiểu dần đến hết hành vi dụi mắt, cúi gằm mặt và di chân trên

mặt đất khi tham gia giao tiếp.

- Tăng cường và phát triển các kỹ năng tự phục vụ.
- Hoàn thành Chương trình GD phổ thông cấp Tiểu học sau 5 năm với kết quả học tập đạt gần tương đương các bạn cùng lớp, cụ thể như sau:
 - + Các môn Đạo đức, Kỹ thuật, Mỹ thuật, Âm nhạc, Lịch sử đạt mức độ tương đương các bạn sáng.
 - + Các môn Toán, Tự nhiên - Xã hội, Khoa học, Địa lý đạt mức độ gần tương đương
 - + Môn tiếng Việt, tùy vào từng phân môn sẽ đạt từ 75 đến 85% “Mức độ cần đạt”.

D. Kế hoạch thực hiện

1. Các hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu tăng cường chế độ dinh dưỡng và rèn luyện thể lực cho Thu Tr.

Trường hợp cụ thể của gia đình Thu Tr. Chính quyền địa phương, Hội phụ nữ và quỹ xoá đói giảm nghèo đã cam kết thực hiện các hoạt động sau;

- Chính quyền địa phương tạo điều kiện cho gia đình Thu Tr. tham gia chương trình chuyển đổi vật nuôi và cây trồng. Trong chương trình này, các hộ gia đình tham gia được cấp phát hoặc miễn giảm đáng kể tiền cây và con giống, được tham gia các khoá tập huấn miễn phí về kỹ thuật nuôi, trồng và được bao tiêu sản phẩm đầu ra.
- Quỹ xoá đói giảm nghèo cho phép gia đình Thu Tr. được vay vốn tín chấp phát triển kinh tế hộ gia đình.
- Hội phụ nữ xã, thường xuyên thăm hỏi, động viên, chia sẻ những kinh nghiệm trong sản xuất và trong cuộc sống

Kết quả của các hoạt động này là thu nhập của gia đình HSM từng bước tăng lên, kinh tế gia đình dần ổn định và gia đình trẻ có các điều kiện để quan tâm đến trẻ hơn cũng như các điều kiện để tăng cường, bổ sung chế độ dinh dưỡng cho trẻ. Nhờ đó, thể chất của HSM cũng được phát triển nhanh hơn tiến dần đến thang phát triển thể chất của trẻ em ở độ tuổi tiểu học.

Các hoạt động rèn luyện thể lực cho HSM được thực hiện ở trong nhà trường và tại gia đình có sự kết hợp chặt chẽ giữa GV chủ nhiệm và phụ huynh của Thu Tr.

Kế hoạch thực hiện

<i>TT/thời gian</i>	<i>Nội dung hoạt động</i>	<i>Người thực hiện</i>	<i>Phương pháp/ điều kiện</i>	<i>Kết quả mong đợi</i>
1. Các hoạt động tại lớp, trường học. (triển khai trong cả năm học)	Rèn luyện thể lực: thể dục chính khoá, thể dục giữa giờ học, giờ chơi, các trò chơi vận động, các hoạt động của Đội thiếu niên	HSM, GV, nhóm “vòng bạn bè”, Đội thiếu niên...	Tạo cơ hội cho HSM tham gia tất cả các hoạt động vui chơi và rèn luyện thể lực. Nhóm “vòng bạn bè” được hướng dẫn các kỹ năng tổ chức hoạt động vui chơi và phương pháp khuyến khích mọi người cùng tham gia.	Thu Tr. bắt kịp và thực hiện đúng các bài tập thể chất; tích cực chủ động tham gia các hoạt động vui chơi tập thể, các trò chơi vận động, như: mèo đuổi chuột, bịt mắt bắt dê, các bài múa hát tập thể giữa giờ, các buổi sinh hoạt Sao...
2. Các hoạt động rèn luyện thể lực tại gia đình.	- Các bài tập thể dục buổi sáng, buổi tối. - Các trò chơi vận động với bạn cùng trang lứa trong cộng đồng dân cư.	Trẻ, phụ huynh, người thân và bạn cùng trang lứa trong cộng đồng dân cư	- Phụ huynh hướng dẫn và kiên trì động viên trẻ thực hiện các bài tập thể dục buổi sáng, tối. - Các bạn cùng trang lứa tạo cơ hội, khuyến khích và chủ động hướng dẫn Thu Tr. tham gia các hoạt động vui chơi trong cộng đồng dân cư...	- Thói quen tập thể dục buổi sáng và buổi tối. - Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động vui chơi, các trò chơi vận động với các bạn trong cộng đồng dân cư

Các hoạt động tăng cường và rèn luyện kỹ năng định hướng di chuyển và vận động

Thu Tr. bị mù hoàn toàn ngay từ khi mới sinh, nên thị giác hoàn toàn

không giúp gì cho Thu Tr. trong các hoạt động định hướng, di chuyển và vận động. Vì vậy, cảm giác không gian, xúc giác và thính giác sẽ đóng vai trò chủ đạo trong các hoạt động trên.

Kế hoạch thực hiện

<i>TT/thời gian</i>	<i>Nội dung hoạt động</i>	<i>Người thực hiện</i>	<i>Phương pháp/ điều kiện</i>	<i>Kết quả mong đợi</i>
1. Rèn luyện kỹ năng định hướng không gian hai và ba chiều. (Thời gian thực hiện hết học kỳ II lớp 1).	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định không gian hai chiều: trên - dưới, phải - trái... - Xác định không gian ba chiều: trong nhà, ngoài sân, ngoài ngõ... - Xác định không, trong lớp, trong trường và ngoài cổng trường, như: cửa ra vào, cửa sổ, chỗ ngồi, bục bâng, sân trường, cổng trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Thu Tr. và nhóm bạn - Thu Tr. và các thành viên trong gia đình... - Thu Tr. nhóm bạn và GV 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ yếu sử dụng biện pháp trò chơi và phương pháp cùng tham gia. Điều kiện thực hiện là “vòng bạn bè” tích cực và có phương pháp hướng dẫn cũng như tạo điều kiện cho Thu Tr. tham gia 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định thành thực không gian hai và ba chiều của chính HSM. - Di chuyển tự do và chính xác, ít va vấp trong khuôn viên gia đình và lớp học; trong khuôn viên nhà trường với sự giúp đỡ của nhóm bạn.

<i>TT/thời gian</i>	<i>Nội dung hoạt động</i>	<i>Người thực hiện</i>	<i>Phương pháp/ điều kiện</i>	<i>Kết quả mong đợi</i>
2. Xác định các điểm mốc bằng xúc giác	- Dùng xúc giác xác định các điểm mốc cố định và bán cố định trong khuôn viên gia đình, lớp học, và khuôn viên trường.	Thu Tr., phụ huynh, “vòng bè bạn” và GV.	- Hướng dẫn cách xác định các điểm mốc cố định bằng xúc giác (đồ vật trong gia đình, cửa ra vào, cửa sổ, bực bâng..) - Không di chuyển các đồ vật khỏi nơi cố định mà không thông báo với trẻ. - Đảm bảo an toàn khi trẻ tham gia các hoạt động.	- Xác định chính xác các điểm mốc cố định bằng một lần chạm tay. - Không va vấp vào các vật mốc cố định...
3. Xác định các điểm mốc bằng thính giác.	- Xác định điểm mốc qua âm thanh tự nhiên của môi trường xung quanh. - Xác định điểm mốc qua hướng dẫn bằng lời của người xung quanh	Thu Tr., phụ huynh, “vòng bè bạn” và GV	- Rèn luyện khả năng phân biệt các loại âm thanh, nguồn gốc âm thanh và trạng thái âm thanh - Tham gia các trò chơi rèn luyện thính giác	- Phân biệt được chính xác các loại âm thanh, nguồn gốc âm thanh, trạng thái âm thanh Xác định được vị trí cơ thể trong không gian qua các âm thanh của môi trường xung quanh.

<i>TT/thời gian</i>	<i>Nội dung hoạt động</i>	<i>Người thực hiện</i>	<i>Phương pháp/ điều kiện</i>	<i>Kết quả mong đợi</i>
4. Các bài rèn luyện kỹ năng đi chuyển	- Các bài tập tự đi - Các bài tập đi có hướng dẫn (không có bài tập đi gậy vì Thu Tr. không dùng gậy)	Thu Tr., phụ huynh và “vòng bè bạn”	Thu Tr. tích cực chủ động tham gia các bài tập và tự tin khi tham gia hoạt động “vòng bè bạn” tích cực và biết phương pháp hướng dẫn động viên Thu Tr. tham gia.	- Di chuyển tự do, đúng mục đích trong môi trường vừa và quen thuộc. - Di chuyển nhanh, đúng mục đích trong môi trường lạ có hướng dẫn.

Các hoạt động thực hiện mục tiêu phát triển kỹ năng giao tiếp

Các nhu cầu phát triển nhằm hoàn thiện kỹ năng giao tiếp của Thu Tr. là:

- Mở rộng vốn từ và tích cực hoá vốn từ, tăng cường sử dụng các từ chỉ hình ảnh, màu sắc, sử dụng từ đúng với nghĩa của từ, phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.
- Giảm thiểu các hành vi giao tiếp không phù hợp, như: cúi gầm mặt, đầu lắc lư, không hướng về phía người giao tiếp, di chân trên mặt đất, tay quờ quạng.
- Xác định đối tượng giao tiếp, điều chỉnh âm lượng, và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với đối tượng, không gian và ngữ cảnh giao tiếp.

Kế hoạch thực hiện các hoạt động trên cũng được xây dựng chi tiết theo bảng như các hoạt động của mục tiêu trước đó. Nội dung các hoạt động được lên kế hoạch chi tiết theo mục tiêu và được ấn định thời gian thực hiện cụ thể, hoạt động nào được thực hiện trong giờ học, hoạt động nào ngoài giờ học và hoạt động nào ở trong nhà trường và ngoài nhà trường.

- Người tham gia thực hiện tập trung vào bốn đối tượng, đó là Thu Tr., GV chủ nhiệm, phụ huynh và “vòng bè bạn”, trong đó “vòng bè bạn” đóng vai trò tích cực nhất trong việc thực hiện các mục tiêu trên.

- Về biện pháp thực hiện tập trung chủ yếu vào hai nhóm hoạt động: các hoạt động rèn luyện giao tiếp trong giờ học và các hoạt động vui chơi ngoài giờ lên lớp.
 - + Các hoạt động trong giờ học như: mở rộng vốn từ theo các chủ đề bài học, rèn luyện kỹ năng nói, trình bày và hành vi giao tiếp có văn hoá.
 - + Các hoạt động vui chơi tập thể, hoặc theo nhóm đóng vai trò tích cực nhất trong quá trình hoạt động nhằm đạt mục tiêu này. Các hoạt động chủ đạo đó là các trò chơi phát triển giao tiếp như: thi nói (kể tên) theo chủ đề, các trò chơi kể chuyện, đóng vai theo các nhân vật lịch sử và các nhân vật trong văn học...
- Kết quả mong đợi của các mục tiêu trên là những gì cần đạt được thể hiện bằng hành vi giao tiếp của Thu Tr. như: vốn từ được tăng cường và tích cực hoá, các hành vi giao tiếp phù hợp với đối tượng giao tiếp, không gian giao tiếp và ngữ cảnh giao tiếp.

Các hoạt động thực hiện mục tiêu phát triển và rèn luyện kỹ tự phục vụ

Các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển và rèn luyện kỹ năng tự phục vụ là một trong những nhóm kỹ năng quan trọng nhất trong GD HSM. Nó là cơ sở để HSM trở nên độc lập và tự tin vào bản thân mình, giúp trẻ lĩnh hội những kỹ năng nghề nghiệp cũng như hòa nhập cộng đồng.

- Nội dung chủ yếu của hoạt động này là: Dạy trẻ các kỹ năng:
 - + Vệ sinh cá nhân
 - + Lựa chọn và thay trang phục
 - + Tham gia các hoạt động lao động giản đơn như: Dọn và vệ sinh nhà ở, trực nhật lớp...
- Người hỗ trợ trẻ thực hiện các nhiệm vụ trên chủ yếu là phụ huynh và GV.
- Các biện pháp hướng dẫn là: “Cầm tay chỉ việc” và theo phương pháp “Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ”. Các nhiệm vụ càng được chia nhỏ thành các công đoạn càng tốt. Trong quá trình hướng dẫn phụ huynh có thể sử dụng phương pháp “Hướng dẫn ngược” nghĩa là dạy trẻ ngược từ công đoạn cuối cùng của nhiệm vụ về công đoạn đầu.

- Kết quả mong đợi là trẻ có thể độc lập trong các hoạt động tự phục vụ, chủ động và thực hiện có hiệu quả các hoạt động vệ sinh ở lớp cũng như ở nhà.

b) Vận dụng các bước dạy Thu Tr. đọc, viết chữ nổi Braille

Kết quả đánh giá ban đầu về khả năng đọc, viết của Thu Tr. là rất kém, nếu xét kết quả viết Thu Tr. đạt xấp xỉ 50% so với “Mức độ cần đạt”, nhưng đọc thì Thu Tr. chỉ có thể đọc được từng ký tự riêng lẻ nên không thể so sánh với chuẩn đánh giá tối thiểu. Đó cũng chính là lý do cần thiết và cấp bách phải vận dụng các phương pháp hướng dẫn đặc thù nhằm nâng cao tốc độ đọc và viết của Thu Tr.

Sau khi đánh giá lại một lần nữa kinh nghiệm và kỹ năng Braille đã có của Thu Tr. chúng tôi quyết định em phải sử dụng các bài tập để rèn luyện kỹ năng đọc, viết từ giai đoạn luyện tập với loại thanh Braille thứ ba (loại nhỏ và gần nhất với ô chữ Braile nguyên bản).

Hoạt động 1. Phóng to bảng chữ cái, bảng ký hiệu các dấu trong văn bản, bản ký hiệu số tự nhiên và treo ở trên lớp. Với biện pháp trên chỉ sau một thời gian ngắn, hầu như toàn bộ HS trong lớp cũng thuộc ký hiệu chữ nổi, các em đã sử dụng bảng ký hiệu Braille như một trò chơi đố chữ giúp Thu Tr. ghi nhớ và rèn luyện kỹ năng một cách thường xuyên; bảng ký hiệu cũng hỗ trợ GV luyện tập và nhớ lại những ký hiệu mà GV bị quên do ít được dùng đến.

Hoạt động 2. Cùng với GV chủ nhiệm hướng dẫn cho mẹ Thu Tr. học đọc, viết chữ Braille. Ở nhà Thu Tr. chúng tôi cũng treo bảng chữ cái và ký hiệu Braille. Như vậy, mẹ và em của Thu Tr. cũng biết chữ Braille, có thể cùng em học, đọc chính tả cho viết và giám sát, soát lỗi cho Thu Tr. khi em rèn luyện các kỹ năng đọc, viết chữ Braille.

Hoạt động 3. GV thống nhất với phụ huynh về thời lượng và số lượng bài tập đọc và tập viết Thu Tr. phải thực hiện hàng ngày. Phụ huynh chịu trách nhiệm đọc cho Thu Tr. viết, hỗ trợ và đánh giá sự tiến bộ của Thu Tr.

Với những hoạt động cụ thể và đồng bộ trên, chỉ sau một thời gian ngắn Thu Tr. đã có những tiến bộ rõ rệt. Đặc biệt em còn rất vui và hứng thú khi tham gia các trò chơi đố chữ Braille với các bạn sáng, vì trong trò chơi này em thường là người chiến thắng, qua đó giúp em tự tin hơn và hoà nhập với lớp học một cách tốt hơn.

Kết quả cụ thể của các biện pháp xin được trình bày trong phần đánh giá kết quả và bình luận.

Đánh giá kết quả học hiện

Để đánh giá kết quả việc vận dụng các biện pháp đặc thù trong công tác GD em Thu Tr. nói chung và dạy học kỹ năng đọc, viết chữ Braille nói riêng, căn cứ vào các mục tiêu đã được xây dựng trong bản KHGDCN cũng như các thông tin trong bản KHGDCN được GV chủ nhiệm lớp ghi chép thường xuyên, lấy đó làm cơ sở để đánh giá mức độ tiến bộ của các em.

a) Đánh giá chung về các mục tiêu GD trong bản KHGDCN

- Mục tiêu phát triển và rèn luyện thể lực cho Thu Tr.

GV, phụ huynh và “vòng bè bạn” đã thực hiện rất tốt và có hiệu quả kế hoạch hoạt động đã được xây dựng trong bản KHGDCN, bản thân Thu Tr. cũng rất tích cực tham gia vào tất cả các hoạt động do gia đình, nhà trường và “vòng bè bạn” tổ chức. Kết quả là Thu Tr. đã phát triển thể lực rất tốt, Thu Tr. trở lên nhanh nhẹn hơn, hoạt bát hơn và về cân nặng, chiều cao Thu Tr. đã đuổi kịp các bạn trong lớp trước thời hạn mà mục tiêu đã đề ra.

- Mục tiêu phát triển và rèn luyện kỹ năng định hướng, di chuyển và vận động

Như phần mô tả đã trình bày, Thu Tr. rất hiếu động và hoạt bát, cho nên khi Thu Tr. được tham gia vào các hoạt động vui chơi và các bài luyện tập kỹ năng, em đã thực hiện rất tốt và đạt tất cả các mục tiêu đã đề ra.

- Mục tiêu phát triển và rèn luyện kỹ năng giao tiếp

Trong mục tiêu phát triển và rèn luyện kỹ năng giao tiếp, về cơ bản, Thu Tr. và những thành viên có trách nhiệm đã thực hiện được mục tiêu đề ra, đặc biệt phạm vi đối tượng giao tiếp của em được mở rộng đáng kể, em có thể trò chuyện cởi mở với bất cứ ai tham gia giao tiếp. Tuy nhiên, em vẫn còn một số những hạn chế như: vẫn dùng tay dụi mắt khi tham gia giao tiếp; khi giao tiếp với người lạ em hay hỏi “Ai đây?”, đôi khi em còn dùng tay sờ vào mặt người tham gia giao tiếp (hành vi đặc trưng của HSM, nhưng không phù hợp).

- Mục tiêu rèn luyện kỹ năng tự phục vụ

Trong 5 nhóm mục tiêu chính của bản KHGDCN thì mục tiêu này Thu Tr. thực hiện kém hiệu quả nhất. Sau các đợt đánh giá, nhóm chủ chốt đã góp ý với gia đình một cách rất nghiêm túc, phân tích cho mẹ em hiểu những việc cần phải thực hiện nhằm giúp em độc lập hơn trong cuộc sống sau này và mẹ em đã nhận thức được vấn đề. Kết quả càng ngày Thu Tr. càng có nhiều tiến bộ hơn.

- Mục tiêu thực hiện các môn học của chương trình GD tiểu học

Trong quá trình thực hiện chương trình GD các môn học, GV đã thực hiện rất tốt sự hướng dẫn của nhóm chủ chốt, nên kết quả học tập của Thu Tr. nói riêng và toàn lớp nói chung (trừ hai môn Toán và Tiếng Việt có ảnh hưởng nhiều của khả năng Braille) là rất tốt. Cá nhân Thu Tr. đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập của mình. Đối với GV nghiệp vụ sư phạm cũng được nâng cao, điều đó được thể hiện là GV đã đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp huyện vào năm thứ hai và danh hiệu GV dạy giỏi cấp tỉnh vào năm thứ ba.

- Mục tiêu rèn luyện kỹ năng đọc, viết chữ Braille

Phân tích kết quả đánh giá cho thấy, ở thời điểm đầu học kỳ II của năm lớp 1, kỹ năng đọc của Thu Tr. chỉ tương đương 53% so với HSM học ở trường chuyên biệt Về kỹ năng viết thì có tốt hơn là 73%.

Phân tích kết quả của ba lần đánh giá tiếp theo khi vận dụng các biện pháp đặc thù cho thấy:

- Sau một năm Thu Tr. đã gần bắt kịp các bạn HSM của hai đơn vị bạn.
- Sau hai năm Thu Tr. đã bắt đầu vượt lên và sánh ngang các bạn HSM giỏi nhất của các đơn vị bạn
- Sau ba năm Thu Tr. đã vượt lên và tiến dần hơn tới Chuẩn tối thiểu.

Qua kết quả trên chúng ta có thể kết luận, nếu Thu Tr. được can thiệp sớm, được tiếp cận ngay từ đầu các biện pháp trên thì em có thể hoàn thành chương trình GD tiểu học một cách xuất sắc, và các kỹ năng đọc, viết của em tiến dần tới “Mức yêu cầu cần đạt” dành cho mọi HS cấp Tiểu học.

E. Kí cam kết thực hiện

- Đại diện chính quyền địa phương (đã kí),
- Hiệu trưởng (đã kí),
- Giáo viên (đã kí),
- Phụ huynh (đã kí),
- Người tình nguyện (đã kí).

F. Đánh giá

Nhận xét của giáo viên chủ nhiệm (Ký)

Xác nhận của các cấp có thẩm quyền

Xác nhận của CQ địa phương
(ký đóng dấu)

Xác nhận của nhà trường
(ký đóng dấu)

G. Bàn giao

- Bàn giao chuyên tiếp giữa các lớp học. Có kĩ nhận của người ban giao và người tiếp nhận.

4. Trường hợp 4: Học sinh khiếm thính

A. Những thông tin chung

Họ và tên trẻ: Nguyễn Thế H. Sinh ngày: 27/10/2005 Nam/nữ: Nam

Dạng khuyết tật: khiếm thính

Học sinh lớp: MGL

Trường: Mầm non Đông Thọ

Họ và tên giáo viên dạy: Nguyễn Thị H

Họ tên bố: Nguyễn Thế L.

Nghề nghiệp: Lái xe

Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Y.

Nghề nghiệp: Y tá

Địa chỉ gia đình: P323 – N3DD2 – Mai Xuân Dương – P. Đông Thọ - Tp. Thanh Hóa

B. Tóm tắt đặc điểm khả năng và nhu cầu của HS

<i>Nội dung tìm hiểu</i>	<i>Khả năng của trẻ</i>	<i>Nhu cầu/khó khăn</i>
Thể chất		
Chiều cao, cân nặng Sự phát triển của cơ thể - Khả năng nghe	Phù hợp với độ tuổi Bình thường	
	Có phản ứng với âm thanh, lời nói	Đeo MTT được 1 năm
Khả năng ngôn ngữ-giao tiếp		
- Vốn từ - Phát âm - Ngôn ngữ nói	Nói được 1 số từ Phát âm được Nói được một số từ đơn (mẹ, bà, ông,...)	Học nói Luyện nói
<ul style="list-style-type: none"> • Khả năng viết • Khả năng/thái độ giao tiếp 	Có kỹ năng cầm bút. Giao tiếp được với người thân trong gia đình và cô	Thái độ tự tin, vui vẻ
Khả năng nhận thức		
<ul style="list-style-type: none"> • Khả năng hiểu • Khả năng chú ý • Khả năng tư duy • Khả năng học • Khả năng thực hiện nhiệm vụ 	Nhận biết được người thân, một số đồ vật, con vật, bộ phận trên cơ thể người, màu sắc,... Khả năng chú ý tương đối tốt Khả năng tư duy tương đối tốt Có khả năng chú ý, ghi nhớ, tư duy Thực hiện tốt yêu cầu đơn giản	Vốn hiểu biết hạn chế so với độ tuổi Đôi khi hiếu động Nhanh nhưng cầu Ngôn ngữ biểu đạt hạn chế Nghe - hiểu hạn chế
Khả năng tự phục vụ		
Tự phục vụ bản thân	Biết tự đi vệ sinh, tự lấy nước, tự mặc quần áo..	Chưa biết tự tắm
Việc gia đình	Giúp bà gấp quần áo, lấy đồ dùng khi bà yêu cầu	Thao tác chưa khéo léo
Khả năng hoà nhập		
<ul style="list-style-type: none"> • Quan hệ với bạn bè • Quan hệ trong tập thể • Khả năng hoà nhập cộng đồng • Môi trường giáo dục 	Thích vui chơi với bạn cùng lứa tuổi Tham gia, tương tác với bạn Thích tham gia các hoạt động tập thể Gia đình và nhà trường tạo điều kiện tốt nhất cho trẻ đi học. Gia đình quá nuông chiều	Bạo dạn tham gia nhóm bạn Hiếu động khó điều khiển khi tham gia các hoạt động tập thể Gia đình giáo dục chưa đúng cách

1. Những điểm tích cực của trẻ

Nhận thức:

- Nhìn hình miệng lấy các số từ 1 đến 10 nhưng chưa chính xác.
- Nhận biết và nói được tên các màu: đỏ, xanh, vàng, hồng.
- Nhận biết và nói được tên các thành viên trong gia đình: ông, bà, bố, mẹ; nhận biết và nói được tên các bộ phận cơ thể: mắt, mũi, mồm, tai; nhận biết và nói được tên các con vật: bò, mèo, lợn, gà, chó, cá, voi, hổ; nhận biết và nói được một số quả: cam, nho, táo, na, xoài, đu đủ; nhận biết và nói được một số phương tiện giao thông: ô tô, xe máy, xe đạp.

Ngôn ngữ - giao tiếp:

- Nghe và phát hiện được âm thanh tiếng động và âm thanh lời nói
- Bắt chước được tiếng kêu của con (gà, mèo,...)
- Nói được các từ trong nội dung nhận thức, trả lời được một số câu hỏi dạng “Ai?, Mắt (mũi,...) đâu?”.

Kỹ năng xã hội:

- Mạnh dạn, tự tin, hòa đồng, nhanh nhẹn nhưng hiếu động
- Chưa chủ động chào người lớn.

2. Những mặt hạn chế/khó khăn của trẻ

- Trẻ điếc sâu, khả năng phát âm hạn chế
- Gia đình quá nuông chiều, chưa có kiến thức giáo dục trẻ

3. Nguyên vọng và nhu cầu cấp thiết của trẻ

- Thích chơi đồ chơi, thích giao lưu với các bạn
- Phát triển nhận thức và ngôn ngữ nói.
- Được đi học lớp 1 hoà nhập

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN NĂM HỌC 2009 - 2010

1. Mục tiêu năm học 2009 - 2010

Nhận thức:

- Đếm, nhìn hình miệng lấy chính xác các số trong phạm vi 20, đếm và nói khái quát nhóm số lượng trong phạm vi 10
- Nhận biết và gọi tên các màu: cam, xanh da trời, đen, tím, trắng, nâu.
- Nhận biết được một số hình cơ bản: Hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật
- So sánh hai đối tượng: to – nhỏ, dài – ngắn, trước - sau, bên phải – bên trái
- Nhận biết và gọi được tên các loại đồ dùng trong gia đình (tủ lạnh, điều hòa, nồi cơm điện, ấm đun nước....); nhận biết và gọi tên một số con vật (trong nhà: dê, trâu, bò...; dưới nước: tôm, cua, cá, cá vàng, cá voi, cá sấu...; trong rừng: khỉ, báo, sóc, sư tử, nhím, hươu, nai); nhận biết và gọi tên một số loại quả: dưa hấu, vải, thanh long, khế, nhãn, vải, dứa, mít...); nhận biết và gọi tên một số loại hoa (đào, mai, cúc, sen, ly, huệ, sen,...); nhận biết và gọi tên một số phương tiện giao thông (máy bay, tàu hỏa, ca nô, xích lô, tàu thủy,...); hiện tượng tự nhiên (trời lạnh, trời nóng, nắng, mưa, ông mặt trời, ...)

Ngôn ngữ/Giao tiếp:

- Nghe: phân biệt cường độ âm thanh (to – nhỏ), trường độ âm thanh (dài – ngắn). Nhận biết và phân biệt thành thạo 6 âm Ling:/a/,/u/,/i/,/m/,/S/,/s/; nghe – nhận biết được các từ ngữ trong phần nhận thức
- Bắt chước tiếng (gà gáy, mèo kêu, chó sủa, còi tàu, còi ô tô)
- Nói được các từ trong phần nhận thức (tư thế cấu âm đúng, phương thức cấu âm tương đối rõ).
- Trả lời 1 số câu hỏi dạng: Ai?, cái gì?, Ở đâu? Màu gì? Con gì?. Nói câu 3 – 4 tiếng.

Kỹ năng xã hội

- Chủ động hỏi xin khi muốn cái gì đó (con xin cô, con xin bà).
- Tham gia luân phiên và tương tác với các bạn.

2. Mục tiêu học kỳ 1

Nhận thức:

- Đếm, nhìn hình miệng lấy chính xác các số trong phạm vi 10, đếm và nói khái quát nhóm số lượng trong phạm vi 5;
- Nhận biết và gọi tên các màu: đen, trắng, cam;
- Nhận biết và gọi được một số hình cơ bản: hình vuông, hình tròn;
- So sánh kích thước to – nhỏ, dài – ngắn, cao - thấp của hai đối tượng;
- Nhận biết và gọi được tên các loại đồ dùng trong gia đình (ti vi, đèn, ghế, tủ, . . .); nhận biết và gọi tên một số con vật (trong nhà: gà trống, gà mái, thỏ; dưới nước: tôm, cua, ốc, . . .; trong rừng: khỉ, báo, sư tử. . .); nhận biết và gọi tên một số loại quả (dưa hấu, vải, ôi, thanh long, . . .); nhận biết và gọi tên một số loại hoa (đào, mai, hồng, cúc, . . .); nhận biết và gọi tên một số phương tiện giao thông (tàu hỏa, máy bay, xích lô, . . .); hiện tượng tự nhiên (trời lạnh, trời nóng, nắng, mưa, . . .);

Ngôn ngữ/Giao tiếp:

- Nghe: phân biệt trống – thanh la, đếm số lượng âm thanh - phát hiện; nhận diện và phân biệt được 6 âm Ling: /a/, /u/, /i/, /m/, /S/, /s/; nghe – nhận biết được các từ ngữ trong phần nhận thức;
- Bắt chước tiếng kêu của các con vật (gà, chó, mèo, vịt);
- Nói được các từ trong phần nhận thức (tư thế cấu âm đúng, phương thức cấu âm tương đối rõ);
- Trả lời 1 số dạng câu hỏi: Ai? Bà đâu? Bố đâu?, Mẹ đâu? Hoàng đâu? Cô đâu?, cái gì?, con gì?);

Kỹ năng xã hội

- Chủ động chào hỏi mọi người khi gặp (người thân trong gia đình, cô giáo, bạn);
- Biết xin người khác cho quà, đồ chơi;
- Tham gia chơi và tương tác với các bạn;

3. Kế hoạch giáo dục

Thời gian	Nội dung	Biện pháp/người thực hiện	Kết quả mong đợi
Tháng 9	Nhận thức: - Nhận biết và đếm các số trong phạm vi 3	- Sử dụng đồ chơi, trẻ đếm 1 - 3 và đếm khái quát trong phạm vi 2. Trẻ chỉ và nhóm đồ chơi và đếm theo yêu cầu	- Trẻ đếm 1-3 với đồ vật tương ứng
	- Nhận biết và gọi tên hình tròn	- Sử dụng các hình mẫu, vẽ lên giấy, cô nói – trẻ nghe, nhìn hình miệng và lấy hình theo yêu cầu	- Trẻ chỉ đồ vật h.tròn và nói “tròn”
	- Ôn các màu đã học (vàng, đỏ, xanh, hồng)	- Sử dụng bút màu, lấy màu theo yêu cầu, nêu tên màu của các loại hoa, quả.	-Chi và nói được tên các màu
	- So sánh kích thước to – nhỏ	- Sử dụng các đồ vật (bóng, hình). Cô nói mẫu cho trẻ phát âm theo, yêu cầu trẻ lấy đồ vật to/bé theo yêu cầu.	- Nhận biết chưa chắc chắn
	- Nhận biết và gọi tên hoa: cúc, hồng	- Sử dụng thẻ tranh, hỏi “Hoa gì?”, Cô nói, trẻ nhắc lại; cô nói – trẻ lấy hoa theo yêu cầu và phát âm.	- Trẻ nhận biết tốt, PA chưa rõ
	- Nhận biết và gọi tên các quả: dưa hấu, vải	- Sử dụng thẻ tranh, quả mẫu, hỏi “Quả gì?”, trẻ nói - cô sửa lỗi phát âm/cô nói mẫu – trẻ nhắc lại; Lấy quả theo yêu cầu	-Trẻ nhận biết tốt, PA “hấu”, “vải”
	- Nhận biết và gọi tên các con vật: tôm, cua	- Sử dụng thẻ tranh, hỏi “Con gì?”, trẻ nói - cô sửa lỗi phát âm/cô nói mẫu – trẻ nhắc lại; cô nói - trẻ nhắc lại, lấy thẻ tranh theo yêu cầu	- Trẻ nhận biết tốt, PA “tôm”. “ua”
	- Nhận biết và gọi tên các hiện tượng: nắng, mưa	- QS hiện tượng hàng ngày/tranh, cô nói tên hiện tượng, trẻ nhắc lại; trẻ mô tả hiện tượng nắng - mưa bằng hình vẽ.	- Trẻ nhận biết chưa chắc chắn

	<p>Ngôn ngữ - giao tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện, phân biệt dụng cụ phát ra ÂT - Phát hiện và phân biệt âm /a/, /u/ - Phân biệt độ dài âm /a/, /u/ + Phản ứng với tên gọi - Nghe nhận biết và phát âm các từ trong phân nhận thức Trả lời 1 số dạng câu hỏi Ai đây? Hoàng đâu? <p>Kĩ năng xã hội: Chào khi gặp người cô, người lớn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng trống và thanh la. Trẻ nghe được ÂT - chi và nói tên vật phát ra ÂT. - Cô phát âm 2 âm Ling /a/, /u/ trẻ nghe và nhắc lại âm nghe được. - Vẽ 2 đoạn thẳng có độ dài khác nhau. Cô phát âm /a/ hoặc /u/ dài/ngắn, trẻ chỉ vào đoạn thẳng dài/ngắn - Nghe cô gọi tên và trẻ đáp lại “ạ”. - Cô nói, trẻ nghe - nhìn hình miệng nhận biết và phân biệt các từ trong hợp nội dung nhận thức - Kết hợp nghe và hình miệng trợ giúp trẻ hiểu câu hỏi, trả lời câu hỏi. “cô Hằng”, “Hoàng” - Nhắc trẻ chào khi gặp cô và người lớn, cung cấp mẫu câu “con chào cô ạ”, “con chào bà ạ”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ phân biệt tốt - Trẻ nghe - nhắc lại âm a - Trẻ phân biệt độ dài ÂT - Trẻ nghe và nhắc lại khoảng 60% - Trả lời được câu hỏi Cô nói mẫu – trẻ nhắc lại
<p>Tháng 10</p>	<p>- Nhận thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đếm số lượng trong phạm vi 5 + Nhận biết và tên các màu: đen + So sánh kích thước: cao – thấp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng đồ vật mẫu (hình, bút sáp, lá,...) cho trẻ đếm tương ứng trong phạm vi 5 và nói khái quát trong phạm vi 3. Nói mẫu cho trẻ thực hiện theo. - Sử dụng bút màu, lấy màu, gọi tên màu và tô màu. Áp dụng hỏi màu các đồ vật xung quanh (tóc, quần,...) - Sử dụng 2 khối hình (cao – thấp), Cô nói mẫu cho trẻ nhắc lại, lấy khối hình cao/ thấp theo yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ đếm 1-5 với đồ vật tương ứng - Trẻ nhận biết được màu đen - Trẻ nhận biết và nói tương đối rõ (cao thấp)

<p>+ Nhận biết và gọi tên con gà trống, gà mái</p> <p>+ Nhận biết và gọi tên con khi</p> <p>- Nhận biết và gọi tên quả ổi</p> <p>- Nhận biết, gọi tên và mô tả các hiện tượng: nắng, mưa</p>	<p>- Sử dụng thẻ tranh, hỏi “Con gì?”, Cô nói mẫu cho trẻ nhắc lại, lấy thẻ tranh theo yêu cầu, nói tên và phân biệt các con vật.</p> <p>- Sử dụng thẻ tranh, con vật mẫu, hỏi “Con gì?”, cô nói mẫu cho trẻ nhắc lại, lấy thẻ tranh theo yêu cầu, nói tên và phân biệt các con vật</p> <p>- Sử dụng thẻ tranh, quả mẫu, hỏi “Quả gì?”, cô nói mẫu tên quả - trẻ nhắc lại, lấy quả theo yêu cầu, phân biệt với các quả khác</p> <p>- Quan sát trực tiếp hiện tượng hàng ngày, nói tên hiện tượng, mô tả hiện tượng nắng, mưa bằng hình vẽ.</p>	<p>- Trẻ nhận biết tốt, PA chưa rõ</p> <p>- Trẻ nhận biết tốt, PA “ôi”</p> <p>- Trẻ nhận biết chưa chắc chắn</p>
<p>Ngôn ngữ - giao tiếp</p> <p>+ Phân biệt của cường độ của âm thanh (to – nhỏ)</p> <p>+ Phát hiện và phân biệt 2 âm thanh /a/, /u/</p> <p>- Phát âm /a/, /u/ với độ to/nhỏ khác nhau</p> <p>+ Nhận biết và bắt chước tiếng gà trống gáy</p> <p>+ Nghe – nhận biết và nhắc lại các từ trong phần nhận thức.</p>	<p>- Sử dụng trống/thanh la phát ra âm thanh to/nhỏ. Trẻ nghe được âm thanh đưa ra biểu hiện to/nhỏ</p> <p>- Cô phát âm lần lượt 2 âm Ling, trẻ nghe và nhắc lại</p> <p>- Vẽ 2 hình tròn có kích thước khác nhau, Cô phát âm to/nhỏ, trẻ chỉ vào vòng tròn tương ứng to/nhỏ.</p> <p>- Cô bắt chước tiếng gà gáy, chó sủa. Trẻ nghe và bắt chước phát âm tiếng gà gáy</p> <p>- Cô phát âm các từ trong phần nhận thức, trẻ chỉ vào tranh tương ứng và nhắc lại từ nghe được.</p>	<p>- Trẻ phân biệt tốt</p> <p>- Trẻ nghe - nhắc lại âm a, u</p> <p>- Trẻ phân biệt cường độ dài ÂT</p> <p>- Trẻ nghe và bắt chước được (o,0,0)</p> <p>- Trẻ nghe và nhắc lại khoảng 70%</p>

	<p>+ Trả lời 1 số dạng câu hỏi Ai đây?, Hoàng đâu? Cô đâu? Con gì?</p>	<p>- Cô hỏi, trẻ nghe kết hợp hình miệng trả lời câu hỏi: cô Hằng, trẻ chỉ vào bản thân và chỉ vào cô khi được hỏi.</p>	<p>- Trả lời được câu hỏi</p>
	<p>Kĩ năng xã hội: - Phản ứng với tên gọi - Chào hỏi</p>	<p>- Nghe cô gọi tên và đáp lại “ạ”. - Nhắc trẻ chào khi vào phòng làm việc của các cô, khi gặp cô.</p>	<p>- Trẻ nghe và trả lời “ạ”</p>
	<p>Nhận thức: + Đếm số lượng trong phạm vi 7 + Nhận biết và gọi tên các màu: trắng + So sánh kích thước: ôn to- nhỏ, dài – ngắn + Nhận biết và gọi tên các con vật: báo + Nhận biết và gọi tên các đồ dùng trong gia đình: ti vi, đèn + Nhận biết và gọi tên các phương tiện giao thông: tàu hỏa, máy bay</p>	<p>- Sử dụng đồ vật mẫu (hình, bút sáp, lá,...) cho trẻ đếm tương ứng trong phạm vi 7 và nói khái quát trong phạm vi 4. Nói mẫu cho trẻ thực hiện theo. - Sử dụng bút màu, lấy màu, gọi tên màu và tô màu. Áp dụng hỏi màu các đồ vật xung quanh (đép, áo, quần,...) - Sử dụng các khối hình, giấy màu. Nói mẫu cho trẻ nhắc lại, trẻ lấy khối hình, giấy màu dài/ngắn theo yêu cầu. - Sử dụng thẻ tranh, con vật mẫu, hỏi “Con gì”, Cô nói mẫu- trẻ nhắc lại, lấy thẻ tranh theo yêu cầu - Sử dụng thẻ tranh, hỏi “Cái gì đây?”, cô nói mẫu - trẻ phát âm, lấy thẻ tranh theo yêu cầu. - Sử dụng thẻ tranh, vật mẫu, hỏi “Xe gì đây?”, cô nói mẫu - trẻ nhắc lại, lấy thẻ tranh theo yêu cầu, nói tên và phân biệt các phương tiện</p>	<p>- Trẻ đếm 1-7 với đồ vật tương ứng - Trẻ nhận biết được màu trắng - Trẻ nhận biết và chưa nói rõ (dài –ngắn) - Nhận biết được – nói chưa rõ - Trẻ nhận biết tốt, PA chưa rõ - Trẻ nhận biết tốt, PA chưa rõ</p>

Tháng 11	<p>- Ngôn ngữ - giao tiếp</p> <p>+ Phát hiện số lượng âm thanh</p> <p>+ Nhận biết và phân biệt /a/, /i/, /u/</p> <p>+ Phân biệt âm thanh to - bé, dài – ngắn</p> <p>- Nghe và bắt chước tiếng chó sủa</p> <p>- Nghe nhận biết và phát âm các từ trong phần nhận thức</p> <p>- Trả lời 1 số dạng câu hỏi Con gì? Màu gì ?</p>	<p>- Dùng trống, vô tay, trẻ nghe và đếm số lượng âm thanh trong phạm vi 2</p> <p>- Cô phát âm, trẻ nghe và nhắc lại</p> <p>- Cô phát âm các âm /a/, /i/, /u/ to – nhỏ, dài – ngắn, chỉ vào biểu tượng tương ứng</p> <p>- Cô làm tiếng chó sủa, trẻ nghe bắt chước làm theo</p> <p>- Nghe, nhìn hình miệng – trẻ nhận biết, phân biệt và phát âm các từ trong nội dung nhận thức</p> <p>- Nghe, nhìn hình miệng, trẻ nghe hiểu và trả lời câu hỏi. Nói mẫu câu để trẻ nhắc lại.</p>	<p>- Trẻ phân biệt tốt</p> <p>- Trẻ nghe - nhắc lại âm a, u, I chưa rõ</p> <p>- Trẻ phân biệt to - bé, dài – ngắn, PA chưa rõ dài-ngắn</p> <p>- Trẻ nghe và bắt chước được</p> <p>- Trẻ nghe và nhắc lại khoảng 70%</p> <p>- Trả lời được câu hỏi, câu hỏi màu gì phải gọi ý</p>
	<p>Kĩ năng xã hội:</p> <p>- Chào hỏi</p> <p>- Biết xin khi cần cái gì đó</p>	<p>- Nhắc trẻ chào khi các cô.</p> <p>- Cô đưa đồ chơi cho trẻ, yêu cầu trẻ nói từ « xin cô »</p>	<p>- Nhắc nhở trẻ thực hiện được nhưng chưa chủ động</p>
	<p>Nhận thức:</p> <p>- Đếm số lượng trong phạm vi 10</p>	<p>- Sử dụng đồ vật mẫu cho trẻ đếm tương ứng trong phạm vi 10 và đếm khái quát trong phạm vi 5. Cô nói mẫu cho trẻ thực hiện theo.</p>	<p>- Trẻ đếm 1-10 với đồ vật tương ứng</p>

<p>Tháng 12</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt và gọi tên các màu: đen, trắng, da cam - So sánh kích thước: to – bé, cao – thấp, dài – ngắn - Nhận biết và gọi tên các con vật: khí, báo, sư tử + Nhận biết và gọi tên các đồ dùng trong gia đình: ghế, tủ + Nhận biết và gọi tên PTGT: xích lô và phân biệt máy bay, tàu hỏa, xích lô 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bút màu, gọi tên màu và tô màu. Áp dụng hỏi màu các đồ vật (đép, áo, quần,...) - Đặt hai khối hình có độ dài khác nhau cạnh nhau. Cô chỉ vào từng khối hình nói mẫu - trẻ nhắc lại, cô nói - trẻ lấy theo yêu cầu. Trẻ so sánh to – bé, cao – thấp, dài – ngắn - Sử dụng thẻ tranh, con vật mẫu, cô hỏi “Con gì?”, cô nói mẫu - trẻ nhắc lại, yêu cầu trẻ lấy thẻ tranh và nói tên các con vật tương ứng - Sử dụng thẻ tranh, cô hỏi “Cái gì?”, cô nói mẫu, trẻ phát âm; yêu cầu trẻ lấy tranh và nói tên đồ vật tương ứng - Sử dụng thẻ tranh, vật mẫu, cô hỏi “Xe gì?”, trẻ chỉ và nói tên các PTGT tương ứng. Trẻ qua nghe và nhìn hình miệng phân biệt máy bay, tàu hỏa, xích lô 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết và phân biệt màu đen, trắng, cam - Trẻ nhận biết và nói tương đối rõ (cao thấp) - Nhận biết được – nói chưa rõ - Trẻ nhận biết tốt, PA “ghế” chưa rõ - Trẻ nhận biết tốt, PA “xích” chưa rõ
<p>Ngôn ngữ - giao tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phân biệt âm thanh to – nhỏ, dài – ngắn, đếm số lượng + Nghe - Phân biệt 4 âm linh/a/,i/,/u/,/m/ + Phát âm âm /a/,/i/,/u/,/m với độ to/nhỏ khác nhau 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng trống và thanh la. Trẻ nghe đưa ra biểu hiện về kích thước và số lượng tương ứng và nói tên các đại lượng tương ứng. - Cô phát âm, trẻ nghe và nhắc lại âm nghe được - Cô phát âm lần lượt các âm to/nhỏ, trẻ nghe và đưa ra dấu hiệu to/nhỏ 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ phân biệt tốt - Trẻ nghe - nhắc lại âm a, u, m; âm i PA chưa rõ - Trẻ phân biệt khi PÂ cường độ to/nhỏ 	

	<ul style="list-style-type: none"> + Bắt chước tiếng mèo kêu + Nghe và nói các từ trong nội dung nhận thức + Trả lời 1 số dạng câu hỏi Ai? Con gì? Xe gì? Màu gì ?, cái gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - Cô bắt chước tiếng mèo kêu, trẻ nghe và làm theo - Cô nói từ, trẻ nghe, chỉ vào tranh tương ứng; Cô chỉ tranh trẻ nói từ - Cô hỏi và chỉ vào đối tượng được hỏi, trẻ nghe – nhìn hình miệng trả lời câu hỏi; Cô nói mẫu câu trả lời trẻ nhắc lại 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nghe và bắt chước được - Trẻ nghe và nhắc lại khoảng 80% - Trả lời được câu hỏi
<ul style="list-style-type: none"> Kĩ năng xã hội : + Chào hỏi + Xin khi cần cái gì đó 		<ul style="list-style-type: none"> - Nhắc trẻ chào khi trẻ gặp cô, người lớn - Cô đưa cho trẻ đồ chơi, chờ đợi trẻ phản hồi, nếu trẻ không trả lời được, cô đưa ra câu mẫu « con xin cô », trẻ nhắc lại. 	<ul style="list-style-type: none"> -Trẻ biết chào khi gặp cô, biết xin khi cô cho cái gì đó

E. Kí cam kết thực hiện

- Đại diện chính quyền địa phương (đã kí),
- Hiệu trưởng (đã kí),
- Giáo viên (đã kí),
- Phụ huynh (đã kí),
- Người tình nguyện (đã kí).

F. Đánh giá

Nhận xét của giáo viên chủ nhiệm (Ký)

Xác nhận của các cấp có thẩm quyền

Xác nhận của CQ địa phương
(ký đóng dấu)

Xác nhận của nhà trường
(ký đóng dấu)

G. Bàn giao

- Bàn giao chuyển tiếp giữa các lớp học. Có kí nhận của người ban giao và người tiếp nhận.

PHỤ LỤC

MẪU SỐ 1

PHIẾU TÌM HIỂU KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU TRẺ KHIẾM THỊ MÀM NON

Sơ lược lý lịch

Họ và tên: Nam, nữ Dân tộc:.....

Ngày tháng năm sinh:..... Học lớp:..... Con thứ:.....

Địa chỉ gia đình.....

Điện thoại:

Họ và tên bố:..... Tuổi:..... Dân tộc:.....

Nghề nghiệp:.....

Họ và tên mẹ:..... Tuổi:..... Dân tộc:.....

Nghề nghiệp:.....

Kinh tế gia đình:.....

Khó khăn chính của trẻ:

Nguyên nhân khiếm thị:

CÁC KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU CỦA TRẺ

Sự phát triển thể chất và khả năng các giác quan:

Thể chất

Chiều cao so với độ tuổi: Bình thường Lớn hơn Nhỏ hơn

Sự phát triển các chi: Cân đối Không cân đối Cụ thể:

Khả năng các giác quan

Khả năng nhìn

Thị lực nhìn xa không kính: MP:..... MT:..... 2M:.....

Kính lỗ: MP:..... MT:..... 2M:.....

Thị lực nhìn xa với kính đang đeo: MP:..... MT:..... 2M:.....

Thị lực nhìn gần với kính đang đeo: MP:..... MT:..... 2M:.....

Phản xạ với ánh sáng:

Nhận biết sáng tối:	MP: Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>	MT: Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Nhận biết màu sắc:	MP: Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>	MT: Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Đếm ngón tay	MP... .. mét		MT..... mét	

Thị trường

Hẹp thị trường Phải Trái Trên Dưới Trung tâm

Khả năng nghe

Bình thường Nghe không rõ Không nghe thấy gì

Khả năng sờ

Hình vuông <input type="checkbox"/>	Hình tròn <input type="checkbox"/>	Hình chữ nhật <input type="checkbox"/>	Tam giác <input type="checkbox"/>		
Hình khác					
Nhận biết các vật quen thuộc	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>			
Sờ nhận biết các tổ hợp chấm nổi					
Ngón trở phải:	1 chấm <input type="checkbox"/>	2 chấm <input type="checkbox"/>	3 chấm <input type="checkbox"/>	4 chấm <input type="checkbox"/>	5 chấm <input type="checkbox"/>
	6 chấm <input type="checkbox"/>				
Ngón trở trái:	1 chấm <input type="checkbox"/>	2 chấm <input type="checkbox"/>	3 chấm <input type="checkbox"/>	4 chấm <input type="checkbox"/>	5 chấm <input type="checkbox"/>
	6 chấm <input type="checkbox"/>				
Tốc độ:	Nhanh <input type="checkbox"/>	chậm <input type="checkbox"/>			

Khả năng vận động di chuyển

- Tự lấy: Có không
- Tự bò Có không
- Tự ngồi Có không
- Tự đứng Có không
- Tự đi Có không
- Tự chạy Có không
- Tự đi lùi Có không

- Tự đi lại trong khu vực gia đình Có không
- Tự đi lại trong khu vực làng xóm Có không
- Tự chạy Có không
- Tự nhảy xa Có không

Khả năng phát triển ngôn ngữ giao tiếp

- Bập bẹ nói lúc mấy tháng tuổi?
 - Mấy tháng tuổi nói được câu một từ “bà”, “bố” “mẹ” “mơ”:
 - Mấy tháng tuổi nói được câu 2 từ.
 - Phát âm: Bình thường nói ngọng Nói lắp Khó nói
không nói được .
 - Vốn từ vựng nhiều ít
 - Biết trả lời câu hỏi của người khác. Có không
 - Hiểu được người khác nói. Có không
- Hiểu nội dung đơn giản, gần gũi
- Hiểu nội dung phức tạp, có 2 sự kiện
- Hiểu nội dung trừu tượng, tư duy mới lạ
- Nói người khác hiểu. Có không
 - Nói được câu đơn giản? Có không
 - Nói được câu phức hợp? Có không

Khả năng tự phục vụ.

- Tự uống nước bằng ca, cốc Có không
- Tự ăn cơm bằng thìa, đũa Có không
- Tự rửa chân tay, mặt mũi Có không
- Tự tắm rửa Có không
- Tự mặc quần áo Có không
- Tự đi giày dép Có không
- Tự đi đại tiểu tiện Có không

Khả năng phát triển nhận thức.

- Khả năng chú ý: Tốt bình thường kém
- Khả năng ghi nhớ máy móc: Tốt bình thường kém
- Khả năng hiểu biết và tư duy:
 - ❖ Phân biệt các hình cơ bản Có không
 - ❖ Phân biệt to-nhỏ Có không
 - ❖ Phân biệt dài ngắn Có không
 - ❖ Phân biệt cao thấp Có không
 - ❖ Đếm xuôi từ 1-10 Có không
 - ❖ Đếm ngược từ 1-10 Có không
 - ❖ Kể tên các bộ phận ngoài của cơ thể Có không
 - ❖ Kể tên các con vật nuôi trong gia đình Có không
 - ❖ Kể tên các cây trồng gần gũi Có không
 - ❖ Kể các hoa quả quen thuộc Có không
 - ❖ Kể tên các đồ dùng trong gia đình Có không

Quan hệ xã hội

- Có bạn thân Có không
- Ứng xử nhanh chậm
- Thích đi học Có không
- Thích chơi một mình Thích chơi với bạn
- Đáp ứng được các quy định của gia đình Có không

Môi trường phát triển của trẻ

- ❖ Môi trường giáo dục gia đình.
- Điều kiện ăn, ở, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe:
 - Tốt khá bình thường kém
- Tình thương yêu của mọi người trong gia đình đối với trẻ:
 - Tốt bình thường kém

- Quan tâm của gia đình đến việc chăm sóc giáo dục trẻ
Có không
- Trẻ đã đi học mẫu giáo , ở nhà
 - ❖ Môi trường xã hội.
- Mọi người trong cộng đồng có quan tâm chăm sóc trẻ
Có không

Ngày tháng năm 200.....
Họ tên người lập phiếu

MẪU SỐ 2. PHIẾU TÌM HIỂU KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU TRẺ KHIẾM THỊ TIỂU HỌC

Sơ lược lý lịch

Họ và tên: Nam, nữ Dân tộc:.....

Ngày tháng năm sinh:..... Học lớp:..... Con thứ:.....

Địa chỉ gia đình.....

Điện thoại:

Họ và tên bố:..... Tuổi:..... Dân tộc:.....

Nghề nghiệp:.....

Họ và tên mẹ:..... Tuổi:..... Dân tộc:.....

Nghề nghiệp:.....

Kinh tế gia đình:.....

Khó khăn chính của trẻ:.....

Nguyên nhân khiếm thị:.....

CÁC KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU CỦA TRẺ

1. Sự phát triển thể chất và khả năng các giác quan:

Thể chất

Chiều cao so với độ tuổi: Bình thường Lớn hơn Nhỏ hơn

Sự phát triển các chi: Cân đối Không cân đối Cụ thể:

.....

Khả năng các giác quan

Khả năng nhìn

Thị lực nhìn xa không kính: MP:..... MT:..... 2M:.....

Kính lỗ: MP:..... MT:..... 2M:.....

Thị lực nhìn xa với kính đang đeo: MP:..... MT:..... 2M:.....

Thị lực nhìn gần với kính đang đeo: MP:..... MT:..... 2M:.....

Phản xạ với ánh sáng:

Nhận biết sáng tối:	MP: Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>	MT: Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Nhận biết màu sắc:	MP: Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>	MT: Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Đếm ngón tay	MP... .. mét		MT..... mét	

Thị trường

Hẹp thị trường Phái Trái Trên Dưới Trung tâm

Khả năng nghe

Bình thường Nghe không rõ Không nghe thấy gì

Khả năng sờ

Nhận biết các hình cơ bản				
Hình vuông <input type="checkbox"/>	Hình tròn <input type="checkbox"/>	Hình chữ nhật <input type="checkbox"/>	Tam giác <input type="checkbox"/>	Hình khác
Nhận biết các vật quen thuộc		Có	Không	

Sờ nhận biết các tổ hợp chấm nổi:

Ngón trỏ trái:	Bình thường <input type="checkbox"/>	Kém <input type="checkbox"/>
Ngón trỏ phải:	Bình thường <input type="checkbox"/>	Kém <input type="checkbox"/>

Khả năng tự phục vụ

Tắm rửa:	Không cần hỗ trợ <input type="checkbox"/>	Hỗ trợ một phần <input type="checkbox"/>	Hỗ trợ hoàn toàn <input type="checkbox"/>
Đài, tiễu tiện:	Không cần hỗ trợ <input type="checkbox"/>	Hỗ trợ một phần <input type="checkbox"/>	Hỗ trợ hoàn toàn <input type="checkbox"/>
Giặt quần áo:	Không cần hỗ trợ <input type="checkbox"/>	Hỗ trợ một phần <input type="checkbox"/>	Hỗ trợ hoàn toàn <input type="checkbox"/>
Đánh răng:	Không cần hỗ trợ <input type="checkbox"/>	Hỗ trợ một phần <input type="checkbox"/>	Hỗ trợ hoàn toàn <input type="checkbox"/>
Ăn, uống:	Không cần hỗ trợ <input type="checkbox"/>	Hỗ trợ một phần <input type="checkbox"/>	Hỗ trợ hoàn toàn <input type="checkbox"/>

Khả năng định hướng, di chuyển

Phân biệt các phía: Phải – trái Trước – sau Trên – dưới

Tự di chuyển trong khu vực gia đình:	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Tự di chuyển trong khu vực làng xóm:	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Có bị tật vận động không:	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>

Nếu có, bị tật gì:.....

Khả năng phát triển ngôn ngữ

Tật ngôn ngữ : Nói ngọng <input type="checkbox"/>		Nói lắp <input type="checkbox"/>	Khó nói <input type="checkbox"/>	Không nói được <input type="checkbox"/>
Khả năng nói	Từ, cụm từ <input type="checkbox"/>	Câu đơn <input type="checkbox"/>	Câu phức <input type="checkbox"/>	
Biết trả lời câu hỏi:	Câu thông thường <input type="checkbox"/>	Câu liên kết từ 2 sự kiện <input type="checkbox"/>	Câu khó, phải tư duy, suy diễn <input type="checkbox"/>	
Nói người khác hiểu	Nội dung quen thuộc <input type="checkbox"/>	Nội dung nhiều sự kiện <input type="checkbox"/>	Nội dung phức tạp, trừu tượng <input type="checkbox"/>	

Khả năng phát triển trí tuệ

Khả năng chú ý:	Thời gian dài, có từ 2 sự kiện <input type="checkbox"/>	Thời gian ngắn, sự kiện đơn giản <input type="checkbox"/>	Không chú ý <input type="checkbox"/>
-----------------	---	---	--------------------------------------

Khả năng ghi nhớ:	Nhắc lại được 5 sự kiện ngay sau đó <input type="checkbox"/>	Nhắc lại được 5 sự kiện sau khi đã chuyển hoạt động <input type="checkbox"/>	Không nhắc lại được <input type="checkbox"/>
-------------------	--	--	--

Khả năng tư duy: Đếm xuôi và đếm ngược trong phạm vi 10.

Đếm xuôi trong phạm vi 10:	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Đếm ngược trong phạm vi 10:	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Phân biệt các hình cơ bản:	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Biết các đồ dùng trong gia đình:	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Kể được tên các con vật nuôi trong gia đình	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Kể được tên các cây quen thuộc:	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Kể được tên các hoa quả gần gũi	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>

Đánh giá khả năng phát triển trí tuệ:

Bình thường Chậm phát triển trí tuệ

Ngày tháng năm 200.....

Họ tên người lập phiếu

MẪU 3. PHIẾU TÌM HIỂU KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU CỦA TRẺ KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ TRƯỚC TUỔI HỌC (1 – 6 TUỔI)

1. Thông tin

Họ và tên trẻ..... Nam/ nữ

Ngày, tháng năm sinh.....

Địa chỉ gia đình.....Điện thoại.....

Họ và tên bố.....tuổi Nghề nghiệp.....

Họ và tên mẹ.....tuổi Nghề nghiệp.....

2. Nội dung

2.1 Khả năng của trẻ

2.1.1 Vận động thô

1 – 2 tuổi Khả năng		Có	Không
1	Đứng được trong giày lát		
2	Đi vịn vào đồ đạc		
3	Đứng vững một mình		
4	Cúi xuống rồi đứng lên		
5	Đi vững		
6	Đi giắt lùi		
7	Bước lên bậc thang		
2 - 3 tuổi			
1	Bước qua vật chướng ngại khi đang đi		
2	Đi giắt lùi		
3	Đứng trên các đầu ngón chân		
4	Đứng một chân trong (1, 2 hoặc 3 giây)		
5	Trèo lên, trèo xuống bậc thấp (giường, cầu thang, bậc thêm)		
6	Đá bóng bằng một chân		
7	Ném bóng cao tay		
8	Nhảy tại chỗ		
9	Đạp xe 3 bánh		
10	Nhảy xa		
3 - 6 tuổi			
1	Chạy, dừng, rê qua vật chướng ngại vật		
2	Mang đồ vật xuống cầu thang		
3	Đứng một chân 5 giây		
4	Nhảy 30 cm		
5	Bắt bóng nảy có đường kính 15 cm bằng 2 cánh tay		
6	Lái xe đạp 3 bóng vòng qua góc rộng		

Kết luận:

.....

2.1.2 Ngôn ngữ/giao tiếp

1 – 2 tuổi		Có	Không
1	Bắt chước âm nói		
2	Gọi được bố mẹ, bà		
3	Nói được 3 từ đơn giản		
4	Nói câu hai từ		
5	Chỉ được một bộ phận của cơ thể		
6	Gọi được tên một hình		
7	Đi đúng hướng		
2 – 3 tuổi			
1	Đáp ứng yêu cầu liên quan tới từ chỉ hành động (đứng lên, ngồi xuống, đi.....)		
2	Chỉ được 10 bộ phận cơ thể khi gọi tên		
3	Chỉ vật khi mô tả công dụng (Cái gì để uống nước)		
4	Biết được các từ chỉ vị trí trên, dưới, trong, ngoài; kích thước lớn nhỏ.		
5	Nói được tên và họ		
6	Chú ý nghe Truyện 10 phút		
3 – 6 tuổi			
1	Chỉ từ 13 – 16 bộ phận cơ thể		
2	Xếp đồ vật theo nhóm		
3	Biết từ chỉ kích thước: dài, ngắn; các tính từ (cứng, mềm, thô ráp, trơn nhẵn); các động từ (đóng, mở)		
4	Nói được vị trí (trước, sau) của đồ vật		
5	Đáp đúng được các yêu cầu liên quan tới từ chỉ vị trí		
6	Nhận biết được màu sắc		
7	Hiểu rét, mệt, đói		
8	Hiểu được giới từ		

Kết luận:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2.1. 3 Vận động tinh/nhận thức

1 – 2 tuổi		Có	Không
1	Lấy một vật ra khỏi hộp		
2	Dùng ngón cái và ngón trỏ nhặt hạt lên		
3	Tìm một đồ vật bị khuất		
4	Đập 2 khối gỗ vào nhau		
5	Đề các vật vào một cái bát		
6	Vẽ nguệch ngoạc		
7	Xây tháp (bằng khối gỗ, nhựa từ 2 đến 4 tầng)		
8	Dốc hạt ra khỏi lọ		
2 – 3 tuổi			
1	Hoàn thành trò chơi xếp hình từ 1 – 3 mảnh		
2	Vẽ vòng tròn, xâu hạt		
3	Tự xem sách một mình		
4	So sánh dài hơn, ngắn hơn		
3 – 6 tuổi			
1	Hoàn thành trò chơi xếp hình từ 6 đến 8 mảnh		
2	Đặt 5 khối gỗ theo thứ tự thẳng hàng		
3	Vẽ dấu cộng, chữ V, vẽ hình đơn giản		
4	Vẽ hình người ít nhất 3 phần		
5	Phân loại 3 hình dạng		
6	Phân loại 2 kích thước		
7	Phân loại vật theo nhóm		
8	Xâu hạt nhỏ		

Kết luận:

.....

.....

.....

.....

2.1.4 Liên cá nhân và xã hội

1 – 2 tuổi		Có	Không
1	Vẫy tay		
2	Chơi các trò chơi đơn giản (chi chi chành chành, nu na nu nống...)		
3	Chơi bóng với người giám sát		
4	Nhặt lên và ăn thức ăn nhỏ		
5	Tự cởi và đội mũ nón		
6	Biết hợp tác mặc và cởi quần áo (duỗi tay chân, giơ tay..)		
7	Bắt chước làm việc nhà (Cầm chổi, rót nước, lấy bát...)		
8	Biết gọi khi muốn đi vệ sinh		
2 – 3 tuổi			
1	Tham gia trò chơi tưởng tượng (Gia đình, đám cưới, đi chợ...)		
2	Biết tự mặc quần áo		
3	Tự rửa và lau tay		
4	Tự kéo, cởi quần khi đi vệ sinh		
3 – 6 tuổi			
1	Chơi được những trò chơi có luật		
2	Nói được giới tính khi được hỏi		
3	Hoàn thành việc đơn giản		
4	Mặc được những quần áo các dạng khác nhau		
5	Tự vào nhà vệ sinh khi được chỉ dẫn		
6	Tự đánh răng, lau mũi không cần nhắc		
7	Rửa mắt, rửa tay không cần giúp đỡ		

Kết luận:

.....
.....
.....

2.2. Nhu cầu của trẻ và những điều kiện chăm sóc giáo dục

2.2.1. Nhu cầu của trẻ

- Ước mơ của trẻ:

.....
.....
.....

- Sở thích của trẻ

.....
.....
.....

- Những điểm cần tránh khi làm việc, hoạt động với trẻ

.....
.....
.....

2.2.2 Điều kiện của gia đình

- Mong muốn của cha mẹ về tương lai của trẻ

.....
.....
.....

- Những hoạt động cha mẹ và các thành viên trong gia đình có thể hỗ trợ trẻ

.....
.....
.....

2.2.3 Những hoạt động mà cộng đồng có thể làm để hỗ trợ trẻ và gia đình

.....
.....
.....

2.2.4 Những hoạt động mà bạn bè có thể làm để hỗ trợ trẻ

.....
.....
.....

2.3 Kết luận

2.3.1 Điểm mạnh:

.....
.....
.....

2.3.2 Điểm yếu

.....
.....
.....

2.3.3 Những hoạt động cần hỗ trợ trẻ

.....
.....
.....

Ngày tháng năm

Thay mặt nhóm tìm hiểu

MẪU SỐ 4. PHIẾU TÌM HIỂU KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU CỦA TRẺ KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ 6 – 16 TUỔI

1. Thông tin

Họ và tên học sinh.....Nam/ nữ

Ngày, tháng năm sinh.....

Địa chỉ gia đình.....

Điện thoại.....

Họ và tên bố.....tuổi.....

Nghề nghiệp.....

Họ và tên mẹ.....tuổi.....

Nghề nghiệp.....

Hoàn cảnh kinh tế gia đình *Khá*

2. Nội dung tìm hiểu

2.1 Khả năng của trẻ

2.1.1 Nhận thức

Khả năng		Có ghi cụ thể	Không
1.	1	Lấy một vật ra khỏi hộp	
2.	2	Dùng ngón cái và ngón trỏ nhặt hạt lên	
		Tìm một đồ vật bị khuất	
		Đập 2 khối gỗ vào nhau	
		Đổ các vật vào một cái bát	
		Vẽ nguệch ngoạc	
		Xây tháp (bằng khối gỗ, nhựa từ 2 đến 4 tầng)	
		Dóc hạt ra khỏi lọ	
		Hoàn thành trò chơi xếp hình từ 1 – 3 mảnh	
		Vẽ vòng tròn, râu hạt	
		Tự xem sách một mình	
		So sánh dài hơn, ngắn hơn	
		Hoàn thành trò chơi xếp hình từ 6 đến 8 mảnh	
		Đặt 5 khối gỗ theo thứ tự thẳng hàng	
		Vẽ dấu cộng, chữ V, vẽ hình đơn giản	
		Vẽ hình người ít nhất 3 phần	
		Phân loại 3 hình dạng	
		Phân loại 2 kích thước	
		Phân loại vật theo nhóm	
		Xâu hạt nhỏ	
		Hiểu được khái niệm đơn giản chỉ thời gian	
		Hiểu được khái niệm đơn giản chỉ vị trí	
		Hiểu được khái niệm đơn giản chỉ kích thước	
		Phân biệt được 3 màu cơ bản	
		Phân biệt được hơn 3 màu cơ bản	

Nhận dạng được số 1; 2; 3; 4; 5			
Nhận dạng được 9 số tự nhiên			
Đếm xuôi			
Đếm ngược			
Thực hiện được phép cộng trong phạm vi 5			
Thực hiện được phép cộng trong phạm vi 10			
Thực hiện được phép cộng trong phạm vi 20			
Thực hiện được phép cộng trong phạm vi 100			
Thực hiện được phép trừ trong phạm vi 5			
Thực hiện được phép trừ trong phạm vi 10			
Thực hiện được phép trừ trong phạm vi 20			
Thực hiện được phép trừ trong phạm vi 100			
Thực hiện được phép cộng trừ có nhớ			
Ứng dụng phép nhân bảng nhân 2			
Ứng dụng phép nhân bảng nhân 3			
Ứng dụng phép nhân bảng nhân 4			
Thực hiện được phép nhân có nhớ			
Thực hiện được phép chia			
Nhận biết được các chữ cái a; o; c...			
Nhận dạng được hơn 5 chữ cái			
Nhận dạng được hơn 10 chữ cái			
Nhận dạng được tất cả các chữ cái			
Nhận dạng được 3 từ			
Nhận dạng được 5 từ			
Nhận dạng được hơn 10 từ			
Đọc đánh vần các từ đơn			
Đọc chậm các từ đơn			
Đọc trơn, nhanh các từ đơn			
Đọc trơn đoạn văn ngắn 10 dòng			
Đọc trơn và hiểu cả bài văn			
Viết được 3 chữ cái			
Viết được tất cả các chữ cái			
Viết được từ quan trọng không cần chép			
Viết được bài chính tả không cần chép			
Tự viết được thông điệp đơn giản 10 dòng			
Tự hoàn thành bức thư			
Viết được đoạn văn mô tả sự vật, hiện tượng			

2.1.2 Kỹ năng thích ứng

TT	I. Kỹ năng sống tại gia đình	Có	Không
1	Giúp việc nhà khi được yêu cầu		
2	Thu dọn đồ dùng cá nhân		
3	Xin phép trước khi làm một việc gì đó		
4	Chào hỏi trước khi đi hoặc về nhà		
5	Xung hô đúng ngôi thứ		
6	Giúp đỡ gia đình trong khâu chuẩn bị đồ ăn		
7	Tôn trọng góc hoặc đồ vật riêng tư của các thành viên khác		
8	Chào hỏi khi khách đến nhà		
II. Kỹ năng sinh hoạt trong nhà trường			
1	Đi học đúng giờ		
2	Ngồi đúng vị trí trong lớp học		
3	Biết xin phép trước khi có ý kiến		
4	Cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được giao		
5	Bước đầu có kỹ năng hợp tác nhóm		
6	Tìm sự trợ giúp của cô và các bạn khi gặp khó khăn		
7	Tuân thủ hình phạt		
8	Bắt chước những hành vi đúng		
III. Kỹ năng xã hội trong cộng đồng			
1	Nhận biết được người thân, quen, lạ		
2	Đi bộ trên đường một cách an toàn		
3	Biết tiếp chuyện khi được yêu cầu		
4	Đi được một mình qua một vài nhà hàng xóm		
5	Nhận được mặt và biết được chức năng của tiền		
6	Có thể đi mua đồ ở một vài cửa hàng quen thuộc		
7	Đáp lại nhận xét của mọi người một cách hợp lí		
8	Biểu hiện sự yêu thích rõ ràng với một số người		
IV. Lĩnh vực vui chơi			
1	Chơi chung với trẻ khác nhưng chưa biết hợp tác		
2	Chơi một số trò chơi đơn giản phối hợp với người khác		
3	Tuân thủ luật chơi		
4	Chia sẻ đồ chơi với các bạn trong khi chơi		
5	Biết chờ đến lượt mình		
6	Biết chơi có thi đua		

7	Biết chơi trong đội hình		
8	Tham gia các hoạt động chơi ngoài trường học với bạn		
V. Kỹ năng xã hội thể hiện trong giao tiếp và ứng xử			
1	Biết xử dụng đúng từ: Xin lỗi, cảm ơn, không, vâng, đúng, sai...		
2	Chú ý khi được hướng dẫn		
3	Thực hiện đúng các chỉ dẫn đơn giản		
4	Hiểu được các kí hiệu thông dụng trong cộng đồng: Nơi đi vệ sinh, cấm, nguy hiểm...		
5	Đưa ra một số thông điệp đơn giản mà người khác có thể hiểu được		
6	Không bộc lộ cảm xúc thái quá khi bị phủ nhận		
7	Không làm người khác bị tổn thương		
8	Biết cách mượn và trả lại đồ dùng của người khác sau khi đã dùng xong		

2.2. Nhu cầu của trẻ và những điều kiện có để đáp ứng chúng

2.2.1. Nhu cầu của trẻ

- Ước mơ của trẻ:

.....

- Sở thích của trẻ

.....

- Những điểm cần tránh khi làm việc, hoạt động với trẻ

.....

2.2.2 Điều kiện của gia đình

- Mong muốn của cha mẹ về tương lai của trẻ

.....

- *Những hoạt động cha mẹ và các thành viên trong gia đình có thể hỗ trợ trẻ*

.....
.....
.....

2.23 Những hoạt động mà cộng đồng có thể làm để hỗ trợ trẻ và gia đình

.....
.....
.....

2.2.4 Những hoạt động mà bạn bè có thể làm để hỗ trợ trẻ

.....
.....
.....

3. Kết luận

3.1 Điểm mạnh:

.....
.....
.....

3.2 Điểm yếu

.....
.....
.....

3.3 Những hoạt động cần hỗ trợ trẻ

.....
.....
.....
.....
.....

Ngày tháng năm
Thay mặt nhóm tìm hiểu

MẪU SỐ 5. PHIẾU ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU TRẺ KHIẾM THÍNH (MẦM NON)

A. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên trẻ: Nam Nữ Ngày sinh:
 Thời điểm mất thính lực: Thời điểm phát hiện khiếm thính:
 Thời điểm đeo máy: Nguyên nhân khiếm thính:
 Họ và tên bố: Tuổi: ĐT:
 Nghề nghiệp:
 Họ và tên mẹ: Tuổi: ĐT:
 Nghề nghiệp:
 Địa chỉ gia đình:

Người chăm sóc chính:	Tình trạng can thiệp và giáo dục:
<input type="checkbox"/> Trẻ sống với cha mẹ	<input type="checkbox"/> Được can thiệp <input type="checkbox"/> Chưa được can thiệp sớm
<input type="checkbox"/> Trẻ sống với cha hoặc mẹ	<input type="checkbox"/> Chưa đi học <input type="checkbox"/> Đang đi học.
<input type="checkbox"/> Trẻ sống với họ hàng	Lớp: Tên trường:.....
<input type="checkbox"/> Trẻ sống với người bảo trợ	<input type="checkbox"/> Bỏ học
<input type="checkbox"/> Trẻ sống ở trại trẻ hoặc cơ sở từ thiện	<input type="checkbox"/> Không được đi học, lí do:
<input type="checkbox"/> Trẻ ở hoàn cảnh khác	<input type="checkbox"/> Chưa có chương trình CTS
Môi trường phát triển của trẻ:	<input type="checkbox"/> Được CTS nhưng không tiến bộ
- Điều kiện gia đình:	<input type="checkbox"/> Trường không nhận
<input type="checkbox"/> Khá <input type="checkbox"/> Trung bình <input type="checkbox"/> Khó khăn	<input type="checkbox"/> Bố mẹ không cho đi học
- Mức độ quan tâm đến trẻ:	<input type="checkbox"/> Kinh tế khó khăn
<input type="checkbox"/> Rất quan tâm <input type="checkbox"/> Quan tâm <input type="checkbox"/> Ít quan tâm	Lý do khác:.....

B. NỘI DUNG

1. Về thể chất: Bình thường Không bình thường

2. Về thính giác và thính lực

1.1. Cấu trúc tai

Vành tai: Bình thường Không có Không bình thường.....
 Ống tai: Bình thường Không có Không bình thường

1.2. Khả năng nghe

Âm thanh	Tai phải		Tai trái		Tiếng nói	Tai phải		Tai trái	
	Có	Không	Có	Không		Có	Không	Có	Không
Tiếng trống					Nói thầm sát tai				
Tiếng còi					Nói BT cách tai 1m				
Tiếng vỗ tay					Nói BT sát tai				
Tiếng bấm bút bi					Nói to cách tai 1m				
					Nói to sát tai				

3. Khả năng ngôn ngữ - giao tiếp

3.1. Cơ quan cấu âm

Độ linh hoạt của lưỡi	Bình thường	Khó khăn	Không làm được	Độ linh hoạt của môi	Bình thường	Khó khăn	Không làm được
Thè ra ngoài				Chúm môi			
Đưa lên trên				Đoãn môi			
Đưa xuống dưới							
Đưa sang phải							
Đưa sang trái							

Giọng: Bình thường trầm trung bình cao mũi cằm

Thở: Mạnh yếu dài ngắn ngắt quãng

3.2. Khả năng bắt chước lời nói: Có Không

3.3 Khả năng đọc hiểu hình miệng:

Nội dung	Không	Có	Nội dung	Không	Có
Từ 1 tiếng			Câu 3 từ		
Từ 2 tiếng			Câu 4 từ		

Liệt kê những từ trẻ có:.....

.....

.....

3.4. Khả năng hiểu và biểu đạt ngôn ngữ nói:

Nội dung	Hiểu		Biểu đạt	
	Không	Có	Không	Có
Từ 1 tiếng				
Từ 2 tiếng				
Từ 3 tiếng				
Câu 3 tiếng				

Liệt kê những từ trẻ có:.....

3.5. Khả năng hiểu và biểu đạt bằng kí hiệu:

Nội dung	Hiểu		Biểu đạt	
	Không	Có	Không	Có
1 - 5 kí hiệu				
6 - 10 kí hiệu				
10 - 20 kí hiệu				

Liệt kê những kí hiệu trẻ có:.....

4. Khả năng nhận thức:

Hiểu được khái niệm đơn giản:

Cơ thể Đồ vật Gia đình Trường học Thiên nhiên
 Con vật Quả Hoa

C. KẾT LUẬN

1) Khả năng của trẻ:

2) *Khó khăn của trẻ*

Mức độ khiếm thính: Nhẹ Vừa Nặng Sâu

Mô tả chi tiết:

.....

.....

3) *Nhu cầu hỗ trợ*

- Can thiệp sớm
- Hỗ trợ kỹ năng đặc thù
- Giáo dục hòa nhập
- Khác

.....

.....

.....

Ngày.... tháng.... năm....

Người khảo sát

MẪU SỐ 6. PHIẾU ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU TRẺ KHIẾM THÍNH (TIỂU HỌC)

Họ và tên học sinh: Nam Nữ

Học lớp: trường:

Thời gian phát hiện khiếm thính:

Nguyên nhân khiếm thính:

Thời gian tham gia can thiệp sớm:

Quá trình bị khiếm thính:

1. Về thính giác và thính lực

1.1. Cấu trúc tai

Vành tai: Bình thường Không có Không bình thường.....
 Ống tai: Bình thường Không có Không bình thường.....

1.2. Khả năng nghe

Âm thanh	Tai phải		Tai trái		Tiếng nói	Tai phải		Tai trái	
	Có	Không	Có	Không		Có	Không	Có	Không
Tiếng trống					Nói thầm sát tai				
Tiếng còi					Nói BT cách tai 1m				
Tiếng vỗ tay					Nói BT sát tai				
Tiếng bấm bút bi					Nói to cách tai 1m				
					Nói to sát tai				

2. Khả năng về giao tiếp

2.1. Cơ quan cấu âm

Độ linh hoạt của lưỡi	Bình thường	Khó khăn	Không làm được	Độ linh hoạt của môi	Bình thường	Khó khăn	Không làm được
Thè ra ngoài				Chúm môi			
Đưa lên trên				Doãn môi			
Đưa xuống dưới							
Đưa sang phải							
Đưa sang trái							

Giọng: Bình thường trầm trung bình cao mũi cằm

Thở: Mạnh yếu dài ngắn ngắt quãng

2.2. Khả năng bắt chước lời nói: Có Không

2.2 Khả năng đọc hiểu hình miệng:

Nội dung	Không	Có	Nội dung	Không	Có
Từ 1 tiếng			Câu 3 từ		
Từ 2 tiếng			Câu 4 từ		
Từ 3 tiếng			Câu 5 từ		

Liệt kê những từ trẻ có:.....

2.3. Khả năng hiểu và biểu đạt ngôn ngữ nói:

Nội dung	Hiểu		Biểu đạt	
	Không	Có	Không	Có
Từ 1 tiếng				
Từ 2 tiếng				
Từ 3 tiếng				
Câu 3 tiếng				
Câu 4 tiếng				
Câu 5 tiếng				

Liệt kê những từ trẻ có:.....

2.4. Khả năng hiểu và biểu đạt bằng kí hiệu:

Nội dung	Hiểu		Biểu đạt	
	Không	Có	Không	Có
1 - 5 kí hiệu				
6 - 10 kí hiệu				
10 - 30 kí hiệu				
Trên 30 kí hiệu				

Liệt kê những kí hiệu trẻ có:.....

2.5. Khả năng viết

Viết: có khả năng khó khăn

Vẽ: có khả năng không có khả năng

3. Khả năng nhận thức

Tri giác (phát hiện chỗ thiếu trong hình): tốt khá trung bình kém

Tri nhớ (phát hiện vật thiếu): tốt khá trung bình kém

Tư duy: So sánh: tốt khá trung bình kém

Phân tích: tốt khá trung bình kém

Tổng hợp: tốt khá trung bình kém

4. Môi trường chăm sóc, giáo dục gia đình và cộng đồng

- Sự quan tâm của gia đình:

Quá quan tâm ; Quan tâm đúng mức ; Thờ ơ

- Mong đợi đối với trẻ:

Không hy vọng gì ; được đi học ; học nghề

- Người quan tâm chăm sóc trẻ:

bố ; mẹ ; anh/chị/em ; ông ; bà

- Điều kiện kinh tế gia đình:

nghèo ; trung bình ; khá giả , giàu có

- Hàng xóm:

xa lánh ; coi thường ; thương hại ; thông cảm ; quan tâm ;

ủng hộ/giúp đỡ

5. Kết luận

Những khả năng / điểm mạnh của trẻ:

- Thính lực:

- Ngôn ngữ - giao tiếp:

- Nhận thức:

- Hoà nhập: (dựa trên đặc điểm về tính cách, sở thích, ý chí, lòng tin và các đặc điểm về môi trường chăm sóc, giáo dục)

Nhu cầu cần được hỗ trợ / đáp ứng:

Ngày.... tháng.... năm....

Người khảo sát